

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU TRUNG QUỐC

ĐỖ TIẾN SÂM - LÊ VĂN SANG
(Đồng Chủ biên)

TRUNG QUỐC
VỚI VIỆC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ
KINH TẾ THỊ TRƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2004

MỤC LỤC

1. Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc với việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa 7
TS. Đỗ Tiến Sâm
2. Trung Quốc với vấn đề “Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế công hữu; khuyến khích, giúp đỡ và hướng dẫn kinh tế phi công hữu phát triển” 19
PGS. Nguyễn Huy Quý
3. Kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc - Giải thích lại về chế độ công hữu 33
PGS. TS. Du Minh Khiêm
4. Trung Quốc khuyến khích, giúp đỡ và hướng dẫn kinh tế phi công hữu phát triển 44
PGS. TS. Lê Văn Sang
5. Trung Quốc với việc hoàn thiện thể chế quản lý tài sản nhà nước 70
Phạm Sĩ Thành
6. Trung Quốc đi sâu cải cách doanh nghiệp quốc hữu 90
TS. Nguyễn Kim Bảo

7. Trung Quốc với việc quy hoạch thống nhất thành thị và nông thôn 108
THS. Nguyễn Xuân Cường
8. Chế độ ruộng đất, một trọng điểm của việc hoàn thiện thể chế kinh tế nông thôn Trung Quốc 123
TS. Nguyễn Minh Hằng
CN. Lê Hải Vân
9. Về vấn đề hoàn thiện hệ thống thị trường ở Trung Quốc 138
THS. Đỗ Ngọc Toàn
10. Trung Quốc với việc hoàn thiện hệ thống điều tiết vĩ mô, chuyển đổi chức năng của chính quyền 156
TS. Phạm Thái Quốc
11. Trung Quốc với việc hoàn thiện thể chế giáo dục 174
THS. Nguyễn Văn Căn
12. Sửa đổi Hiến pháp, một bảo đảm quan trọng cho sự thành công của việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa 192
TS. Đỗ Tiến Sâm
13. Tăng cường và cải thiện sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong bối cảnh lịch sử mới 202
PGS. Nguyễn Huy Quý

HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 3 KHOÁ XVI ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC VỚI VIỆC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG XHCN

TS. ĐỖ TIẾN SÂM
Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Mở đầu

Như mọi người đã biết, ngày 14 - 10 - 2003 vừa qua, Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thông qua bản *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN*. Đây là một văn kiện mang tính cương lĩnh, chứa đựng nhiều suy nghĩ mới, quan điểm mới thể hiện sự đột phá về mặt lý luận cải cách thể chế kinh tế, thúc đẩy kinh tế - xã hội Trung Quốc phát triển toàn diện.

Bài viết này trình bày và phân tích sự cần thiết, mục tiêu, nhiệm vụ và những nội dung chủ yếu của việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN ở Trung Quốc, sau đó nêu lên một số nhận xét bước đầu.

1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN

Chúng ta đều biết rằng, công cuộc cải cách - mở cửa ở Trung Quốc được bắt đầu từ sau Hội nghị Trung ương 3 khoá XI (1978), nhưng phải mất gần 15 năm mò mẫm theo kiểu “dò đá qua sông” và những biện pháp cải cách vẫn chỉ loay hoay trong khuôn khổ thể chế kinh tế kế hoạch truyền thống với đặc trưng cố hữu là xơ cứng và khép kín. Tiếp đó, được “cổ vũ” kịp thời của người thiết kế vĩ đại Đặng Tiểu Bình thể hiện trong bài nói chuyện tại chuyến thăm phương Nam mùa Xuân năm 1992, Đại hội XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chính thức nêu lên mục tiêu *xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN* và sau đó Hội nghị Trung ương 3 khoá XIV (tháng 10 - 1993) đã ban hành bản *Quyết định về một số vấn đề xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN*, thể hiện một sự đột phá quan trọng về lý luận cải cách thể chế kinh tế ở nước này. Từ đó đến nay, công cuộc cải cách thể chế kinh tế ở Trung Quốc đã đạt được những thành tựu quan trọng cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn. Về mặt lý luận, Trung Quốc đã nêu lên một loạt quan điểm mới như: *một là*, nêu lên quan điểm cho rằng, công hữu là chủ thể - kinh tế nhiều sở hữu cùng phát triển là chế độ kinh tế cơ bản trong giai đoạn đầu của CNXH đặc sắc Trung Quốc; cần phải củng cố phát triển kinh tế phi công hữu; khuyến khích giúp đỡ và hướng dẫn kinh tế phi công hữu phát triển. *Hai là*, nêu lên quan điểm

cho rằng, hình thức thực hiện chế độ công hữu có thể, và hơn thế nữa, phải đa dạng hoá, phải từ mặt chiến lược điều chỉnh bố cục của kinh tế quốc hữu. *Ba là*, nêu lên quan điểm cho rằng, phải xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại với các nội dung như: quyền tài sản rõ ràng, quyền lợi và trách nhiệm phân minh, chính quyền và doanh nghiệp tách rời, quản lý khoa học v.v... *Bốn là*, nêu lên quan điểm cho rằng, phải kiên trì và hoàn thiện nhiều hình thức phân phối, trong đó phân phối theo lao động là chủ thể, kết hợp phân phối theo lao động với phân phối theo yếu tố sản xuất; xác lập nguyên tắc phân phối tùy theo sự đóng góp của các yếu tố sản xuất như lao động, vốn, kỹ thuật và quản lý v.v... *Năm là*, nêu lên quan điểm về phát triển thị trường các yếu tố sản xuất như thị trường vốn, thị trường lao động v.v...

Có thể nói rằng, những đột phá về mặt lý luận nêu trên đã góp phần quan trọng trong việc “cởi trói”, giải phóng và phát triển sức sản xuất, làm cho sức mạnh tổng hợp của đất nước, đời sống nhân dân và vị thế quốc tế của Trung Quốc không ngừng tăng lên.

Tuy nhiên, nền kinh tế Trung Quốc đang đứng trước nhiều vấn đề nan giải như: kết cấu kinh tế không hợp lý, quan hệ phân phối chưa thật hài hoà, thu nhập của nông dân tăng trưởng chậm, mâu thuẫn việc làm gay gắt, sức ép về tài nguyên và môi trường ngày càng lớn, sức cạnh tranh chính thể của nền kinh tế chưa mạnh v.v... Muốn giải quyết những vấn đề và mâu thuẫn nan

giải trên đây, Trung Quốc buộc phải tiếp tục cải cách và hoàn thiện về mặt thể chế.

Ngoài ra, môi trường bên ngoài của công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc cũng đã và đang biến đổi nhanh chóng, phức tạp và khó lường. Việc gia nhập WTO cuối năm 2001 đánh dấu công cuộc cải cách mở cửa, hội nhập quốc tế của Trung Quốc đã bước vào một giai đoạn hoàn toàn mới. Nó đặt ra những yêu cầu rất mới đối với công cuộc cải cách thể chế kinh tế của Trung Quốc. Một mặt, nó tạo ra động lực thúc đẩy cải cách nhưng đồng thời nó cũng đưa lại sức ép rất lớn đối với Trung Quốc, nhất là thời kỳ quá độ đã sắp kết thúc, làm cho yêu cầu và nhiệm vụ cải cách thể chế kinh tế trở nên cấp bách và nặng nề hơn. Chỉ có đi sâu vào cải cách, từ đó nâng cao sức cạnh tranh chính thể của nền kinh tế, Trung Quốc mới có thể thu được lợi ích, tránh được thiệt hại của quá trình toàn cầu hoá kinh tế - một xu thế đã và đang ngày một lan rộng và lôi cuốn hầu hết các nước trên thế giới.

Như vậy, cho đến trước Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc, công cuộc cải cách và mở cửa của Trung Quốc đứng trước hai tình hình: *một là*, sự phát triển bên trong với những mâu thuẫn và khó khăn tích tụ cùng với tình hình quốc tế biến động phức tạp và khó lường đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi cao hơn đối với công cuộc cải cách thể chế kinh tế. *Hai là*, bản thân thể chế kinh tế Trung Quốc xây dựng 25 năm qua mà trọng tâm

là từ Hội nghị Trung ương 3 khoá XIV (1993) đến nay còn nhiều khuyết tật, bộc lộ nhiều thiếu sót; sự phát triển kinh tế - xã hội còn gặp nhiều trở ngại mang tính thể chế, nếu không kịp thời tháo gỡ thì nó sẽ trở thành vật cản cho sự phát triển, mục tiêu xây dựng xã hội khá giả toàn diện rất khó thực hiện.

Trong tình hình như vậy, theo các nhà khoa học Trung Quốc, việc Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ban hành bản *Quyết định về việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN*, là rất kịp thời và cần thiết.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ của việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN

Nhằm thích ứng với xu thế toàn cầu hoá và sự tiến bộ không ngừng của khoa học kỹ thuật thế giới, đáp ứng yêu cầu xây dựng xã hội khá giả toàn diện, bản *Quyết định* của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc nêu rõ: Trung Quốc “cần phải đẩy nhanh cải cách, giải phóng và phát triển hơn nữa sức sản xuất, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển kinh tế và sự tiến bộ toàn diện của xã hội”.

Bản *Quyết định* cũng nêu rõ mục tiêu của mô hình thể chế kinh tế thị trường XHCN là phải quán triệt “5 quy hoạch thống nhất” và thực hiện được “5 điều kiên trì”, tức là phải căn cứ vào yêu cầu “quy hoạch thống nhất phát triển thành thị và nông thôn, quy hoạch

thống nhất phát triển vùng, quy hoạch thống nhất phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch thống nhất sự phát triển hài hoà giữa con người và tự nhiên, quy hoạch thống nhất giữa phát triển bên trong với mở cửa đối ngoại”, phát huy hơn nữa vai trò mang tính cơ sở của thị trường trong việc bố trí các nguồn lực. Còn “5 kiên trì” bao gồm: kiên trì phương hướng cải cách kinh tế thị trường XHCN, kiên trì tôn trọng tinh thần sáng tạo của quần chúng, kiên trì xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa cải cách, phát triển và ổn định, kiên trì quy hoạch thống nhất, kết hợp hài hoà các quan hệ lợi ích trong tiến trình cải cách, kiên trì lấy con người làm gốc.

Căn cứ vào các nguyên tắc và mục tiêu trên, bản *Quyết định* nêu lên một số nhiệm vụ chủ yếu của việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN ở Trung Quốc trong thời gian tới như sau: *Một là*, hoàn thiện chế độ kinh tế cơ bản công hữu là chủ thể, kinh tế nhiều sở hữu cùng phát triển; *hai là*, xây dựng thể chế có lợi cho việc từng bước thay đổi kết cấu kinh tế nhị nguyên thành thị - nông thôn; *ba là*, hình thành cơ chế thúc đẩy sự phát triển hài hoà kinh tế vùng; *bốn là*, xây dựng hệ thống thị trường hiện đại thống nhất, mở cửa cạnh tranh có trật tự; *năm là*, hoàn thiện hệ thống điều tiết vĩ mô, thể chế quản lý hành chính và chế độ pháp luật kinh tế; *sáu là*, kiện toàn chế độ làm việc, phân phối thu nhập và bảo đảm xã hội; *bảy là*, xây dựng cơ chế thúc đẩy sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

Theo chúng tôi, những nội dung nêu trên thể hiện một sự nhận thức mới và sâu sắc hơn về mục tiêu của cải cách thể chế kinh tế. Nó gắn kết điểm xuất phát với mục tiêu cuối cùng của cải cách thể chế kinh tế là phát triển con người, “lấy con người làm gốc”, đồng thời đặt con người trong mối quan hệ hài hoà với tự nhiên, trong sự phát triển thống nhất giữa thành thị với nông thôn, giữa các vùng, giữa kinh tế với xã hội v.v... Còn theo các nhà lãnh đạo Trung Quốc, đây là sự tổng kết kinh nghiệm hơn 20 năm cải cách, là sự thích ứng với tình hình và nhiệm vụ mới, là việc nhìn thẳng vào những vấn đề nổi bật đang còn tồn tại trong sự phát triển kinh tế - xã hội của Trung Quốc.

3. Những nội dung chủ yếu của việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN

Nhằm thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu nêu trên, bản *Quyết định* của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã nêu lên một số nội dung hay giải pháp tổng quát sau đây:

Một là, củng cố và phát triển hơn nữa kinh tế công hữu; khuyến khích, giúp đỡ và hướng dẫn kinh tế phi công hữu phát triển.

Hai là, hoàn thiện thể chế quản lý tài sản nhà nước, đi sâu cải cách doanh nghiệp nhà nước.

Ba là, đi sâu cải cách nông thôn, hoàn thiện thể chế kinh tế nông thôn.

Bốn là, hoàn thiện hệ thống thị trường, quy phạm trật tự thị trường.

Năm là, tiếp tục cải thiện điều tiết vĩ mô, nhanh chóng chuyển biến chức năng của chính quyền.

Sáu là, hoàn thiện thể chế thuế, đi sâu cải cách tiền tệ.

Bảy là, đi sâu cải cách thể chế kinh tế đối ngoại, nâng cao toàn diện mức độ mở cửa đối ngoại.

Tám là, thúc đẩy cải cách thể chế việc làm và phân phối, hoàn thiện hệ thống bảo đảm xã hội.

Chín là, đi sâu cải cách thể chế khoa học kỹ thuật, giáo dục, văn hoá và y tế, nâng cao năng lực sáng tạo mới của Nhà nước và tổ chất chính thể của quốc dân.

Mười là, đi sâu cải cách thể chế quản lý hành chính, hoàn thiện chế độ pháp luật kinh tế.

Mười một là, tăng cường và cải thiện sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu cho việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN.

Theo chúng tôi, 11 nội dung chủ yếu nêu trên bao quát nhiều lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học kỹ thuật, giáo dục, y tế, luật pháp và chính trị. Điều đó cho thấy, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN là một công việc chung của cả hệ thống chính trị với những giải pháp đồng bộ, nếu không sẽ rất khó thực hiện.

Những suy nghĩ mới, quan điểm mới thể hiện trong

mục tiêu, nhiệm vụ và các nội dung của việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN sẽ được các nhà khoa học trình bày và lý giải. Ở đây, chúng tôi chỉ xin nêu một số suy nghĩ tâm đắc của mình. Chẳng hạn, về mặt chế độ cổ phần - mà theo cách gọi Việt Nam là “cổ phần hoá”, một vấn đề nhạy cảm thường gây nhiều tranh cãi ở các nước đang trong quá trình chuyển đổi như Trung Quốc, Việt Nam. Trước đây, ở Trung Quốc, nhiều người cho rằng, “chế độ cổ phần” là thuộc phạm trù TBCN, chế độ cổ phần và chế độ công hữu là hoàn toàn xa lạ, không thể ăn nhập được với nhau. Nhưng qua tìm tòi trong thực tiễn, các doanh nghiệp nhà nước (tức xí nghiệp quốc hữu) sau khi thực hiện chế độ cổ phần đã có những ưu điểm mà không một hình thức kinh doanh nào có thể thay thế được. Văn kiện Đại hội XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc (1992) một mặt chỉ rõ những ưu điểm của chế độ cổ phần là “có lợi cho việc thực hiện chính quyền và doanh nghiệp tách rời, chuyển đổi cơ chế kinh doanh của doanh nghiệp và tập trung vốn xã hội”; nhưng mặt khác, văn kiện cũng mới chỉ nêu lên quan điểm chỉ đạo một cách thận trọng cho rằng “cần phải *tích cực thí điểm, tổng kết kinh nghiệm... làm cho chế độ cổ phần phát triển có trật tự và lành mạnh*”. Đại hội XV (1997) tiến thêm một bước khẳng định rằng: “Tất cả hình thức kinh doanh và hình thức tổ chức phản ánh quy luật sản xuất xã hội hoá đều có thể *mạnh dạn lợi dụng... Chế độ cổ phần có thể là hình thức thực hiện của chế độ sở hữu, bản thân nó không mang tính XHCN*

cũng không mang tính TBCN”. Đây là một lần đột phá quan trọng về mặt lý luận. Theo đà phát triển đó, văn kiện Đại hội XVI nêu rõ: “Tìm tòi hơn nữa các *hình thức thực hiện hữu hiệu* chế độ công hữu, nhất là chế độ quốc hữu... Ngoài một số doanh nghiệp phải do Nhà nước đầu tư kinh doanh ra, *tích cực thực hiện chế độ cổ phần*, phát triển kinh tế sở hữu hỗn hợp”.

Tròn 1 năm sau Đại hội XVI, đến Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI, lần đầu tiên Trung Quốc nêu lên quan điểm cho rằng: “Phát triển mạnh mẽ kinh tế sở hữu hỗn hợp, thực hiện đa dạng hoá chủ thể đầu tư, làm cho *chế độ cổ phần trở thành hình thức thực hiện chủ yếu* của chế độ công hữu”. Đây lại là một lần đột phá lớn nữa về mặt lý luận.

Như vậy, nhận thức của Trung Quốc về chế độ cổ phần đã có một quá trình phát triển lâu dài, từ chỗ coi nó thuộc phạm trù TBCN (thời kỳ đầu cải cách) đến chỗ cho rằng nó không mang tính XHCN cũng không mang tính TBCN; từ chỗ coi nó là thứ hoàn toàn xa lạ, đến chỗ thấy được những ưu điểm của nó, cần phải “tích cực thí điểm” (Đại hội XIV-1992), đến chỗ “mạnh dạn lợi dụng” (Đại hội XV-1997) và “tích cực thực hiện” (Đại hội XVI - 2002); từ chỗ chỉ xem nó là một hình thức “có thể thực hiện” (Đại hội XV-1997) đến chỗ cho rằng nó là một “hình thức thực hiện hữu hiệu” (Đại hội XVI-2002) và hơn thế nữa - là “hình thức thực hiện chủ yếu” của chế độ công hữu. Điều này cũng có nghĩa rằng, đối với việc

lý giải về *chế độ công hữu* - một vấn đề được xem là nền tảng của chế độ XHCN, Trung Quốc đã có được những nhận thức mới, rõ ràng hơn, thống nhất hơn, hoàn toàn thoát ra khỏi quan niệm cứng nhắc của thời kỳ kinh tế kế hoạch. Theo chúng tôi, trong thời gian tới, tốc độ đa dạng hoá doanh nghiệp nhà nước ở Trung Quốc sẽ được đẩy nhanh hơn nữa.

Kết luận

Công cuộc cải cách thể chế kinh tế ở Trung Quốc đã trải qua một chặng đường dài 1/4 thế kỷ với nhiều thành tựu và thách thức. Bước vào thế kỷ mới, nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng toàn diện xã hội khá giả và thích ứng với những biến đổi mau lẹ của tình hình thế giới, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã ban hành *Quyết định về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN*, một văn kiện có tính cương lĩnh nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện kinh tế - xã hội Trung Quốc. Tuy nhiên, theo các nhà khoa học Trung Quốc, từ chỗ “bước đầu xây dựng” đến chỗ “hoàn thiện” - một thể chế chưa từng được đề cập về mặt lý luận và chưa có tiền lệ lịch sử tuy là một bước nhảy vọt mang tính lịch sử về mặt nhận thức, một thực tiễn mới hết sức vĩ đại nhưng cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề và chồng chất khó khăn, đòi hỏi một quyết tâm và nỗ lực rất cao của toàn Đảng, toàn dân Trung Quốc.

Chúng tôi cho rằng, nếu các quan điểm lý luận mới được nêu trong bản *Quyết định* được quán triệt và trở

thành hành động trong thực tiễn thì Trung Quốc nhất định sẽ có bước phát triển mới trong thời gian tới. Bởi lẽ, một khi các ràng buộc về mặt thể chế được tháo gỡ hoặc dỡ bỏ, nó sẽ có tác dụng rất lớn trong việc giải phóng và phát triển hơn nữa sức sản xuất, tạo đà cho sự phát triển kinh tế mà kinh tế phát triển lại là tiền đề cho sự phát triển toàn diện con người và tiến bộ xã hội. Vì vậy, có thể nói rằng đến Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI, với việc thông qua bản *Quyết định* quan trọng nêu trên, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã hoàn thành *tiền đề lý luận* cho thời kỳ then chốt của công cuộc cải cách mở cửa, hội nhập quốc tế của đất nước mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN*. Nxb. Nhân dân, Bắc Kinh, 2003.

2. *Sự đảm bảo thể chế của việc xây dựng toàn diện xã hội khá giả (xã luận)*. *Nhân dân nhật báo*, ngày 15-10-2003.

3. Tài liệu học tập *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN*. Nxb. Nhân dân, Bắc Kinh, 2003.

4. *Đột phá quan trọng nhận thức về hình thức thực hiện chế độ công hữu*. *Báo Tham khảo kinh tế*, ngày 20- 10-2003.

5. Triệu Trường Mậu. *Hoàn thành tiền đề lý luận của thời kỳ then chốt*. Tạp chí *Liêu vọng*, số 42, ngày 20-10-2003.

**TRUNG QUỐC VỚI VẤN ĐỀ
“TIẾP TỤC Củng CỐ VÀ PHÁT TRIỂN
KINH TẾ CÔNG HỮU; KHUYẾN KHÍCH,
GIÚP ĐỠ VÀ HƯỚNG DẪN KINH TẾ
PHI CÔNG HỮU PHÁT TRIỂN”**

PGS. NGUYỄN HUY QUÝ
Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN được thông qua tại Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI (14-10-2003) là một bước phát triển mới về lý luận và đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường XHCN ở Trung Quốc trong bối cảnh mới của tình hình quốc tế và trong nước.

Vấn đề quan trọng được đề cập trước hết trong *Quyết định* đó là “tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế công hữu, khuyến khích, giúp đỡ và hướng dẫn kinh tế phi công hữu phát triển” với 3 chủ trương cụ thể là “áp dụng nhiều hình thức thực hiện có hiệu quả chế độ công hữu”; “Ra sức phát triển và tích cực hướng dẫn kinh tế phi công hữu”; “Xây dựng kiện toàn chế độ sản quyền

hiện đại”. Sau đây xin trình bày và phân tích nội dung chủ yếu trong 3 chủ trương đó:

1. Về vấn đề “áp dụng nhiều hình thức thực hiện có hiệu quả chế độ công hữu”

Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc nêu rõ: “Kiên trì vị trí chủ thể của chế độ công hữu, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc hữu. Tích cực mở rộng nhiều hình thức thực hiện có hiệu quả chế độ công hữu, tăng nhanh nhịp độ điều chỉnh bố cục và kết cấu kinh tế quốc hữu. Phải thích ứng với xu thế phát triển không ngừng về thị trường hoá kinh tế, tăng cường hơn nữa sức sống của kinh tế quốc hữu, ra sức phát triển kinh tế sở hữu hỗn hợp có cổ phần của nhà nước, tập thể, và phi công hữu, thực hiện đa dạng hoá chủ thể đầu tư, làm cho chế độ cổ phần trở thành hình thức thực hiện chủ yếu chế độ công hữu”⁽¹⁾.

Lý luận và đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Trung Quốc về chế độ cổ phần trong nền kinh tế thị trường XHCN đã trải qua một quá trình phát triển, thể hiện chủ yếu trong các văn kiện Đại hội XIV, Hội nghị Trung ương 3 khoá XIV, Đại hội XV, Hội nghị Trung ương 4 khoá XV, Đại hội XVI, và Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI. Đại hội XIV (tháng 10-1992) lần đầu tiên xác

1. *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN*: Nxb. Nhân dân (Trung Quốc), Bắc Kinh, tr 3, 4.

định kinh tế thị trường XHCN là mục tiêu cải cách thể chế kinh tế. Hội nghị Trung ương 3 khoá XIV (tháng 11-1993) ra chủ trương “Chuyển đổi cơ chế kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, xây dựng doanh nghiệp hiện đại”. Hội nghị cho rằng: “Cùng với sự lưu động và cải tổ sản quyền, các đơn vị kinh tế sở hữu tài sản hỗn hợp ngày càng nhiều sẽ dẫn tới sự hình thành kết cấu sở hữu tài sản hỗn hợp”, “theo yêu cầu của chế độ doanh nghiệp hiện đại, các tổng công ty hiện có cần từng bước chuyển thành công ty cổ phần”⁽¹⁾. Đại hội XV Đảng Cộng sản Trung Quốc đưa ra lý luận mang tính chất đột phá về chế độ sở hữu và chủ trương “hình thức thực hiện chế độ công hữu có thể và cần phải đa dạng hoá... Chế độ cổ phần là một hình thức tổ chức vốn của doanh nghiệp hiện đại, có lợi cho việc phân tách quyền sở hữu và quyền kinh doanh, có lợi cho việc nâng cao hiệu quả vận hành doanh nghiệp và tiền vốn, chủ nghĩa tư bản có thể sử dụng, chủ nghĩa xã hội cũng có thể sử dụng. Không thể nói chung chung chế độ cổ phần là công hữu hay tư hữu, vấn đề cốt lõi là quyền khống chế cổ phiếu nằm trong tay ai. Nhà nước và tập thể khống chế cổ phần rõ ràng là có tính chất công hữu”⁽²⁾. Hội nghị Trung ương 4 khoá XV (tháng 9-1999) chủ trương: “Vai trò của kinh tế

-
1. *Tuyển tập các văn kiện Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc*. Nxb. Trường Đảng Trung ương, Bắc Kinh, 1994, tr. 646.
 2. *Tuyển tập các văn kiện quan trọng từ sau đại hội XV*, quyển thượng, Nxb. Nhân dân, Bắc Kinh, 2000, tr 22.

nhà nước vừa thực hiện qua doanh nghiệp toàn bộ vốn nhà nước, càng phải ra sức phát triển chế độ cổ phần, tìm cách thực hiện qua các doanh nghiệp nhà nước không chế cổ phần và tham gia cổ phần... Phải tích cực tìm tòi nhiều hình thức thực hiện chế độ công hữu có hiệu quả... Những doanh nghiệp nhà nước có quy mô lớn và vừa, nhất là những doanh nghiệp có ưu thế, doanh nghiệp nào cổ phần hoá được thì đổi thành doanh nghiệp cổ phần..., phát triển kinh tế sở hữu hỗn hợp, các doanh nghiệp quan trọng do nhà nước không chế cổ phần”⁽¹⁾. Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 11-2002) chủ trương “ngoài một số rất ít doanh nghiệp phải được kinh doanh bằng một trăm phần trăm vốn nhà nước, cần tích cực đẩy mạnh thực hiện chế độ cổ phần, phát triển kinh tế sở hữu hỗn hợp”⁽²⁾.

Nghiên cứu quá trình phát triển lý luận và hoạch định đường lối cải cách thể chế kinh tế của Đảng Cộng sản Trung Quốc từ Đại hội XIV (1992) tới nay chúng ta có thể kết luận: quá trình đó ngày càng tiến gần tới quan điểm của Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI lấy chế độ cổ phần làm “hình thức thực hiện chủ yếu chế độ công hữu”. Nói cách khác, *Quyết định* của Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI “làm cho chế độ cổ phần trở

1. *Tuyển tập các văn kiện quan trọng từ sau đại hội XV*, quyển thượng, Nxb. Nhân dân, Bắc Kinh, 2000, tr 22.

2. *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr 48.

thành hình thức thực hiện chủ yếu chế độ công hữu” là sự tiếp tục nhất quán và là sự phát triển mới về lý luận cải cách thể chế kinh tế trước đây của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Sự phát triển về lý luận đó được rút ra từ sự tổng kết thực tiễn cải cách thể chế ở Trung Quốc trong nhiều năm qua. Quá trình cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước ở Trung Quốc được triển khai rộng rãi từ sau Đại hội XV Đảng Cộng sản năm 1997. Theo thống kê, tính đến cuối năm 2002, đã có 3468 doanh nghiệp trọng điểm đã được cổ phần hoá. Trong thời gian 5 năm đó có thêm 442 doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp nhà nước không chế cổ phần mới thành lập với tổng số vốn 7436 tỷ nhân dân tệ (NDT). Trong các doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hoá, số vốn đăng ký của các thành phần ngoài nhà nước (tập thể, tư nhân, vốn ngoại) chiếm khoảng 42%. Thực tiễn cho thấy nhờ cổ phần hoá mà kinh tế nhà nước có sự phát triển mạnh. Tính đến cuối năm 2002, các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp do nhà nước không chế cổ phần đã thu được lợi nhuận 263,6 tỷ NDT, gấp 3,3 lần so với năm 1997. Cũng trong 5 năm từ 1997 đến 2002, tài sản của doanh nghiệp nhà nước tăng từ 12.500 tỷ NDT lên 15.460 tỷ NDT (tỷ lệ tăng trưởng là 23,7%)⁽¹⁾. Nhờ cổ phần hoá mà

1. Ngụy Lễ Quân. *Tích cực áp dụng nhiều hình thức thực hiện có hiệu quả chế độ công hữu. Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN*. Sdd, tr. 28, 29.

một số doanh nghiệp nhà nước trở thành những công ty mạnh nhất thế giới.

Nói tóm lại, Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tổng kết thực tiễn cải cách thể chế kinh tế từ nhiều năm qua, nhất là từ sau Đại hội XV tới nay để rút ra kết luận, đề ra chủ trương lấy chế độ cổ phần làm hình thức thực hiện chủ yếu của chế độ công hữu.

2. Về vấn đề “ra sức phát triển và tích cực hướng dẫn kinh tế phi công hữu”

Từ khi Đại hội XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc (1992) xác định mục tiêu cải cách thể chế kinh tế ở Trung Quốc là xác lập nền kinh tế thị trường XHCN, vấn đề “kinh tế phi công hữu” đã trải qua nhiều bước phát triển về chủ trương chính sách. Nghị quyết Đại hội XIV quy định “kinh tế công hữu, bao gồm sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là chủ thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh, kinh tế vốn ngoại là bổ sung”⁽¹⁾. Nghị quyết Đại hội XV (1997) nâng tầm quan trọng của kinh tế phi công hữu lên một bước: “Kinh tế phi công hữu là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường XHCN nước ta. Cần tiếp tục khuyến khích, hướng dẫn kinh tế phi công hữu gồm kinh tế cá thể, kinh tế tư

1. *Tuyển tập văn kiện Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc*. Sđd, tr. 574.

doanh v.v... phát triển một cách lành mạnh”⁽¹⁾. Hiến pháp (sửa đổi) nước CHND Trung Hoa năm 1999 cũng đã quy định Nhà nước bảo hộ quyền hạn và lợi ích hợp pháp của kinh tế tư doanh. Đại hội XVI (2002) chủ trương “Kiên trì lấy chế độ công hữu làm chủ thể, thúc đẩy kinh tế phi công hữu phát triển, thống nhất trong tiến trình xây dựng hiện đại hoá XHCN, không được để hai loại hình kinh tế đó đối lập với nhau”⁽²⁾.

Như vậy, về chiến lược, chủ trương phát triển kinh tế phi công hữu của Đảng Cộng sản Trung Quốc là nhất quán. Quyết định của Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI “ra sức phát triển và tích cực hướng dẫn kinh tế phi công hữu” là sự tiếp tục và phát triển chủ trương nhất quán đó. Sự phát triển mới ở đây là “ra sức phát triển” và “tích cực hướng dẫn”, đặc biệt là nhấn mạnh phải thanh lý và sửa chữa những pháp luật, pháp quy và chính sách, xoá bỏ những trở ngại về thể chế hạn chế kinh tế phi công hữu phát triển.

Sự nâng cấp về quan điểm và chủ trương đó là xuất phát từ thực tiễn vai trò của kinh tế phi công hữu đã được nâng cấp trong nền kinh tế Trung Quốc trong những năm qua, và sự bức bách cần tăng cường vai trò

1. *Tuyển tập các văn kiện quan trọng từ sau đại hội XV*, quyển thượng. Sđd, tr. 22.

2. *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc*. Sđd, tr.46.

của kinh tế phi công hữu trong nền kinh tế Trung Quốc những năm tới.

Theo thống kê, trong 25 năm cải cách mở cửa, kinh tế Trung Quốc tăng trưởng bình quân hàng năm 9%, trong khi kinh tế cá thể và tư doanh tăng bình quân hàng năm trên 20%, năm 1979 mới chỉ đóng góp 1%, đến năm 2001 đã đóng góp 20% vào GDP của Trung Quốc. Năm 2002 số lao động làm việc trong các doanh nghiệp cá thể và tư doanh ở Trung Quốc là 81,5 triệu người. Theo con số điều tra tình hình việc làm của người lao động ở 66 thành phố trên toàn quốc, có 65,2% số lao động mất việc làm trong doanh nghiệp nhà nước đã tìm được việc làm trong các doanh nghiệp cá thể và tư doanh. Từ sau ngày cải cách, nhất là hơn 10 năm nay ở Trung Quốc đã xuất hiện nhiều ngành nghề mới đặc biệt là những ngành khoa học công nghệ, kinh tế phi công hữu đã đóng góp và thúc đẩy sự phát triển của các ngành nghề đó. Theo thống kê, năm 2001, ở Trung Quốc có hơn 10 vạn doanh nghiệp dân doanh về khoa học công nghệ, với gần 6,5 triệu công nhân viên chức, có tổng thu nhập 1847 tỷ NDT, có tổng tài sản 2480 tỷ NDT. Báo chí Trung Quốc đánh giá đây là một “điểm sáng” của nền kinh tế quốc dân. Sự phát triển của kinh tế phi công hữu đã có tác dụng hỗ trợ thúc đẩy quá trình cải cách kinh tế công hữu. Theo số liệu điều tra năm 2002, ở Trung Quốc có 25,7% số doanh nghiệp tư doanh do doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi thành, 8% số

doanh nghiệp tư doanh đã mua và 13,9% số doanh nghiệp tư doanh chuẩn bị mua doanh nghiệp nhà nước. Trong kinh tế phi công hữu, kinh tế vốn ngoại có một vị trí quan trọng. Theo thống kê, tính đến cuối năm 2002, đã có 424196 doanh nghiệp vốn ngoại kinh doanh ở Trung Quốc (số doanh nghiệp hiện còn đăng ký kinh doanh là 23000, trong đó có 16000 xí nghiệp công nghiệp). Trong năm 2002, các doanh nghiệp vốn ngoại tạo ra 25,7% giá trị gia tăng của công nghiệp, và 52,2% tổng giá trị xuất khẩu, 20,44% tổng ngạch thuế của Trung Quốc. Hiện có khoảng 23,5 triệu lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp vốn ngoại (chiếm 11% dân số trong độ tuổi lao động ở thành phố trên cả nước Trung Quốc)⁽¹⁾.

Có thể nói rằng kinh tế phi công hữu có một vai trò rất quan trọng đối với tốc độ tăng trưởng kinh tế, đối với vấn đề tạo việc làm cho người lao động, đối với việc hình thành và phát triển các ngành nghề mới, đối với việc điều chỉnh và ưu hoá kết cấu sở hữu của nền kinh tế quốc dân Trung Quốc. Thế nhưng cho tới gần đây, vẫn còn một số trở ngại về thể chế và chính sách hạn chế sự phát triển của kinh tế phi công hữu. Về nhận thức, vẫn có người coi kinh tế phi công hữu có cái gì đó mâu thuẫn

1. *Trung Hoa công thương thời báo*, ngày 10-9-2003. Chuyển trích từ *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN*. Sđd, tr. 45, 46.

với kinh tế XHCN. Một số pháp quy và chính sách phân biệt đối xử với kinh tế phi công hữu vẫn chưa được xoá bỏ (ví dụ Hiến pháp chưa có điều khoản quy định bảo hộ tài sản tư hữu hợp pháp v.v...), sự quản lý của chính quyền cũng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển của kinh tế phi công hữu.

Xuất phát từ tình hình nói trên, *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN* đã chủ trương phải “giải phóng tư tưởng hơn nữa” thực sự chuyển biến quan niệm về kinh tế phi công hữu, phải hoàn thiện pháp luật, pháp quy, phải thay đổi chính sách đối xử, thực hiện cạnh tranh công bằng, phải chuyển đổi chức năng của chính quyền, cải tiến công tác phục vụ và quản lý của chính quyền đối với các doanh nghiệp phi công hữu.

3. Về vấn đề “xây dựng kiện toàn chế độ sản quyền hiện đại”

Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN nói rõ: “Sản quyền là hạt nhân và nội dung chủ yếu của chế độ sở hữu, bao gồm quyền về các loại tài sản, vật tư, nợ cổ phần, trí tuệ v.v...Xây dựng một chế độ sản quyền hiện đại quy thuộc rõ ràng, quyền hạn trách nhiệm minh bạch, bảo vệ nghiêm ngặt, lưu chuyển dễ dàng, là có lợi cho việc bảo vệ quyền công hữu

tài sản, củng cố vị trí chủ thể của kinh tế công hữu; có lợi cho việc lưu động và sắp xếp lại các loại vốn, thúc đẩy kinh tế sở hữu hỗn hợp phát triển; có lợi cho việc tăng cường động lực của doanh nghiệp và công chúng trong lập nghiệp và sáng tạo, hình thành cơ sở tín dụng và trật tự thị trường lành mạnh⁽¹⁾.

Vấn đề “sản quyền” đã được đặt ra từ ngày đầu Trung Quốc chuyển sang cải cách, trước hết là trong khu vực kinh tế nhà nước. Trước cải cách, “sở hữu hoàn dân” là một khái niệm không rõ ràng, trên thực tế tài sản công hữu không được quy định minh bạch về quyền sử dụng, quyền thu lợi, cũng như trách nhiệm bảo quản, dẫn đến tình trạng trì trệ, lãng phí, thất thoát nghiêm trọng. Trong quá trình cải cách hơn 20 năm qua Trung Quốc đã nhiều lần đề cập vấn đề sản quyền, đặc biệt là Hội nghị Trung ương 3 khoá XIV đã chủ trương phương hướng cải cách doanh nghiệp nhà nước là xây dựng “chế độ doanh nghiệp hiện đại” với “quan hệ sản quyền” minh bạch, lần đầu tiên đề xuất khái niệm doanh nghiệp có “quyền tài sản pháp nhân”. Thực tiễn cho thấy chỉ có xây dựng chế độ sản quyền hiện đại mới có thể hình thành doanh nghiệp hiện đại; tài sản quy thuộc ai rõ ràng thì mới được bảo vệ nghiêm ngặt; khi quyền sử dụng và quyền thu lợi được quy định rõ ràng

1. *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường HHCN. Sdd.*

thì nhiệt tình lao động sáng tạo mới được phát huy. Chế độ sản quyền hiện đại sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhà nước tự chủ kinh doanh, tự hưởng lãi, chịu lỗ, tăng cường sức cạnh tranh. Chế độ sản quyền hiện đại cũng tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhà nước và tập thể tổ chức, lưu chuyển vốn một cách linh hoạt, nhanh nhạy, nhất là trong kinh tế sở hữu hỗn hợp (doanh nghiệp cổ phần).

Quyết định “xây dựng kiện toàn chế độ sản quyền hiện đại” đặc biệt có lợi cho sự phát triển kinh tế phi công hữu (kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh, trong đó có cả doanh nghiệp vốn ngoại) ở Trung Quốc. Trong thời kỳ kinh tế kế hoạch tập trung, qua “công tư hợp doanh”, “quốc hữu hoá”, “tập thể hoá”, v.v..., kinh tế phi công hữu hầu như bị triệt tiêu. Từ sau ngày chuyển sang cải cách, mở cửa, kinh tế phi công hữu ngày càng phát triển và đóng vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Đảng và Nhà nước Trung Quốc ngày càng coi trọng việc khuyến khích, hướng dẫn kinh tế phi công hữu phát triển. Tuy nhiên, cũng như “quyền tài sản công hữu”, “quyền tài sản tư hữu” trong thực tế còn tồn tại nhiều vấn đề. Do vậy, đồng thời với việc nhấn mạnh bảo vệ quyền tài sản công hữu, *Quyết định* của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc lần này chủ trương bảo vệ quyền tài sản phi công hữu cũng là lẽ đương nhiên.

Để xây dựng kiện toàn chế độ sản quyền hiện đại, Trung Quốc đang tiến hành nhiều biện pháp cải cách.

- Căn cứ vào nguyên tắc ai sở hữu, ai đầu tư để xác định rõ quyền tài sản một cách đúng luật, hợp tình hợp lý, xử lý đúng đắn quan hệ lợi ích giữa nhà nước, tập thể và cá nhân.

- Kết hợp với cải cách thể chế quản lý tài sản nhà nước và xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại, bảo đảm lợi ích của người sử dụng vốn để doanh nghiệp thực sự được hưởng các quyền lợi của chủ thể thị trường và thực thể pháp nhân.

- Phát triển thị trường giao dịch sản quyền một cách có quy củ, kiện toàn nguyên tắc giao dịch và chế độ giám sát sản quyền, thúc đẩy sản quyền, lưu chuyển một cách có trật tự.

- Ổn định lâu dài và không ngừng hoàn thiện thể chế kinh doanh hai tầng lấy khoán đến hộ gia đình làm cơ sở, có sự kết hợp chặt chẽ, bảo đảm các quyền nhận khoán kinh doanh ruộng đất của nông dân theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng và kiện toàn pháp luật và pháp quy bảo hộ sản quyền, bảo đảm cho các loại sản quyền không bị xâm phạm, bảo hộ lợi ích hợp pháp và quyền phát triển bình đẳng của chủ thể sản quyền.

Tóm lại, “tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế công hữu, khuyến khích, giúp đỡ và hướng dẫn kinh tế phi công hữu” là nội dung quan trọng hàng đầu trong *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN* được thông qua tại Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI vừa qua. Hai chủ trương đáng chú ý là “lấy chế độ cổ phần làm hình thức thực hiện chủ yếu của chế độ công hữu” và “Nhà nước bảo hộ quyền tài sản tư hữu”. Những chủ trương đó là sự thể hiện tiếp tục và sự phát triển trong tình hình mới về lý luận và đường lối xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG XHCN ĐẶC SẮC TRUNG QUỐC GIẢI THÍCH LẠI VỀ CHẾ ĐỘ CÔNG HỮU

PGS.TS. DU MINH KHIÊM
Đại học Trịnh Châu Trung Quốc

Vấn đề chế độ công hữu là một trong những vấn đề trọng tâm của công cuộc cải cách và xây dựng CNXH ở Trung Quốc, đồng thời cũng là vấn đề trọng tâm của tiến trình cải cách thị trường hoá của Trung Quốc. Tính đến thời điểm “Quyết định về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa” được đưa ra vào Hội nghị lần thứ 3 Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khoá XVI, nền kinh tế Trung Quốc trải qua một phần tư thế kỷ tiến hành cải cách đã bước đầu giải quyết vấn đề trọng tâm này trên cả phương diện lý luận cũng như thực tiễn, từng bước giải thích lại cái gọi là chế độ công hữu, vừa duy trì được liên tục trong nhận thức lý luận, tránh được sự lung lay về mặt tư tưởng, vừa đảm bảo được không gian phát triển kinh tế, tránh sự can thiệp của tư tưởng quá tả.

1. Chế độ công hữu là sở hữu xã hội, không phải sở hữu nhà nước

Lâu nay, hai hình thức sở hữu công hữu của thể chế kinh tế Trung Quốc - sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể - chủ yếu được áp dụng trên hai chế độ sở hữu nhà nước và sở hữu hợp tác xã, tương ứng với nó, các cơ quan quản lý sẽ là Trung ương hoặc chính quyền các cấp cũng như các cơ quan chức năng tương ứng, điều này gây nên sự nhùng nhằng về quyền hạn giữa chính quyền và xí nghiệp, khiến cho chức năng của chính quyền không rõ ràng, các xí nghiệp không có quyền tự chủ trong quản lý sản xuất kinh doanh mà hệ quả của nó là một loạt những hạn chế và tiêu cực.

Hội nghị lần thứ 3 Trung ương Đảng khoá XI năm 1978 đưa ra quyết định cải cách mở cửa, xác định “lấy cải cách kinh tế làm trọng tâm”, “mở rộng quyền tự chủ trong kinh doanh cho các xí nghiệp”; Hội nghị lần thứ 3 Trung ương Đảng khoá XII đưa ra nhận thức “nền kinh tế XHCN là nền kinh tế hàng hoá có kế hoạch trên cơ sở chế độ công hữu”; Đại hội Đảng khoá XIV năm 1992 đưa ra quyết định: “Đưa việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa thành mục tiêu của công cuộc cải cách thể chế kinh tế Trung Quốc”; Hội nghị Trung ương 3 khoá XIV (1993) năm sau đó ban hành “Quyết định về những vấn đề liên quan đến việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa”. Việc xây dựng nền kinh tế thị trường tất yếu sẽ nảy sinh cạnh tranh,

cạnh tranh đặt ra yêu cầu nhiều chế độ sở hữu khác nhau cùng tồn tại và phát triển. Điều này lại làm nảy sinh một vấn đề quan trọng và nhạy cảm, đó là vấn đề chế độ công hữu cũng như địa vị của nó, vấn đề này cũng không ngừng có những bước đột phá trong điều kiện thực tiễn cụ thể. Cho đến năm 1997, Hội nghị lần thứ 3 Trung ương Đảng khoá XV nhấn mạnh: “Chế độ công hữu có thể có nhiều hình thức thực hiện”, “Cần phải đẩy nhanh tiến trình thị trường hoá kinh tế toàn dân” và “Đi sâu tìm hiểu và hướng tới những bước tiến mới trong việc thực hiện cải cách thể chế kinh tế trên các lĩnh vực cụ thể như cải cách cơ cấu chế độ sở hữu; cơ chế và thể chế của các doanh nghiệp nhà nước; cơ cấu phân phối và hình thức phân phối, điều chỉnh và khống chế hệ thống kinh tế thị trường trên tầm vĩ mô”. Năm 2002, dưới hai mục tiêu chỉ đạo “Xây dựng xã hội khá giả toàn diện” và “XHCHN đặc sắc Trung Quốc”, Hội nghị lần thứ 3 Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khoá XVI tiến thêm một bước trong việc nhấn mạnh sự tồn tại cùng lúc nhiều hình thức của chế độ công hữu, sau đó đã đề ra việc tích cực đẩy mạnh những hình thức hữu hiệu của chế độ công hữu, thúc đẩy sự phát triển của tất cả các thành phần tham gia trong nền kinh tế nhiều thành phần như tư bản nhà nước, tư bản tập thể và tư bản phi công hữu, thực hiện việc mở rộng phạm vi các chủ thể đầu tư, đưa chế độ cổ phần trở thành một hình thức thực hiện chủ yếu của chế độ công hữu.

Tương ứng với chế độ cổ phần là sự kết hợp của những tập thể xã hội khác nhau, không chịu sự hạn chế của sự phân chia khu vực hành chính. Vì thế, chế độ cổ phần là một hình thức sở hữu xã hội mà không phải là sở hữu nhà nước, nó gần như là sự giao thoa của sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, nó thống nhất với chính sách tích cực thúc đẩy phát triển nền kinh tế nhiều thành phần của Trung Quốc, chế độ cổ phần trở thành một hình thức thực hiện của chế độ công hữu, điều này có nghĩa là chế độ công hữu về thực chất đã chủ yếu chuyển thành sở hữu xã hội chứ không phải sở hữu nhà nước. Như thế, cùng với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc, vấn đề trung tâm là chế độ công hữu gắn liền với tính chất xã hội chủ nghĩa và việc vận hành nền kinh tế thị trường cũng không ngừng được nhận thức ngày càng rõ ràng hơn, đồng thời cũng xác định rõ ràng địa vị tác dụng chủ đạo của nó chủ yếu thể hiện trên phương diện chỉ đạo và khống chế chứ không thiên về mặt số lượng. Tương ứng với nó, việc thực hiện cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước cũng là hình thức làm mạnh thêm sức khống chế của chế độ công hữu, nó cũng chỉ làm mạnh thêm chứ không làm yếu đi chế độ công hữu.

2. Trọng tâm của chế độ công hữu là quyền sở hữu tài sản xã hội

Đại hội toàn quốc lần thứ XVI lần đầu tiên đưa ra vấn đề xây dựng chế độ quyền sở hữu tài sản hiện đại,

nhấn mạnh “Sở hữu tài sản là nội dung chủ yếu và cũng là trọng tâm của chế độ công hữu”, cần phải thiết lập một “chế độ quyền sở hữu tài sản hiện đại: sở hữu rõ ràng, quyền hạn minh bạch, bảo hộ nghiêm ngặt, luân chuyển thuận lợi”. Từ đó đưa những vấn đề đặc sắc chính trị - chế độ công hữu và chế độ phi công hữu - chuyển thành những vấn đề kinh tế tương ứng với hình thức quản lý hiện đại, từ đó đạt tới nhận thức sâu sắc và toàn diện hơn về mối quan hệ giữa chế độ công hữu và phi công hữu.

Trọng tâm của vấn đề chế độ công hữu là quyền sở hữu tài sản, trong đó trọng tâm là quyền sở hữu tài sản xã hội, bao gồm sở hữu tài sản quốc gia và sở hữu tài sản tập thể. Chính phủ và các cơ quan hữu quan một mặt đại diện cho toàn dân và tập thể nắm quyền sở hữu tài sản của chế độ công hữu, giám sát và đảm bảo việc giữ và tăng giá trị tài sản công hữu; mặt khác phải đảm bảo môi trường phát triển cạnh tranh lành mạnh và công bằng cho mọi thành phần kinh tế. Trên cùng một nguyên lý với chế độ quản lý ở các công ty hiện đại, chủ đầu tư với tư cách là nhà đầu tư và là đối tượng có quyền sở hữu đối với tài sản của công ty sẽ quyết định phương hướng chính của việc kinh doanh và đầu tư mà không can thiệp vào những việc làm cụ thể của công ty. Việc thực hiện chức năng sở hữu tài sản xã hội cũng vừa có thể quản lý và chỉ đạo phương hướng phát triển của các lĩnh vực kinh doanh thông qua việc tham dự và vận

hành chế độ cổ phần mà vẫn tránh được những sự can thiệp mang tính chủ quan duy ý chí không cần thiết của chính sách đối với việc sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp.

3. Việc cổ phần hoá kinh tế (doanh nghiệp) quốc hữu sẽ không làm yếu đi chế độ công hữu

Cải cách doanh nghiệp quốc hữu luôn là nội dung quan trọng nhất của công cuộc cải cách kinh tế Trung Quốc. Từ năm 1984 đến cuối năm 1991, 3200 nhà máy thực hiện thí điểm cổ phần hoá trên toàn quốc đều đạt được mức độ tăng trưởng khá lớn về giá trị sản xuất cũng như mức nộp thuế ngân sách, cao hơn các doanh nghiệp quốc hữu chưa cổ phần hoá. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV đề ra: Chế độ đồ phân có tác dụng phân chia quyền hạn rõ ràng giữa chính quyền và xí nghiệp, chuyển đổi cơ chế kinh doanh của xí nghiệp và tập hợp vốn trong xã hội, cần phải tích cực thực hiện thí điểm, tổng kết kinh nghiệm, nhanh chóng chế định và đưa vào thực hiện những pháp quy liên quan, để nó có thể phát triển lành mạnh và có trình tự. Khuyến khích các doanh nghiệp liên doanh, sáp nhập có điều kiện, thành lập các tập đoàn một cách hợp lý. Một số doanh nghiệp quốc hữu loại nhỏ có thể cho thuê hoặc bán cho các tập thể hoặc cá nhân kinh doanh. Từ đó tốc độ của tiến trình cải tạo chế độ cổ phần cũng được đẩy nhanh hơn.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XV năm 1997 đã khẳng định rõ ràng hình thức tổ chức vốn của các xí nghiệp hiện đại, nêu rõ chế độ sở hữu và hình thức thực hiện chế độ sở hữu là hai khái niệm hoàn toàn không giống nhau, chế độ cổ phần có thể là hình thức thực hiện của chế độ sở hữu. Trải qua 5 năm phát triển, chế độ cổ phần đã dần dần trở thành một hình thức chủ yếu trong chế độ sở hữu của các công ty Trung Quốc. Các xí nghiệp cổ phần phát triển với tốc độ rất nhanh. Từ năm 1997 đến năm 2001, Trung Quốc đã phát triển từ 72.000 lên tới 300.000 doanh nghiệp cổ phần; với số lượng nhân viên từ 6.437.000 người tăng lên tới 27.466.000 người; tổng thu nhập doanh nghiệp từ 381,1 tỷ lên tới 5.673,3 tỷ Nhân dân tệ.

Năm 2002, Đại hội Đảng lần thứ XVI đề ra việc tiến thêm một bước tìm hiểu chế độ công hữu, đặc biệt là mọi hình thức thực hiện có hiệu quả của chế độ quốc hữu, tích cực đẩy mạnh việc cải cách quản lý, công nghệ và thể chế xí nghiệp. Ngoại trừ một bộ phận rất ít những xí nghiệp do nhà nước độc quyền kinh doanh, tích cực mở rộng chế độ cổ phần, phát triển nền kinh tế có chế độ sở hữu hỗn hợp. Trong bản *Quyết định* của Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI về việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN, Trung Quốc đã lần đầu tiên đưa ra một quyết định gây chú ý, đó là việc đưa chế độ cổ phần trở thành hình thức thực hiện chủ yếu của chế độ công hữu. Điều này cũng có nghĩa là, Trung Quốc đã đi đến một góc nhìn mới trong việc giải thích chế độ công hữu, đồng

thời cũng hoàn toàn tháo bỏ sự giải thích về chế độ công hữu từ góc độ kinh tế kế hoạch, như vậy tốc độ đa dạng hoá doanh nghiệp quốc hữu cũng sẽ tăng nhanh.

Chế độ cổ phần với tư cách là một hình thức tổ chức vốn của các xí nghiệp hiện đại, có tác dụng phân tách quyền sở hữu và quyền kinh doanh, có tác dụng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của xí nghiệp, chủ nghĩa tư bản có thể sử dụng, chủ nghĩa xã hội cũng có thể sử dụng. Không thể mơ hồ quy kết chế độ cổ phần là công hữu hay tư hữu, mà quan trọng là phải xem xét quyền nắm giữ cổ phần nằm trong tay ai. Do đã xác định rõ ràng chế độ cổ phần là một hình thức thực hiện chủ yếu của chế độ công hữu, nên việc cải cách cổ phần hoá các xí nghiệp quốc hữu không những không phải là việc tư hữu hoá, không làm yếu đi địa vị và ảnh hưởng của chế độ công hữu, mà còn là một trong những phương thức chủ yếu thúc đẩy sự phát triển của chế độ công hữu trong giai đoạn hiện nay. Vì thế, nó đương nhiên sẽ mang đến một phương thức nhìn nhận vấn đề mới cho việc thực hiện và phát triển kinh tế công hữu, đẩy mạnh giải phóng và phát triển năng lực sản xuất xã hội.

4. Kinh tế phi công hữu là một cơ sở mới của phát triển kinh tế công hữu

Trước kia kinh tế phi công hữu luôn thuộc lĩnh vực chịu rất nhiều hạn chế. Ví dụ ở tỉnh Quảng Đông, chế độ kinh tế quốc hữu có thể được thực hiện trên phạm vi

hơn 80 ngành nghề, chế độ đầu tư nước ngoài có thể được thực hiện trên phạm vi hơn 60 ngành nghề, trong khi đó chế độ vốn đầu tư phi công hữu trong nước chỉ được thực hiện trong phạm vi hơn 40 ngành nghề. Điều này cũng có nghĩa là có khoảng một nửa ngành nghề mà chế độ phi công hữu không được kinh doanh. Các xí nghiệp tư doanh không những không được hưởng những “đãi ngộ quốc dân”, bên cạnh đó cũng không được hưởng những đãi ngộ dành cho đầu tư nước ngoài, vì thế đã dẫn đến những hiện tượng giả danh đầu tư nước ngoài hoặc liên doanh.

Hội nghị lần thứ 3 Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khoá XVI khi bàn đến việc khuyến khích mở rộng chế độ kinh tế công hữu đã nhấn mạnh việc kiên định cổ vũ động viên sự phát triển của kinh tế phi công hữu. Trước hết, “Cho phép đưa vốn phi công hữu vào những ngành và lĩnh vực không bị pháp luật cấm như cơ sở hạ tầng, sự nghiệp công cộng cũng như một số ngành nghề khác”, đem đến một lực đẩy lớn cho việc mở rộng những ngành nghề mà kinh tế phi công hữu có thể tiến vào. Sau đó, “Các xí nghiệp phi công hữu được hưởng những quyền lợi tương đương với các loại hình doanh nghiệp khác trên một số phương diện như kêu gọi vốn đầu tư, nộp thuế, sử dụng đất và thương mại quốc tế”.

Từ đó giải quyết vấn đề đãi ngộ bình đẳng. Bên cạnh đó, điều này cũng bảo vệ quyền lợi của tư sản tư doanh,

loại bỏ những trở ngại đối với việc lưu động hệ thống vốn. Đồng thời, đưa việc bảo vệ kinh tế tư hữu và tài sản tư hữu vào Hiến pháp. Hội nghị lần thứ ba Trung ương Đảng khoá XVI cũng đã thông qua *Kiến nghị về việc sửa đổi bộ phận nội dung Hiến pháp của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc*, đồng thời quyết định đề nghị Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc thẩm định và đã được thông qua ngày 14 tháng 3 sau đó. Trong đó Điều thứ 20 thuộc phần sửa chữa nhấn mạnh: “Nhà nước khuyến khích, giúp đỡ và hướng dẫn việc phát triển của chế độ phi công hữu”; Điều thứ 13 cũng mở rộng: “Tài sản tư hữu hợp pháp của công dân không bị xâm phạm”.

Cùng với sự phát triển lớn mạnh của kinh tế phi công hữu, sự phát triển cổ phần hoá cũng là xu thế tất yếu. Cổ phần hoá bản thân nó là một hình thức xã hội hoá, làm cho tài sản trở thành sở hữu xã hội, mà sở hữu xã hội cũng là công hữu. Việc tích cực đẩy mạnh kinh tế hỗn hợp đưa đến một kết quả tất yếu là tăng cường sức khống chế của kinh tế công hữu. Có thể nói, kinh tế phi công hữu sẽ trở thành cơ sở mới của sự phát triển kinh tế công hữu. Chỉ có điều, cần nhìn nhận đây là một sự phát triển có sự tác động qua lại và có lợi, chứ không phải là vấn đề phân định công hữu và phi công hữu cái nào nhiều cái nào ít hay cái nào sẽ giết chết cái nào.

Nhìn chung, từ năm 1978 đến nay công cuộc cải cách kinh tế Trung Quốc đã đi được một chặng đường 25

năm. Trong suốt một phần tư thế kỷ vừa qua, vấn đề nhận thức về chế độ công hữu luôn luôn là một vấn đề quan trọng có liên hệ mật thiết đến toàn bộ cục diện của công cuộc cải cách mở cửa. Hội nghị lần thứ 3 Trung ương Đảng khoá XVI đã đem đến một loạt những bước đột phá cơ bản trên phương diện lý luận về chế độ công hữu. Có thể nói, từ đó, chế độ công hữu đã không còn là vấn đề mâu thuẫn giữa việc cải cách mở cửa và việc xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc. Nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc đã tiến hành nhận thức lại chế độ công hữu, đồng thời nhận thức mới này về chế độ công hữu cũng sẽ thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc. Cùng với nó, chế độ cổ phần đã trở thành hình thức thực hiện chủ yếu của chế độ công hữu, chế độ cổ phần sẽ giữ vai trò quan trọng trong giai đoạn phát triển mới của chủ nghĩa xã hội. Sức sản xuất to lớn tiềm tàng trong chế độ công hữu sẽ được giải phóng và phát triển mạnh mẽ hơn, làm tăng thêm nguồn lực cho việc phát triển xã hội lành mạnh toàn diện.

TRUNG QUỐC KHUYẾN KHÍCH, GIÚP ĐỠ VÀ HƯỚNG DẪN KINH TẾ PHI CÔNG HỮU PHÁT TRIỂN

PGS.TS. LÊ VĂN SANG
*Trung tâm Kinh tế Châu Á -
Thái Bình Dương*

Càng tiến sâu vào cải cách thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, Trung Quốc càng đụng tới vấn đề cốt lõi nhất, nhạy cảm nhất, đó là *chế độ sở hữu*. Làm sao phát huy sức mạnh của mọi thành phần kinh tế trong đó có thành phần kinh tế phi công hữu (kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân, kinh tế tư bản nước ngoài) - đã từng là đối tượng cần phải “tiêu diệt” trong nền kinh tế kế hoạch tập trung của các nước XHCN cũ, luôn đang là vấn đề nổi cộm cả về mặt nhận thức lý luận, lẫn thực tiễn khi Trung Quốc quyết định chuyển sang kinh tế thị trường. Từ thực tiễn cải cách mở cửa, Trung Quốc đã từng bước nâng dần nhận thức, hình thành lý luận mới về chế độ sở hữu, Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc vừa qua đã có bước tiến mới về nhận thức, cũng như giải pháp chính sách nhằm khuyến khích kinh tế phi công hữu phát triển. Theo

ngiên cứu của chúng tôi, đột phá lý luận trong Nghị quyết Trung ương 3 lần này là coi vốn phi công hữu là bộ phận cấu thành quan trọng của thành phần kinh tế hỗn hợp dưới dạng công ty cổ phần, mà công ty cổ phần là hình thức biểu hiện chủ yếu của kinh tế công hữu. Do vậy, để hiểu nội hàm của quyết sách mới của Trung Quốc đối với kinh tế phi công hữu, chúng ta cần tìm hiểu đầy đủ hơn những nhận thức lý luận mới của Trung Quốc về chế độ cổ phần, chế độ kinh tế hỗn hợp.

1. Làm cho chế độ cổ phần trở thành hình thức thực hiện chủ yếu của chế độ công hữu

Từ Hội nghị Trung ương khoá XIV, Trung Quốc đã phát triển nền kinh tế theo chế độ cổ phần và chế độ hỗn hợp, hình thành nên một loạt quan điểm và gợi ý chính sách quan trọng, trên cơ sở đó, “Quyết định” của Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI lần này một lần nữa khẳng định: cần phải thích ứng xu thế phát triển thị trường hoá nền kinh tế liên tục, tăng cường hơn nữa sức sống của nền kinh tế công hữu, phát triển mạnh nền kinh tế hỗn hợp tham gia cổ phần giữa vốn quốc hữu, vốn tập thể và vốn phi công hữu, thực hiện đa dạng hoá chủ thể đầu tư, biến chế độ cổ phần thành hình thức thực hiện chủ yếu của chế độ công hữu. Đây là sự phát triển mang tính sáng tạo lý thuyết kinh tế chế độ cổ phần của chủ nghĩa Mác. Quan điểm này được đưa ra trên cơ sở phân tích khoa học yêu cầu quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường và tổng kết nghiêm túc

kinh nghiệm thực tiễn từ quá trình cải cách mở cửa của Trung Quốc, nó sẽ mang lại hiệu ứng thực tiễn lớn và tích cực.

Mặc dù chế độ cổ phần ra đời trong xã hội tư bản chủ nghĩa, nhưng đây là sản phẩm tất yếu của nền kinh tế thị trường. Suy đến cùng, kinh tế thị trường là nền kinh tế theo đuổi lợi nhuận, cũng có nghĩa là hiệu quả. Thích ứng với nhu cầu đạt đến lợi nhuận tối đa, chế độ cổ phần được hình thành dựa trên nhiều chủ thể cùng đầu tư thay thế chế độ nghiệp chủ đầu tư đơn nhất, trở thành hình thức tổ chức cơ bản trong vận hành doanh nghiệp. Sự ra đời của chế độ cổ phần mang lại hiệu quả kép từ phát triển sức sản xuất và thay đổi quan hệ sản xuất, *một mặt*, không chỉ thông qua sự liên hợp và tích lũy vốn giúp thực hiện thuận lợi nhiều sự nghiệp khó có thể hoàn thành với những nguồn vốn đơn lẻ, mà còn dựa vào cơ chế vận hành chuẩn hoá trong nội bộ và sung mãn sức sống đã nâng cao đáng kể tính khoa học trong các quyết sách của doanh nghiệp, từ đó giúp cho nền kinh tế quốc dân tăng trưởng mạnh và sức sản xuất phát triển chưa từng có. *Mặt khác*, chế độ cổ phần giúp cho nguồn vốn tư nhân trực tiếp có được hình thức của nguồn vốn xã hội, trở thành hình thức quá độ chuyển từ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa sang phương thức sản xuất liên hợp, hay phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa. Kinh tế công hữu thực hiện những ưu thế của quyền tài sản rõ ràng, quyền lợi và trách nhiệm

phân minh, quản lý khoa học... của chế độ cổ phần dưới hình thức chế độ cổ phần, như vậy càng có lợi cho việc thực hiện đảm bảo giá trị, làm tăng giá trị của tài sản nhà nước và thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế quốc dân phát triển.

Sự liên hợp, tổ chức lại và lưu thông của vốn không những đã hình thành nên chế độ cổ phần và làm thay đổi hình thức tổ chức tài sản của doanh nghiệp, mà còn là một phương pháp doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế trong điều kiện thị trường. Vì vậy, các loại vốn nắm giữ cổ phần chéo đan xen, dung hoà với nhau trở thành đặc trưng tất yếu và là hiện tượng phổ biến của nền kinh tế thị trường. Nền kinh tế thị trường càng phát triển sâu, sự tổ chức lại và dung hợp giữa các loại vốn sẽ diễn ra thường xuyên hơn. Trong xã hội tư bản chủ nghĩa dựa trên nền tảng sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, chế độ cổ phần chủ yếu biểu hiện dưới nguồn vốn có cùng chung tính chất, nghĩa là sự liên hợp và dung hợp giữa các nguồn vốn tư nhân. Chế độ kinh tế cơ bản trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc là sự phát triển chung của nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó chủ yếu là chế độ công hữu, vì vậy, chế độ cổ phần không chỉ biểu hiện ở chỗ sở hữu cổ phần chéo và dung hợp lẫn nhau nguồn vốn có chung tính chất, mà biểu hiện rõ nét hơn ở sự tổ hợp và dung hợp của các nguồn vốn có tính chất khác nhau, các nguồn vốn có tính chất khác nhau trên thực chất là một loại kinh tế hỗn hợp dựa nền tảng của chế độ cổ phần. Nói

cách khác, phát triển nền kinh tế hỗn hợp chính là phát triển nền kinh tế cổ phần sở hữu cổ phần chéo, dung hợp lẫn nhau giữa các nguồn vốn có tính chất khác nhau.

Trong một thời gian tương đối dài, Trung Quốc còn rất nhiều hạn chế trong nhận thức về chế độ công hữu và hình thức thực hiện của chế độ này, chủ yếu coi quốc doanh, nhà nước là hình thức chính của chế độ công hữu, hơn thế còn phủ nhận chế độ công hữu có thể được thực hiện thông qua nhiều hình thức và con đường. Thực tế chứng minh, chủ thể quyền tài sản của chế độ công hữu được hình thành dựa trên nguồn vốn nhà nước hoặc nguồn vốn công hữu đơn nhất trên thực chất chỉ là hình thức, trách nhiệm kinh doanh không hiệu quả, cơ chế vận hành cứng nhắc, vừa thiếu sức sống vừa kém năng suất, vừa thiếu sự giám sát và ràng buộc có hiệu quả, khó có thể thực hiện duy trì giá trị và tăng giá trị cho tài sản nhà nước hoặc tài sản công hữu. Nguồn vốn công hữu tổ hợp và dung hợp với các nguồn vốn khác thông qua hình thức kiểm soát cổ phần, tham gia cổ phần, chế độ công hữu được thực hiện thông qua hình thức kinh tế cổ phần, kinh tế hỗn hợp, không những có thể khắc phục có hiệu quả những điểm yếu của các thể chế nêu trên trong chế độ nhà nước đơn thuần, chế độ công hữu đơn thuần, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc củng cố và phát triển kinh tế công hữu: *thứ nhất*, thông qua các doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh

nghiệp công hữu thu hút vốn đầu tư nước ngoài và nguồn vốn nhân dân trong nước, thúc đẩy lưu động và tổ chức lại quyền tài sản công hữu, có thể phân phối hợp lý nguồn vốn công hữu, nâng cao hiệu quả vận hành kinh doanh của nguồn vốn công hữu; *thứ hai*, bằng phương thức các doanh nghiệp nhà nước và công hữu thu nạp những nguồn vốn khác hoặc nguồn vốn công hữu tham gia vào nắm cổ phần chéo ở các loại hình doanh nghiệp khác, cải thiện kết cấu quyền tài sản của doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp công hữu, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp công hữu xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại chuẩn hoá trên cơ sở đa dạng hoá quyền sở hữu tài sản, thực sự thực hiện đúng quyền lợi và hiệu quả của nguồn vốn nhà nước và công hữu; *thứ ba*, vốn công hữu tham gia cổ phần trong các loại hình doanh nghiệp khác có thể tăng lợi ích của bản thân nhờ vào quyền sở hữu tài sản đa dạng và cơ chế vận hành năng động; *thứ tư*, sự dung hợp giữa vốn công hữu với các loại hình vốn khác và chiếm vị trí kiểm soát thực chất dưới một hình thức thoả đáng có lợi cho việc tập hợp và thúc đẩy được nhiều nguồn vốn trong xã hội hơn, từ đó tăng cường có hiệu quả hơn nữa chức năng lan toả của nguồn vốn công hữu, đặc biệt là nguồn vốn nhà nước, nâng cao khả năng kiểm soát, sức ảnh hưởng và khả năng thúc đẩy của kinh tế nhà nước, tăng khả năng cạnh tranh của cả thành phần kinh tế công hữu. *Tóm lại*, so với các

hình thức khác, chế độ công hữu được thực hiện qua kinh tế cổ phần, kinh tế hỗn hợp giúp phát huy triệt để tính năng động và ưu thế của kinh tế công hữu, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy sức sản xuất phát triển. Đó là lý do cần làm cho kinh tế cổ phần và kinh tế hỗn hợp trở thành hình thức thực hiện chủ yếu của chế độ công hữu.

Từ khi cải cách mở cửa cho đến nay, thành phần kinh tế cổ phần và kinh tế hỗn hợp với nền tảng là chế độ cổ phần đã có bước phát triển mạnh. Theo điều tra thống kê của Cục Thống kê nhà nước Trung Quốc, đến cuối năm 2001, trong số 4371 doanh nghiệp nhà nước nòng cốt lớn và vừa chiếm 70% tài sản ròng của tổng số doanh nghiệp nhà nước kiểm soát cổ phần, có 3322 doanh nghiệp thực hiện cải cách theo chế độ cổ phần, tỷ lệ cải cách chế độ đạt 76%, trong số những doanh nghiệp nhà nước lớn và vừa nòng cốt đã cải cách chế độ, có đến 69% là công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hữu hạn cổ phần. Đã có 430 doanh nghiệp trong số 514 doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp công nghiệp do nhà nước kiểm soát cổ phần thuộc danh sách 520 doanh nghiệp trọng điểm của nhà nước tiến hành cải cách chế độ công ty, chiếm 83,7% trong đó có 282 doanh nghiệp cải cách toàn bộ hoặc một phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty hữu hạn cổ phần, còn một số đã cải tạo thành công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán. Thông qua cải cách chế độ cổ phần đã thực hiện được đa dạng hoá chủ thể đầu tư. Những năm

gần đây, hoạt động tham gia cổ phần lẫn nhau giữa kinh tế tư nhân cá thể và kinh tế công hữu tăng lên rõ rệt, thúc đẩy được sự phát triển của thành phần kinh tế hỗn hợp. Theo điều tra của Liên hiệp công thương toàn quốc năm 2002, trong các doanh nghiệp tư nhân trên toàn quốc, lần lượt có 8% và 13,9% doanh nghiệp tư nhân đã và đang chuẩn bị mua lại doanh nghiệp quốc hữu, có 25,7% doanh nghiệp tư nhân nguyên là doanh nghiệp quốc hữu và doanh nghiệp tập thể chuyển thành. Chế độ cổ phần, chế độ hỗn hợp là một hình thức có hiệu quả thúc đẩy sức sản xuất phát triển, ở một số địa phương đã trở thành hình thức chủ yếu, trên cả nước cũng đang trở thành hình thức chính, điều này cho thấy sức sống mạnh mẽ của chế độ này.

Chế độ công hữu thực hiện thông qua chế độ cổ phần, chế độ hỗn hợp đã giải quyết được bài toán khó của lịch sử là kết hợp hữu cơ giữa chế độ công hữu, đặc biệt là chế độ sở hữu nhà nước với kinh tế thị trường, đang giúp cho Trung Quốc tìm ra con đường có hiệu quả để củng cố và phát triển chế độ công hữu trong điều kiện kinh tế thị trường. Khẳng định coi chế độ cổ phần và chế độ hỗn hợp là hình thức thực hiện chủ yếu của chế độ công hữu, vừa là kết quả của quá trình phát triển thực tiễn, vừa là đòi hỏi thúc đẩy hơn nữa phát triển thực tiễn, làm cho sức sản xuất của Trung Quốc không ngừng phát triển lên tầm cao mới.

2. Phát triển mạnh kinh tế hỗn hợp có sự tham gia cổ phần của vốn quốc hữu, vốn tập thể và vốn phi công hữu

Những năm qua, Trung Quốc không ngừng nâng cao nhận thức về thành phần kinh tế hỗn hợp. Nghị quyết Trung ương lần thứ 3 Đảng Cộng sản Trung Quốc khoá XIV đã trình bày cụ thể về tính tất yếu của sự ra đời và phát triển của thành phần kinh tế hỗn hợp, nêu rõ cùng với sự lưu động và tổ chức lại quyền sở hữu tài sản, sẽ ngày càng xuất hiện nhiều các đơn vị kinh tế sở hữu tài sản hỗn hợp, sẽ hình thành cơ cấu sở hữu tài sản mới. Báo cáo tại Đại hội Đảng lần thứ XV đã làm rõ mối quan hệ giữa chế độ công hữu và chế độ hỗn hợp, nêu rõ kinh tế công hữu không chỉ bao gồm kinh tế quốc hữu và kinh tế tập thể, mà còn bao gồm cả các thành phần quốc hữu và thành phần tập thể trong thành phần kinh tế hỗn hợp. “Quyết định” tại kỳ họp toàn thể lần thứ tư của Đại hội Đảng lần thứ XV một lần nữa nêu ra, phải chuẩn hoá các hình thức tham gia cổ phần giữa công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán, liên doanh giữa Trung Quốc với nước ngoài và các doanh nghiệp, thông qua đó sẽ tạo điều kiện phù hợp để chuyển các doanh nghiệp quốc hữu lớn và vừa, nhất là các doanh nghiệp ưu thế đang thực hiện chế độ cổ phần thành doanh nghiệp cổ phần, phát triển thành phần kinh tế hỗn hợp. Nghị quyết Trung ương 3 lần này nêu rõ, cần phải phát triển mạnh thành phần kinh tế hỗn hợp với sự tham gia

cổ phần của nguồn vốn quốc hữu, vốn tập thể và vốn phi công hữu. Rõ ràng, Nghị quyết này vừa liên thông với những nghị quyết trước đây, vừa thực hiện được những bước phát triển và đột phá mới. Đột phá mới - đưa vốn phi công hữu vào chế độ kinh tế hỗn hợp này chắc chắn sẽ thúc đẩy có hiệu quả cải cách thành phần kinh tế quốc hữu và phát triển mạnh thành phần kinh tế cổ phần, hỗn hợp, trong đó có bao gồm thành phần kinh tế công hữu. Vì sao phải phát triển mạnh thành phần kinh tế hỗn hợp với sự tham gia cổ phần của các loại hình vốn?

Phát triển mạnh thành phần kinh tế hỗn hợp với sự tham gia cổ phần của vốn quốc hữu, vốn tập thể và vốn phi công hữu... được xuất phát từ đặc điểm cơ cấu sở hữu tư liệu sản xuất trong giai đoạn hiện nay của Trung Quốc, làm sôi động hơn thành phần kinh tế nhà nước, củng cố và phát triển chế độ công hữu, thúc đẩy nhu cầu phát triển sức sản xuất. Xét về bản chất, thành phần kinh tế hỗn hợp là một loại hình kinh tế cổ phần hoặc kinh tế dựa trên nền tảng chế độ cổ phần. Tuy nhiên, đây là một loại hình kinh tế cổ phần dưới một hình thái đặc thù - biểu hiện dưới hình thức tham gia cổ phần hoặc liên hợp giữa các loại hình vốn khác nhau, khác với chế độ cổ phần là hình thức liên hợp hoặc dung hợp giữa các nguồn vốn có cùng chung tính chất, ví dụ trong xã hội tư bản chủ nghĩa dựa trên cơ sở chế độ tư hữu, chế độ cổ phần chủ yếu thể hiện dưới dạng liên hợp

và dung hợp giữa các nguồn vốn tư nhân. Chế độ cổ phần là một hình thức tổ chức vốn của doanh nghiệp hiện đại năng động và có hiệu quả, chủ nghĩa tư bản có thể áp dụng, chủ nghĩa xã hội cũng có thể áp dụng, chúng ta cần phải phát triển mạnh chế độ cổ phần. Đặc điểm của cơ cấu chế độ sở hữu tư liệu sản xuất trong giai đoạn hiện nay của Trung Quốc là coi chế độ công hữu làm chủ thể, các thành phần kinh tế thúc đẩy lẫn nhau, cùng phát triển, vì vậy, phát triển mạnh chế độ cổ phần, xét từ những khía cạnh chủ yếu, trên thực tế là phát triển mạnh kinh tế hỗn hợp các loại hình vốn tham gia cổ phần lẫn nhau hoặc hùn vốn cùng nhau. Phát triển mạnh kinh tế hỗn hợp có sự tham gia cổ phần của vốn quốc hữu, vốn tập thể và vốn phi công hữu có lợi cho việc cải thiện cơ cấu quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp công hữu, thúc đẩy thành phần kinh tế này thiết lập chế độ doanh nghiệp hiện đại quy củ; tạo điều kiện thuận lợi cho lưu động, tổ chức lại vốn của nhà nước hoặc quyền sở hữu tài sản công hữu, phân phối hợp lý nguồn vốn, nâng cao hiệu quả vận hành kinh doanh; có lợi cho tăng trưởng lợi ích kinh tế nhà nước hoặc kinh tế công hữu dựa trên khuôn khổ quyền sở hữu tài sản đa dạng và cơ chế vận hành kinh doanh thị trường hoá, dân doanh; có lợi cho giảm thiểu sự xâm hại trực tiếp của vốn phi công hữu đối với vốn công hữu, tăng cường khả năng bức xạ của vốn quốc hữu hoặc vốn công hữu đối với các loại hình vốn khác,

nâng cao khả năng kiểm soát, tầm ảnh hưởng và năng lực thúc đẩy của kinh tế quốc hữu, tăng cường khả năng cạnh tranh của toàn bộ thành phần kinh tế công hữu. Tóm lại, có lợi cho phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc hữu và giữ vững vị trí chủ thể của chế độ công hữu, hoàn thiện chế độ kinh tế cơ bản trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, giải phóng và phát triển tối đa sức sản xuất.

Cần nắm vững được hai phương diện quan trọng sau trong thực tiễn vận hành phát triển mạnh kinh tế hỗn hợp có sự tham gia cổ phần của vốn quốc hữu, vốn tập thể và vốn phi công hữu:

Thứ nhất, vốn quốc hữu, vốn tập thể nên tham gia cổ phần chủ yếu với các nguồn vốn phi công hữu. Đây vừa là yêu cầu tất yếu xuất phát từ thực tiễn cải cách hiện nay, tiếp tục thực hiện điều chỉnh mang tính chiến lược bố cục kinh tế quốc hữu và cải tổ mang tính chiến lược doanh nghiệp nhà nước, đồng thời cũng là yêu cầu thực hiện duy trì và tăng giá trị tài sản công hữu, củng cố và phát triển kinh tế công hữu. Chỉ có như vậy mới có thể cải tiến thực sự thể chế quản lý và cơ chế vận hành của doanh nghiệp công hữu, giúp những doanh nghiệp này thích ứng với đòi hỏi của cạnh tranh thị trường. Vì vậy, cần thúc đẩy các doanh nghiệp công hữu, đặc biệt là các doanh nghiệp quốc hữu thu hút sự tham gia của vốn phi công hữu thông qua nhiều kênh và hình thức khác nhau, đồng thời cho phép vốn công hữu, đặc biệt là

vốn quốc hữu thông qua nhiều kênh và hình thức tham gia cổ phần vào doanh nghiệp tư nhân hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hình thành nên doanh nghiệp cổ phần hoặc thành phần kinh tế hỗn hợp trong đó bao gồm các loại hình vốn khác nhau, biến chế độ cổ phần hoặc chế độ hỗn hợp trở thành hình thức thực hiện chủ yếu của chế độ công hữu. Chịu sự ràng buộc của quan niệm tư tưởng, trong một thời kỳ tương đối dài, vốn phi công hữu không thể tham dự vào cơ sở hạ tầng, sự nghiệp công cộng và các lĩnh vực khác, ngày nay, cần phải đặc biệt chú ý thu hút sự tham gia của vốn phi công hữu trong những lĩnh vực này, thực hiện đa dạng hoá chủ thể đầu tư.

Thứ hai, vốn quốc hữu, vốn tập thể và những nguồn vốn công hữu khác cùng với nguồn vốn phi công hữu khi tham gia cổ phần cần phải tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc thị trường. *Một là* kiên trì nguyên tắc định hướng thị trường, để làm cho sự liên hợp và hội nhập vốn phục tùng những nhu cầu cạnh tranh thị trường, tự nguyện tiến hành trong khuôn khổ pháp luật, không được ép buộc tham gia cổ phần đối với các doanh nghiệp phi công hữu; các ban ngành chính phủ cần phải tôn trọng triệt để quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp, không được can thiệp quá sâu vào các hành vi kinh doanh vốn chính đáng giữa các loại hình doanh nghiệp khác nhau; *hai là* kiên trì nguyên tắc hiệu quả, giúp cho việc liên hợp hoặc hợp nhập vốn có lợi cho việc

cải thiện cơ cấu vốn, nâng cao hiệu quả vận hành vốn, cuối cùng làm tăng trưởng và phát triển bền vững hiệu quả của doanh nghiệp.

Những năm gần đây, hoạt động tham gia cổ phần lẫn nhau, hội nhập giữa kinh tế quốc hữu, tập thể, cá nhân, tư doanh ngày càng phổ biến, thành phần kinh tế hỗn hợp có những bước phát triển đáng kể và tỏ rõ sức sống mãnh liệt. Theo yêu cầu phát triển thị trường hoá, tiếp tục phát triển mạnh thành phần kinh tế hỗn hợp, có sự tham gia cổ phần của vốn quốc hữu, vốn tập thể và vốn phi công hữu, như vậy sẽ thúc đẩy mạnh mẽ sức sản xuất quốc gia, mở ra cục diện mới cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc.

3. Xoá bỏ những trở ngại mang tính thể chế trong quá trình phát triển kinh tế công hữu

Kinh tế cá thể, tư doanh và những thành phần kinh tế phi công hữu khác phát huy vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy kinh tế tăng trưởng, tăng việc làm và làm sôi động thị trường, là một đội quân dồi dào sinh lực trong việc thúc đẩy kinh tế Trung Quốc phát triển bền vững và xã hội phát triển toàn diện. Hơn 20 năm qua, cùng với công cuộc cải cách, mở cửa, vị thế của kinh tế phi công hữu ngày càng được nâng cao, môi trường phát triển được cải thiện đáng kể. Nhưng cũng phải thấy rằng, vẫn còn tồn tại những cản trở mang tính thể chế hạn chế sự phát triển của kinh tế phi công hữu. Chính

vì vậy, Quyết định của Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chỉ rõ, cần phải chỉnh lý và sửa những pháp luật, pháp quy và chính sách phát triển kinh tế phi công hữu, tiếp tục xoá bỏ những cản trở mang tính thể chế.

Xoá bỏ những cản trở mang tính thể chế trong quá trình phát triển của kinh tế phi công hữu xét về căn bản là phải dựa trên nguyên tắc đối xử công bằng bình đẳng với những thành phần kinh tế có tính chất khác nhau, tạo ra môi trường thể chế và chính sách cho sự phát triển của kinh tế phi công hữu. Để làm được điều này, đòi hỏi cần phải giải phóng tư tưởng hơn nữa, chấn chỉnh nhận thức, hoàn toàn thoát khỏi những thiên kiến hình thành từ lâu nay, thống nhất thực sự nhận thức về chế độ phi công hữu với đường lối tư tưởng và phương châm chính sách được xác lập tại Đại hội Đảng lần thứ XV và đại hội Đảng lần thứ XVI. Trên cơ sở này, trong thực tiễn cần phải quyết tâm loại bỏ mọi hạn chế đối với sự phát triển của kinh tế phi công hữu, mọi biện pháp phân biệt đối xử cản trở doanh nghiệp phi công hữu phát triển lớn mạnh. Hiện nay, cần phải tập trung giải quyết một số vấn đề sau:

Thứ nhất, nới lỏng tiêu chuẩn gia nhập thị trường, giúp cho các doanh nghiệp phi công hữu có được cơ hội đầu tư bình đẳng với các doanh nghiệp khác. Hiện nay, các doanh nghiệp phi công hữu vẫn phải chịu rất nhiều hạn chế trong việc tham gia vào thị trường hoặc lĩnh

vực đầu tư, các doanh nghiệp phi công hữu không được phép tham gia vào một số lượng lớn các lĩnh vực mà các doanh nghiệp quốc hữu được phép đầu tư; thậm chí một số lĩnh vực đã mở cửa cho vốn đầu tư nước ngoài hoặc cam kết sẽ mở cửa cũng hạn chế sự tham gia của vốn phi công hữu. Sự hạn chế về tiêu chuẩn tham gia thị trường không những ảnh hưởng nghiêm trọng đến niềm tin của các nhà doanh nghiệp phi công hữu, mà còn hạn chế rất nhiều đến sự phát huy chức năng của vốn phi công hữu, trở thành một trong những trở ngại lớn mang tính thể chế trong phát triển kinh tế phi công hữu. Để có thể giải quyết thực sự vấn đề các doanh nghiệp phi công hữu bị hạn chế tham gia vào thị trường, về nguyên tắc, những lĩnh vực đầu tư mà Chính phủ Trung Quốc đã mở cửa cho đầu tư nước ngoài hoặc cam kết mở cửa đều cần phải mở cửa đối với vốn phi công hữu; tất cả những ngành nghề và lĩnh vực pháp luật nhà nước cho phép tham gia, bao gồm cơ sở hạ tầng, sự nghiệp công cộng đều nên cho phép vốn phi công hữu tham gia. Kết hợp với điều chỉnh chiến lược bố cục kinh tế quốc hữu, cho phép các doanh nghiệp phi công hữu tham gia vào cải tạo chế độ cổ phần hoặc tổ chức lại tài sản trong doanh nghiệp nhà nước.

Thứ hai, cải cách những hạn chế về thủ tục thẩm duyệt, giúp cho các doanh nghiệp phi công hữu có được sự phục vụ hành chính chính phủ giống như các doanh nghiệp khác. Sự kìm hãm trong quá trình phát triển

của kinh tế phi công hữu còn biểu hiện ở chỗ trong các khâu đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp phi công hữu tồn tại những hạn chế về mặt thẩm duyệt của các ban ngành chính phủ nghiêm trọng hơn nhiều so với các doanh nghiệp khác. Ở một số địa phương, kinh doanh một lĩnh vực tương tự, thủ tục đăng ký của các doanh nghiệp phi công hữu như vốn đăng ký, địa điểm kinh doanh phiền toái hơn nhiều so với các doanh nghiệp khác, những thủ tục thẩm duyệt ban đầu cũng rất nhiều; những khâu thẩm duyệt kiểm tra sau khi đăng ký còn nhiều hơn nữa, việc thu phí có liên quan như thu phí kiểm tra hàng năm cũng rất cao. Các doanh nghiệp quốc hữu dường như không chịu bất kỳ hạn chế nào khi tham gia vào những ngành mới, sáp nhập mua lại các doanh nghiệp thuộc những loại hình khác, còn đối với các doanh nghiệp phi công hữu lại phải trải qua quá trình thẩm tra thẩm duyệt phức tạp, phiền nhiễu; trong một số ngành cạnh tranh hoàn toàn hoặc mở cửa toàn diện, xuất phát từ một số nguyên nhân phi kinh tế, chính quyền một số địa phương thường nói lỏng tiêu chuẩn đã định đối với các doanh nghiệp quốc hữu và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thực hiện chính sách thiên vị, khiến cho các doanh nghiệp phi công hữu trên thực tế rơi vào vị trí cạnh tranh không công bằng. Chế độ thẩm duyệt phân biệt đối xử này làm hạn chế tính tích cực sáng nghiệp của xã hội và công chúng, khiến cho nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh có lợi cho phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội khó được triển

khai. Vì vậy, cần phải kết hợp cuộc cải cách chế độ thẩm duyệt đang được triển khai sâu rộng hiện nay, cải thiện thủ tục thẩm duyệt của các ban ngành chính phủ trong các khâu đăng ký, kinh doanh, tăng hạng mục kinh doanh, chuyển đổi lĩnh vực kinh doanh của các doanh nghiệp phi công hữu, cung cấp những dịch vụ hành chính thuận lợi cho sự phát triển của kinh tế phi công hữu.

Thứ ba, xoá bỏ những phân biệt về chính sách, giúp cho các doanh nghiệp phi công hữu có được môi trường thị trường giống như các doanh nghiệp khác. Ngoài những khác biệt về tiêu chuẩn tham gia ngành nghề, các doanh nghiệp phi công hữu khó có thể sử dụng bình đẳng các yếu tố sản xuất với các chủ thể thị trường khác, đây cũng là một trở ngại mang tính thể chế hạn chế sự phát triển của kinh tế phi công hữu. Các doanh nghiệp phi công hữu gặp nhiều khó khăn trong việc hùn vốn, vay vốn là vấn đề đã tồn tại trong nhiều năm, cho đến nay vẫn chưa được giải quyết. Do nhiều nguyên nhân, các tổ chức tài chính thường không muốn hỗ trợ cho vay đối với các doanh nghiệp phi công hữu, tiêu chuẩn để các doanh nghiệp phi công hữu phát hành trái khoán, cổ phiếu và các hình thức hùn vốn trực tiếp khác rất cao, những doanh nghiệp phi công hữu thông thường khó có thể nhận được lãi ngộ này; những chính sách hỗ trợ ngân sách dành cho doanh nghiệp công hữu hiếm khi áp dụng cho các doanh nghiệp phi công hữu. Ở một số nơi, các doanh nghiệp phi công hữu ngoài các khoản

thuế luật định, thường phải nộp thêm rất nhiều phí hành chính ngoài thuế thiếu sự minh bạch và rất tùy tiện. Các doanh nghiệp phi công hữu cũng gặp phải tình trạng tương tự trong việc sử dụng những yếu tố sản xuất khác. Sự bất bình đẳng trong đãi ngộ chính sách đã đặt các doanh nghiệp phi công hữu vào môi trường thị trường mất công bằng, cản trở đến sự phát triển lớn mạnh của các doanh nghiệp phi công hữu. Cần phải áp dụng các biện pháp một cách thiết thực, tạo ra một môi trường, ở đó các chủ thể thị trường được sử dụng bình đẳng các yếu tố sản xuất, giúp các doanh nghiệp phi công hữu được hưởng đãi ngộ bình đẳng như các doanh nghiệp khác trong việc đầu tư, hùn vốn, thu thuế, sử dụng đất và ngoại thương.

Thứ tư, bảo vệ tài sản tư hữu theo pháp luật, đảm bảo cho các doanh nghiệp phi công hữu thực hiện quyền lợi bình đẳng như các doanh nghiệp khác. Bảo vệ quyền tài sản tư hữu theo pháp luật là điều kiện quan trọng thúc đẩy kinh tế phi công hữu phát triển lành mạnh, đồng thời cũng là biện pháp quan trọng tăng cường năng lực sáng lập sự nghiệp của doanh nghiệp và công chúng, chuẩn hoá và làm sôi động đầu tư, thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển. Nhưng một vấn đề nổi bật trong đời sống kinh tế - xã hội Trung Quốc hiện nay là quyền lợi chính đáng của tài sản tư hữu và doanh nghiệp phi công hữu không được bảo vệ có hiệu quả. Ở một số địa phương, tài sản tư hữu không được tôn trọng đúng mực, hiện tượng lấy danh nghĩa kinh doanh thành thị, làm

đẹp môi trường, chỉnh đốn trật tự làm tổn hại đến tài sản tư hữu và doanh nghiệp phi công hữu đôi khi vẫn xảy ra. Ngoài ra, độ tin cậy của các cơ quan và đơn vị trong đó bao gồm cả một số ban ngành chính phủ trong việc thực hiện bồi thường, bồi hoàn trách nhiệm cần thiết đối với doanh nghiệp phi công hữu và tư nhân cũng chưa đạt đến mức dành cho các loại hình doanh nghiệp khác. Đại hội Đảng XVI đề ra: “Hoàn thiện chế độ pháp luật bảo vệ tài sản tư nhân”, điều này đã phản ánh rõ yêu cầu của cuộc sống hiện thực, là nội dung quan trọng trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Cần phải gấp rút xây dựng hệ thống pháp luật kiện toàn bảo vệ quyền tài sản tư hữu và những quyền lợi chính đáng khác, tạo ra môi trường luật pháp thuận lợi để kinh tế phi công hữu và các thành phần kinh tế khác thúc đẩy lẫn nhau, cùng phát triển.

Tóm lại, xóa bỏ những rào cản trong phát triển kinh tế phi công hữu không những tạo nên tảng thể chế thuận lợi cho kinh tế phi công hữu có cơ sở mới để phát triển mạnh, mà còn có lợi cho việc tạo nên “khí thế xã hội khuyến khích mọi người phát triển sự nghiệp, hỗ trợ mọi người phát triển sự nghiệp thành công”, từ đó phát huy tối đa năng lực của lao động, tri thức, kỹ thuật, quản lý và vốn vào mục tiêu phát triển xã hội, đem lại phần vinh cho nhân dân. Chính lý toàn diện tất cả những pháp luật pháp quy và chính sách hạn chế sự phát triển của thành phần kinh tế phi công hữu hiện

nay, cần kiên quyết xoá bỏ những thứ không còn phù hợp, nhanh chóng sửa đổi những điều còn bất cập. Đồng thời, cũng cần phải đẩy mạnh và cải tiến sự phục vụ và quản lý giám sát đối với doanh nghiệp phi công hữu, thúc đẩy những doanh nghiệp này kinh doanh theo pháp luật, nộp thuế theo đúng quy định, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của nhân viên, thực hiện mọi nghĩa vụ xã hội.

4. Cải tiến hơn nữa sự phục vụ và giám sát quản lý đối với các doanh nghiệp phi công hữu

Đồng thời với việc nhấn mạnh phải tiếp tục đề ra các biện pháp, xoá bỏ những cản trở mang tính thể chế đến sự phát triển của kinh tế phi công hữu, Nghị quyết Trung ương 3 Đại hội XVI còn yêu cầu phải cải tiến hơn nữa sự phục vụ và giám sát quản lý đối với các doanh nghiệp phi công hữu. Điều này vừa phản ánh yêu cầu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đặc biệt là kiên trì và hoàn thiện chế độ kinh tế cơ bản trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, vừa phản ánh nhu cầu hiện thực của phát triển kinh tế phi công hữu. Thực tế cho thấy, cần phải cải tiến những phương diện sau trong phục vụ và giám sát quản lý đối với các doanh nghiệp phi công hữu:

Thứ nhất, chuyển từ “đánh giá thấp” sang “đối xử bình đẳng”. Để cải tiến phục vụ và giám sát quản lý đối với doanh nghiệp phi công hữu, trước hết cần phải nâng cao tư tưởng nhận thức, nhìn nhận đúng đắn vị thế và

vai trò của thành phần kinh tế phi công hữu. Trong một thời gian tương đối dài. Trung Quốc có thành kiến đối với thành phần kinh tế phi công hữu, coi đây là nước lũ, mãnh thú hoặc quái vật của CNXH, liên tục đè nén hoặc tìm cách xoá bỏ thành phần kinh tế này. Cùng với chiều sâu của công cuộc cải cách mở cửa, Trung Quốc ngày càng có nhận thức sâu sắc hơn và khoa học hơn về thành phần kinh tế phi công hữu. Báo cáo của Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XV đã chỉ ra, thành phần kinh tế phi công hữu là một bộ phận cấu thành quan trọng trong nền kinh tế thị trường XHCN; Báo cáo tại Đại hội Đảng XVI tiếp tục nhấn mạnh, thành phần kinh tế phi công hữu đóng một vai trò quan trọng trong việc huy động triệt để tinh thần tích cực của mọi mặt trong xã hội, đẩy nhanh phát triển sức sản xuất, đòi hỏi phải kiên định không thay đổi, khuyến khích, giúp đỡ và hướng dẫn cho thành phần kinh tế này phát triển. Nghị quyết lần này một lần nữa lại nhấn mạnh: kinh tế phi công hữu là lực lượng quan trọng thúc đẩy sức sản xuất xã hội của Trung Quốc phát triển. Mặc dù vậy, trên thực tế, một số người, đặc biệt là một số ban ngành quản lý và người quản lý vẫn vô tình hoặc hữu ý xem nhẹ thành phần kinh tế phi công hữu, từ đó có những hành vi phân biệt đối xử trong quản lý. Cần phải thiết thực thống nhất nhận thức tư tưởng với đường lối tư tưởng và phương châm chính sách của Đảng, nhận thức đầy đủ và phát huy vai trò quan trọng và tích cực của thành phần kinh tế phi công hữu trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng việc làm và làm cho thị

trường sôi động, đối xử công bằng với thành phần kinh tế phi công hữu như với các thành phần kinh tế khác trong tư tưởng quan niệm, biện pháp chính sách, phương thức công tác..., bảo đảm cơ hội cạnh tranh công bằng và quyền lợi phát triển bình đẳng trên thị trường của thành phần kinh tế phi công hữu.

Thứ hai, chuyển từ quản lý theo mô hình “quản chế” sang quản lý theo mô hình “phục vụ”. Vị trí đặc thù của chính phủ và thể chế quản lý kinh tế kế hoạch được thực hiện trong thời gian dài đã tạo ra mối quan hệ đặc thù giữa chính phủ và doanh nghiệp, trong đó các ban ngành chính phủ là người chủ của doanh nghiệp, doanh nghiệp dựa vào các ban ngành chính phủ và phương thức quản lý mang tính chỉ huy, mệnh lệnh của chính phủ đối với các doanh nghiệp. Xét về thực chất, đây là một kiểu quản lý theo mô hình “quản chế”. Do tồn tại những thành kiến về thành phần kinh tế phi công hữu trong thời gian dài, nên phương thức quản lý này của các ban ngành chính phủ đối với các doanh nghiệp càng được thể hiện rõ nét đối với các doanh nghiệp phi công hữu. Thực tế này không chỉ biểu hiện ở chỗ các doanh nghiệp phi công hữu khó có thể tham gia bình đẳng vào các lĩnh vực ngành nghề, sử dụng một cách bình đẳng các yếu tố sản xuất như những doanh nghiệp khác, mà còn biểu hiện ở chỗ thủ tục thẩm duyệt cho phép các doanh nghiệp phi công hữu tham gia vào các hoạt động kinh tế khác khế hơn so với các loại hình doanh nghiệp khác, tiêu chuẩn để các doanh nghiệp này tham gia

cũng cao hơn các doanh nghiệp khác, trong khi đó mức độ quy củ trong giám sát và quản lý những doanh nghiệp này của các ban ngành chính phủ lại kém hơn so với các doanh nghiệp khác, phương thức làm việc “cứng nhắc” hơn so với các doanh nghiệp khác. Để thích ứng được với đòi hỏi của kinh tế thị trường, các ban ngành chính phủ cần phải chuyển đổi thực sự chức năng, đặt mình vào đúng vị trí, sắp xếp hợp lý mối quan hệ với doanh nghiệp, chuyển từ quản lý mang tính quản chế sang quản lý mang tính phục vụ, đặt trọng điểm hoạt động vào việc đưa ra những quy định, điều lệ, thưởng phạt phân minh và giúp các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn. Trước thực tế thành phần kinh tế phi công hữu bị đối xử không công bằng, cần phải đặc biệt cải tiến phương thức quản lý đối với các doanh nghiệp phi quốc hữu, chuyển từ chỗ tập trung vào phát hiện vấn đề còn tồn tại sang việc giúp đỡ các doanh nghiệp này giải quyết vấn đề; chuyển từ đặt ra các tiêu chuẩn, điều kiện sang tập trung vào tạo ra môi trường và điều kiện cho phát triển; chuyển từ quản lý đối phó bị động không mời không đến, không yêu cầu không làm sang giúp đỡ một cách chủ động lo với nỗi lo chung của mọi người, nghĩ những điều mọi người cùng nghĩ; chuyển từ chỗ chỉ chú trọng đến tấn công vào các hành vi vi phạm quy định, pháp luật sang việc đồng thời chú ý bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của các doanh nghiệp phi công hữu.

Thứ ba, chuyển từ can thiệp hành chính không quy củ sang giám sát quản lý theo pháp luật. Lâu nay, các

biện pháp tài chính là phương thức quản lý và giám sát chủ yếu của chính phủ đối với các doanh nghiệp. Với vị thế ưu việt của mình, nên trong thực tiễn thể chế quản lý này của các ban ngành chính phủ mang đậm tính tùy tiện, hiện tượng ban ngành chính phủ lạm dụng chức quyền hoặc vượt quyền thường xuyên diễn ra, xâm hại nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của các doanh nghiệp, hạn chế năng lực và hiệu quả của các doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho một bộ phận nhân viên quản lý của chính phủ lợi dụng chức quyền để mưu lợi cá nhân, có những hành vi hủ bại. Sự tùy tiện này càng thể hiện rõ nét trong quản lý và giám sát đối với các doanh nghiệp phi công hữu. Ở một số nơi, các nhân viên quản lý can thiệp quá mức vào các doanh nghiệp phi công hữu, đưa ra rất nhiều yêu cầu không hợp lý, đặt ra rất nhiều cản trở hữu hình và vô hình, đôi khi còn uy hiếp bằng biện pháp đóng cửa chĩnh đốn lại và phạt tiền, bắt người. Để có thể cải tiến phương thức phục vụ và quản lý giám sát đối với các doanh nghiệp phi công hữu, đòi hỏi phải giảm thiểu tối đa sự can thiệp hành chính, trên cơ sở xây dựng kiện toàn những quy định pháp luật có liên quan, chuyển biến quản lý hành chính thành làm việc theo luật pháp, giám sát theo quy định. Những khâu quản lý hành chính bắt buộc cũng cần phải được chuẩn hoá trình tự tiến hành, ngăn chặn việc hoạt động ngầm, thực hiện vận hành công khai, minh bạch.

Thứ tư, chuyển từ quản lý mang tính phân nôi sang

chú trọng đến phát triển tận gốc. Phát huy triệt để tính năng động của các doanh nghiệp phi công hữu và bảo vệ sự thống nhất của trật tự thị trường, cần phải trị được cả gốc lẫn ngọn trong việc quản lý và giám sát các doanh nghiệp phi công hữu, chú ý tập trung nhiều sức lực vào việc quản lý từ gốc. *Một là* cần phải thiết lập hệ thống pháp luật và môi trường chính sách kiện toàn cho sự phát triển lành mạnh của các doanh nghiệp phi công hữu; *hai là* xây dựng hệ thống phục vụ uy tín và chế độ phạt kiện toàn, thông qua các biện pháp kinh tế và các biện pháp pháp luật, tạo lập nên uy tín thương nghiệp và ý thức pháp luật trong các doanh nghiệp phi công hữu; *ba là* phát triển quy củ các tổ chức trung gian tự phát, cung cấp những dịch vụ hữu hiệu cho các doanh nghiệp phi công hữu, đồng thời đôn đốc những doanh nghiệp này tuân thủ các quy định, luật pháp, kinh doanh hợp pháp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. *36 vấn đề quan trọng liên quan đến việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa*. Nxb. Lịch sử Đảng Cộng sản Trung Quốc, Bắc Kinh, 2003.

2. *Một trăm vấn đề hướng dẫn học tập Nghị quyết Trung ương 3, Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc*. Nxb. Tài liệu xây dựng Đảng, Bắc Kinh, 2003.

CẢI CÁCH CÓ HIỆU QUẢ THỂ CHẾ QUẢN LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC Ở TRUNG QUỐC (TỪ ĐẠI HỘI XVI ĐẾN NAY)

PHẠM SỸ THÀNH

*Khoa Đông Phương học, Trường Đại học
KHXH&NV - Đại học Quốc gia Hà Nội*

Trước đây, ở Trung Quốc, tài sản nhà nước (TSNN) thường được nhận thức một cách đơn giản là bao gồm toàn bộ các doanh nghiệp do Nhà nước bỏ vốn thành lập nên. Tuy nhiên, cùng với việc đi sâu cải cách DNNN, vấn đề TSNN đã dần được nhận thức lại một cách đầy đủ và khoa học hơn. Theo đó, TSNN không phải là một khái niệm đơn thuần để chỉ các DNNN mà đó là một thể tổng hợp của hai bộ phận cấu thành, bao gồm các tài sản mang tính kinh doanh và các tài sản không mang tính kinh doanh. *Các TSNN mang tính kinh doanh*, chỉ toàn bộ các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, các doanh nghiệp do Nhà nước nắm cổ phần khống chế và lượng cổ phần trong các doanh nghiệp có sự tham gia đầu tư của Nhà nước. Tính đến cuối năm 2002, giá trị

của lượng tài sản này ước tính khoảng 7.690 tỷ NDT⁽¹⁾. Các TSNN không mang tính kinh doanh, chủ yếu gồm 3 dạng chính là: tài nguyên thiên nhiên; hàng hoá công cộng (cơ sở hạ tầng, tài sản trong các đơn vị hành chính sự nghiệp, y tế, giáo dục v.v...) và các tài sản tồn tại dưới dạng tiền tệ (tiền mặt, các quỹ đầu tư, quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm y tế v.v...). Cũng tính đến cuối năm 2002, giá trị của lượng tài sản này là khoảng 4.140 tỷ NDT⁽²⁾. Như vậy, giá trị TSNN tịnh của Trung Quốc năm 2002 vào khoảng 11.830 tỷ NDT, tương đương với GDP của năm đó. Đây là một lượng tài sản khổng lồ và việc sử dụng có hiệu quả nguồn tài sản này rõ ràng sẽ đem lại những lợi ích to lớn cho sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, trong thực tiễn từ khi cải cách mở cửa đến nay, vấn đề sử dụng và quản lý TSNN ở Trung Quốc vẫn tồn tại nhiều điểm bất cập và những cải cách trước đó (phần nhiều mang tính thử nghiệm, thí điểm) chưa thực sự tạo ra những chuyển biến căn bản. Đứng trước tình hình đó, kể từ Đại hội XVI (11/2002) đến nay, Trung Quốc đã có nhiều bước đi mới trong việc xây dựng và hoàn thiện thể chế giám sát, quản lý TSNN. Đặc biệt, tại Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI, cải cách thể chế quản lý TSNN đã trở thành

1,2. Hướng dẫn đọc "Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa", (tiếng Trung). Nxb. Nhân dân, Bắc Kinh, 2003, tr. 66.

một nội dung quan trọng nhằm hướng đến việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

1. Những tồn tại chủ yếu trong việc giám sát, quản lý TSNN ở Trung Quốc hiện nay

Hình thành từ những năm tháng chiến tranh, lại phát triển một thời gian dài trong thể chế kinh tế kế hoạch tập trung nên thể chế quản lý TSNN ở Trung Quốc không tránh khỏi mang trong mình nhiều điểm hạn chế. Mặc dù đã trải qua gần 25 năm cải cách nhưng việc sử dụng và quản lý TSNN vẫn còn là một điểm “nhức nhối” của Trung Quốc trên bước đường phát triển kinh tế. Nhìn chung, những vấn đề nổi cộm nhất trong thể chế giám sát, quản lý TSNN ở Trung Quốc hiện nay chủ yếu biểu hiện thành:

Thứ nhất, trong thể chế quản lý TSNN thường xuyên xuất hiện tình trạng quản lý chồng chéo nhiều cấp. Từ trước đến nay, thể chế quản lý TSNN ở Trung Quốc tuân theo mô hình: nhà nước thống nhất sở hữu, chính quyền trung ương là đại diện duy nhất, đóng vai trò chủ đầu tư, sau đó chính phủ uỷ nhiệm cho các bộ ngành đảm nhiệm chức năng chủ đầu tư. Điều này dẫn đến hiện tượng “ngũ long trị thủy”, nghĩa là hoạt động của các DNNN thường do nhiều uỷ ban, cơ quan, hoặc bộ ngành cùng tham gia điều hành, kiểm soát. Chẳng hạn. Uỷ ban Kế hoạch nhà nước quản lý việc lập các hạng mục

công việc; Ủy ban Kinh tế Mậu dịch quản lí việc kinh doanh thường ngày; Bộ Lao động và Bảo hiểm xã hội phụ trách vấn đề lao động và tiền lương; Bộ tài chính quản lí việc đăng kí và sử dụng tài sản của doanh nghiệp; bộ phận Tổ chức nhân sự và Ủy ban công tác DNNN quy mô lớn quản lí việc bổ nhiệm, bãi miễn các chức vụ cao cấp trong doanh nghiệp.

Thứ hai, với cung cách quản lí cũ, Chính phủ Trung Quốc luôn thiếu thông tin hoặc không thu nhận được những thông tin chính xác về tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Chính phủ không nắm bắt được tình hình sử dụng, quản lí thực tế đối với các TSNN trong doanh nghiệp, sự tiếp diễn của hiện tượng “làm thì láo, báo cáo thì hay” một phần cũng bắt nguồn từ nguyên nhân này.

Thứ ba, sự can thiệp mang tính hành chính của chính quyền các cấp đối với doanh nghiệp vẫn còn rất phổ biến nặng nề. Theo thống kê, đến cuối năm 1999, điều tra ngẫu nhiên 800 doanh nghiệp thuộc tất cả các loại hình cho thấy một hiện trạng là đối với 99,77% số DNNN, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm những chức vụ điều hành cao cấp (như Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị v.v...) vẫn do các tổ chức đảng trong doanh nghiệp quyết định. Trong khi đó tỷ lệ này ở các loại hình doanh nghiệp ngoài quốc hữu thường thấp hơn rất nhiều (xem bảng 1).

Bảng 1: Sức ảnh hưởng của tổ chức đảng trong việc bổ nhiệm, bãi miễn các chức vụ điều hành cao cấp trong các loại hình doanh nghiệp

Mức độ ảnh hưởng	DN nhà nước	DN tập thể	DN theo chế độ hợp tác cổ phần	Công ty cổ phần hữu hạn	DN tư nhân	DN "ba loại vốn"	Các loại doanh nghiệp khác
Ảnh hưởng rất lớn	185	4		3		5	
Ảnh hưởng trung bình	247	68	4	32	2	6	4
Không có ảnh hưởng	1	160	13	40	10	10	6
Tổng số doanh nghiệp điều tra	433	232	17	75	12	21	10
Tỷ lệ ảnh hưởng (%)	99,77	31,03	23,53	46,67	16,67	52,38	40,0

Nguồn: Theo Hàn Triều Hoa. Xác định rõ quyền tài sản và quy phạm hoá hành vi chính phủ. T/c Nghiên cứu kinh tế (tiếng Trung), số 2 năm 2003, tr. 24.

Thứ tư, do không có một cơ quan thực sự chịu trách nhiệm đối với lượng TSNN nên tình trạng khuyết thiếu

chủ đầu tư tồn tại khá phổ biến, khiến cho TSNN bị thất thoát nghiêm trọng, hiệu quả sử dụng TSNN không cao. Từ năm 1984 đến năm 1992, lượng TSNN bị thất thoát của Trung Quốc ước tính khoảng 1.000 tỷ NDT, trung bình mỗi ngày thất thoát 330 triệu NDT⁽¹⁾.

Rõ ràng, những tồn tại nêu trên trong khâu quản lí TSNN đã tạo ra nhiều ảnh hưởng tiêu cực không chỉ đối với sự phát triển của các DNNN mà còn tác động tới sự phát triển của nền kinh tế Trung Quốc. Xét ở một khía cạnh nào đó, nguy hại thường trực mà việc quản lí TSNN gặp phải là tình trạng thất thoát tài sản. Việc những lượng tài sản khổng lồ chảy vào túi tư nhân hoặc tư bản nước ngoài không chỉ làm suy yếu nền kinh tế mà còn có thể gây ra những nguy hại về an ninh quốc gia. Trung Quốc rõ ràng thấy được những bài học đắt giá mà nước Nga và nhiều quốc gia Đông Âu khác phải trả trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế. Việc tư hữu hoá ồ ạt các xí nghiệp quốc doanh, tình trạng kiểm soát, quản lý lỏng lẻo, cộng thêm sự móc ngoặc giữa các quan chức cao cấp với giới kinh doanh trong quá trình chuyển giao quyền sở hữu khiến cho sau quá trình tư hữu hoá, nước Nga đã “cho không, mất không” nhiều tài sản vào tay các ông trùm trong giới kinh doanh. Đó là bài học nhãn tiền đối với Trung Quốc.

1. Vương Quế Đức (chủ biên). *Bàn về cải cách DNNN*. (tiếng Trung), Nxb. Đại học Tự nhiên Hoa Nam, Quảng Châu, 2000, tr.96.

2. Cải cách thể chế giám sát, quản lí TSNN ở Trung Quốc từ đại hội XVI đến nay

a. Đại hội XVI và những quyết sách mới về cải cách thể chế quản lí TSNN

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề cải cách thể chế quản lí TSNN, đặc biệt để thể chế quản lí này ngày càng thích ứng với sự vận hành của thể chế kinh tế thị trường, sau hai thập niên cải cách, Hội nghị Trung ương 4 khoá XV đã đề ra nguyên tắc mới cho việc xây dựng thể chế quản lí TSNN. Theo đó, Nhà nước sở hữu, quản lí phân theo các cấp, trao quyền kinh doanh và phân công giám sát. Nguyên tắc cơ bản của thể chế kinh tế thị trường xác định ai là chủ thể sở hữu, người đó đầu tư, người đó chịu trách nhiệm và được hưởng lợi; do vậy, những can thiệp mang tính mệnh lệnh hành chính, không tuân theo các quy luật kinh tế cơ bản sẽ không thể thích ứng với vòng quay của kinh tế thị trường.

Trên cơ sở những nguyên tắc mà đại hội XV đã nêu ra, Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề ra nhiều nội dung cải cách mới nhằm xây dựng một thể chế giám sát, quản lí TSNN kiện toàn, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Báo cáo chính trị tại Đại hội XVI đã xác định: "... Cải cách thể chế quản lí TSNN là nhiệm vụ quan trọng nhằm đi sâu cải cách thể chế kinh tế. Dưới tiền đề kiên trì quyền sở hữu của Nhà nước, phải phát huy đầy đủ tính tích cực của

Trung ương và địa phương. Nhà nước phải định ra pháp luật, pháp quy... Tiếp tục tìm tòi thể chế và phương thức kinh doanh TSNN có hiệu quả”⁽¹⁾.

Bên cạnh nội dung quan trọng là xây dựng hệ thống pháp luật, pháp quy nhằm hỗ trợ cho cải cách thể chế quản lý TSNN, Báo cáo chính trị còn chính thức đề xuất xây dựng thể chế quản lý TSNN mới theo nguyên tắc: “kiên trì quyền sở hữu của Nhà nước... chính quyền trung ương và chính quyền địa phương đều đại diện cho Nhà nước để thực hiện chức trách của chủ đầu tư; thống nhất được hưởng quyền hạn, lợi ích, và có nghĩa vụ, trách nhiệm như chủ sở hữu; kết hợp quản lý tài sản với quản lý nhân sự và quản đầu việc”⁽²⁾. Dưới sự chỉ đạo của tư tưởng này, Trung Quốc đã thành lập một cơ quan chuyên trách với tên gọi **Ủy ban giám sát, quản lý TSNN**. Chức năng cơ bản của cơ quan này là: căn cứ vào chủ trương “trao quyền kinh doanh”, thực hiện chức trách của chủ đầu tư dựa trên những văn bản pháp luật và pháp quy hành chính như “Luật công ty”, chỉ đạo thúc đẩy cải cách và cải tổ DNNN. Bên cạnh đó, Ủy ban này còn đại diện cho Nhà nước để chọn ra Hội đồng giám sát trong các doanh nghiệp quy mô lớn, bổ nhiệm, bãi miễn và thực hiện thưởng phạt đối với người nhận kinh doanh doanh nghiệp (Ban giám đốc). Ngoài ra, Ủy

1,2. *Tuyển tập văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc* (tiếng Trung). Nxb. Nhân dân, Bắc Kinh, 2002, tr. 25.

ban phải chịu trách nhiệm giám sát tình hình kinh doanh TSNN trong các doanh nghiệp, định ra pháp luật, pháp quy đối với việc quản lý tài sản.

Việc thành lập Ủy ban giám sát, quản lý TSNN đã đánh dấu một bước phát triển mới trên bước đường cải cách thể chế quản lý TSNN. Bởi lẽ, với sự ra đời của Ủy ban, lần đầu tiên việc tách chức năng quản lý công cộng của Chính phủ ra khỏi chức năng chủ đầu tư được thực hiện một cách triệt để, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tách chính quyền khỏi doanh nghiệp, giảm nhẹ sự can thiệp hành chính mệnh lệnh. Ủy ban không thực hiện những sự vụ hành chính mà chỉ phụ trách việc giám sát và quản lý TSNN. Hơn nữa, từ đây, đã có một cơ quan thực sự chịu trách nhiệm trước Chính phủ về tình hình kinh doanh và hiệu quả sử dụng TSNN.

Hai là, trong thể chế quản lý trước đây, mặc dù cả Chính phủ và chính quyền đều phải chịu trách nhiệm quản lý TSNN, tuy nhiên chỉ có Quốc vụ viện là đại diện cho Nhà nước, được hưởng quyền lợi và thực hiện các chức năng của chủ sở hữu. Điều này không khỏi ảnh hưởng đến tính tích cực của chính quyền địa phương, cũng như không phát huy được tính sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của địa phương trong việc bảo vệ và làm tăng giá trị TSNN. Đại hội XVI, với những quy định mới về quản lý TSNN rõ ràng đã khắc phục được điểm yếu này, qua đó không chỉ quy định trách nhiệm

mà còn quy định những quyền lợi, quyền hạn của chính quyền địa phương đối với việc quản lý TSNN.

Ba là, trước đây, quản lý TSNN và giám sát hoạt động của các DNNN thường là công việc “tập thể” của nhiều đơn vị nhà nước (tình trạng “ngũ long trị thủy” như đã nêu trên). Tới đại hội XVI, tình trạng này đã chấm dứt (hay ít ra có những cơ sở pháp lý để chấm dứt). Việc quản lý tài sản, quản lý nhân sự và quản lý công việc của doanh nghiệp đã được quy về một mối, do Ủy ban giám sát, quản lý TSNN đứng ra sắp xếp, lên kế hoạch và chịu trách nhiệm.

Cuối cùng, tính hiện thực của đợt cải cách lần này càng được nâng cao khi Báo cáo chính trị đã chính thức phân định phạm vi đại diện quản lý của chính quyền trung ương và chính quyền địa phương. Trong đó, “những DNNN quy mô lớn liên quan đến huyết mạch kinh tế hoặc an ninh quốc gia, kết cấu hạ tầng và các tài nguyên thiên nhiên quan trọng do chính quyền trung ương đại diện Nhà nước thực hiện chức trách của chủ đầu tư. Các TSNN khác do chính quyền địa phương đại diện Nhà nước thực hiện chức trách của chủ đầu tư”⁽¹⁾. Sự phân định này vừa là cơ sở để phân xử trách nhiệm của mỗi cấp nếu có xảy ra sai phạm, vừa giảm đáng kể tình trạng quản lý chồng chéo, quản lý nhiều nhưng không quản lý đủ.

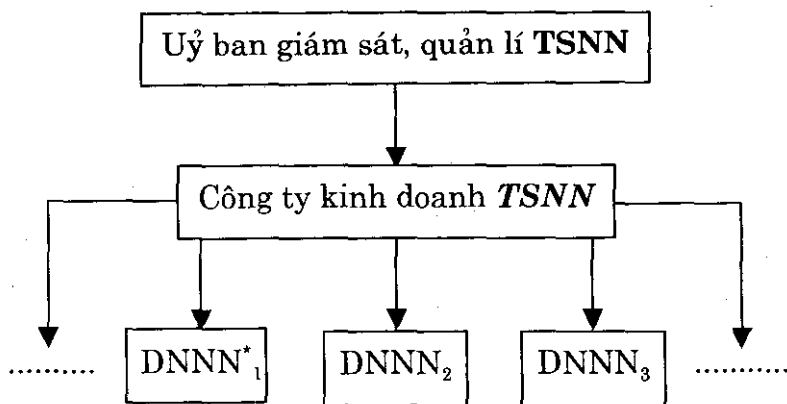
1. Sdd.

b. Điều lệ tạm thời về giám sát, quản lý TSNN trong doanh nghiệp với thực tiễn cải cách thể chế quản lý TSNN

Quyết tâm tạo ra những chuyển biến mang tính đột phá trong cải cách thể chế quản lý TSNN của Trung Quốc càng được thể hiện rõ khi sau Đại hội XVI không lâu, ngày 27 tháng 5 năm 2003, Chính phủ Trung Quốc tiếp tục ban hành *Điều lệ tạm thời về giám sát, quản lý TSNN trong doanh nghiệp*. Nếu hai đặc trưng nổi bật về quản lý TSNN được nêu ra tại Đại hội XVI là *Nhà nước sở hữu, phân cấp đại diện, thống nhất về quyền hạn, lợi ích, trách nhiệm và kết hợp quản lý tài sản, quản lý nhân sự với quản lý đầu việc* thì bước phát triển về nội dung cải cách được nêu lên trong *Điều lệ* có thể khái quát trong 12 chữ “*phân cấp đại diện, phân tầng kinh doanh, phân loại giám sát*”.

Phân cấp đại diện có nội dung như đã nêu trong Báo cáo chính trị tại Đại hội XVI. Biện pháp này mang nhiều điểm khác biệt với biện pháp “*phân cấp sở hữu*” đã từng được thí điểm trước đây.

Phân tầng kinh doanh thực chất là sự đi sâu, cụ thể hoá cơ chế hoạt động của Ủy ban giám sát, quản lý TSNN đã được thành lập trước đó. Đây đồng thời cũng là sự học tập theo mô hình quản lý của nhiều nước trên thế giới. Theo nguyên tắc này, cơ chế quản lý TSNN sẽ được chia thành 3 tầng nấc:



Ủy ban giám sát, quản lí TSNN sẽ định ra những chính sách mang tính định hướng, đề ra những mục tiêu kinh doanh cho Công ty kinh doanh TSNN đồng thời xây dựng chế độ thưởng phạt kinh doanh thích hợp. Như vậy, Ủy ban có quan hệ trực tiếp với Công ty kinh doanh TSNN nhưng các biện pháp tác động giữa hai loại cơ quan này là khống chế về nhân sự.

Sau khi nhận được sự uỷ thác quyền quản lí TSNN trong các DNNN từ Ủy ban theo quy định hiện hành của pháp luật, Công ty kinh doanh có quyền đầu tư tài sản vào các doanh nghiệp bằng hình thức tham gia

* Ở đây, khái niệm DNNN được dùng để chỉ tất cả các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, các doanh nghiệp do Nhà nước nắm cổ phần khống chế và các doanh nghiệp có sự tham gia cổ phần của Nhà nước (Xin xem thêm Ngụy Kiệt, Triệu Tuấn Siêu: *Phải xây dựng thể chế quản lí TSNN mới*, T/c Tân Hoa văn trích (tiếng Trung), số 3 năm 2003, tr. 50).

cổ phần cũng như có quyền hạn, trách nhiệm của chủ đầu tư trong những doanh nghiệp đã có cổ phần của Nhà nước trước đây. Điều đáng chú ý là quan hệ giữa Công ty với hoạt động kinh doanh của các DNNN được thiết lập trên cơ sở những ràng buộc về vốn đầu tư (nghĩa là Công ty được hưởng quyền lợi và chịu trách nhiệm theo tỷ lệ cổ phần đóng góp) chứ không bằng mệnh lệnh hành chính.

Phân loại giám sát, quản lý được hiểu là TSNN thuộc các doanh nghiệp hoạt động trong những lĩnh vực khác nhau của đời sống kinh tế - xã hội sẽ do những cơ quan khác nhau giám sát, quản lý. Cụ thể: (1). TSNN trong các DNNN hoạt động trong lĩnh vực cung cấp hàng hoá công cộng, an ninh quốc gia, các ngành độc quyền tự nhiên sẽ do Ủy ban quản lý TSNN của Quốc vụ viện trực tiếp giám sát, quản lý. (2). TSNN trong các DNNN hoạt động trong lĩnh vực mang tính cạnh tranh sẽ được quản lý theo cơ chế 3 tầng như trên.

c. Những nội dung chính về cải cách thể chế giám sát, quản lý TSNN tại Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI

Tiếp thu những nội dung mà *Báo cáo chính trị* tại Đại hội XVI và *Điều lệ tạm thời về giám sát, quản lý TSNN trong doanh nghiệp* đã nêu ra, hội nghị Trung ương 3 khoá XVI đã đề ra thêm nhiều nội dung cải cách tích cực nhằm mục đích cuối cùng đưa việc quản lý TSNN đi vào quỹ đạo và thích ứng với cơ chế vận hành

của nền kinh tế thị trường xã hội Chủ nghĩa.

Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đã nêu rõ: “Xây dựng thể chế giám sát và quản lý TSNN kiện toàn... Cơ chế quản lý TSNN thực hiện chức trách chủ đầu tư đối với những TSNN đã trao quyền kinh doanh; duy trì, bảo vệ quyền lợi của chủ sở hữu (Nhà nước); bảo vệ mọi quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp với tư cách là chủ thể thị trường; đôn đốc doanh nghiệp đảm bảo duy trì và làm tăng giá trị của TSNN; ngăn chặn tình trạng thất thoát tài sản”⁽¹⁾. Nguyên tắc cơ bản của cải cách thể chế quản lý TSNN là sự tiếp nối tinh thần của đại hội XVI, theo đó, “kiên trì tách chức năng quản lý công cộng và chức năng chủ đầu tư TSNN của Chính phủ” không chỉ là thước đo đánh giá sự thành công mà còn là yêu cầu tất yếu đảm bảo cho sự thành công của cải cách.

Nhìn chung, điểm sáng mà *Quyết định* nêu lên trong việc cải cách thể chế quản lý TSNN được tập trung vào 3 nội dung chính:

Một là, “xây dựng chế độ dự toán kinh doanh TSNN và hệ thống đánh giá thành tích kinh doanh của doanh nghiệp” ⁽²⁾.

1.2. *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa*, (Tiếng Trung). Nxb. Nhân dân, Bắc Kinh, 2003, tr. 15 -16.

Dự toán kinh doanh TSNN là một hạng mục dự toán chuyên biệt để các cơ quan kinh doanh TSNN dựa vào đó phân bổ vốn (là TSNN) cũng như thu lợi từ nguồn vốn đã đầu tư, đó cũng là phần dự toán quan trọng trong dự toán của Chính phủ. Dự toán kinh doanh gồm hai bộ phận chính là các khoản thu và các khoản chi mà cơ quan kinh doanh TSNN đã thực hiện trong quá trình kinh doanh tài sản. Nguyên tắc để thiết lập dự toán kinh doanh TSNN là đảm bảo cân bằng thu chi đồng thời đảm bảo được việc giữ nguyên và làm tăng giá trị của TSNN.

Hai là, *“tích cực tìm tòi hình thức giám sát, quản lý và kinh doanh TSNN có hiệu quả; hoàn thiện chế độ trao quyền kinh doanh”*⁽¹⁾. Chế độ trao quyền kinh doanh đã được thử nghiệm tại Trung Quốc từ năm 1992. Khi đó, biện pháp này được đưa ra để giải quyết tình trạng chính quyền không tách rời doanh nghiệp và tăng cường hơn nữa quyền tự chủ cho các doanh nghiệp. Trong thể chế quản lý TSNN mới, chế độ trao quyền kinh doanh vẫn được nhấn mạnh là một hình thức kinh doanh, giám sát, quản lý tài sản có hiệu quả. Trao quyền kinh doanh được hiểu là chủ đầu tư TSNN trao một phần quyền lợi của mình cho các doanh nghiệp hoặc

1. *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.*, (Tiếng Trung). Nxb. Nhân dân, Bắc Kinh, 2003, tr. 15 - 16.

công ty 100% vốn nhà nước có đủ điều kiện. Các doanh nghiệp, công ty nhận quyền kinh doanh thực hiện việc kinh doanh, giám sát và quản lý TSNN theo quy định của pháp luật; đồng thời chịu trách nhiệm bảo vệ và làm tăng giá trị của lượng tài sản này. Các doanh nghiệp nhận quyền kinh doanh phải có tình hình kinh doanh tốt và chế độ quản lý bên trong doanh nghiệp kiện toàn, cơ bản đã xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại. Các hình thức doanh nghiệp nhận quyền kinh doanh có thể là các công ty lớn, các tập đoàn doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, cũng có thể là các công ty do Nhà nước nắm cổ phần khống chế, các công ty kinh doanh TSNN hoặc các công ty quản lý tài chính, tiền tệ. Mục đích của việc thực hiện trao quyền kinh doanh chủ yếu nhằm mở rộng thêm quyền hạn quản lý của các doanh nghiệp này.

Ba là, “xây dựng chế độ giám sát, quản lý tài sản dưới hình thức tiền tệ, tài sản không mang tính kinh doanh và tài nguyên thiên nhiên”⁽¹⁾. Như trên đã nêu, hiện nay, khái niệm TSNN đã được nhận thức một cách toàn diện hơn, theo đó, TSNN là sự hợp thành của hai bộ phận: bộ phận tài sản mang tính kinh doanh và những tài sản không mang tính kinh doanh. Bước phát triển mới của *Quyết định* được nêu lên tại Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI so với các văn bản về quản lý

1. Tidd.

TSNN trước đó là ở chỗ bên cạnh nhấn mạnh và đề ra các nội dung mới trong khâu quản lý bộ phận TSNN mang tính kinh doanh, *Quyết định* còn nêu lên nhiệm vụ xây dựng chế độ giám sát và quản lý đối với bộ phận TSNN không mang tính kinh doanh và đặc biệt là với các tài nguyên thiên nhiên. Nếu số TSNN mang tính kinh doanh tập trung ở trong các doanh nghiệp thì lượng tài sản không mang tính kinh doanh chủ yếu do các đơn vị hành chính sự nghiệp quản lý và sử dụng. Vì thế, nếu tập trung vào các cải cách đối với doanh nghiệp thì rõ ràng những tài sản (tuy không trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng cũng rất quan trọng này) sẽ rơi vào tình trạng thiếu giám sát và quản lý cần thiết.

3. Những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn cải cách thể chế quản lý TSNN ở Trung Quốc

Cải cách thể chế quản lý TSNN ở Trung Quốc đã đi qua chặng đường hơn 20 năm. Trong quá trình cải cách đó, với cách làm “dò đá qua sông”, cải cách những khâu dễ trước, giải quyết những khâu khó sau, Trung Quốc đã thu được nhiều thành tựu đáng kể và tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu. Có thể nói, thành quả dễ nhận thấy nhất sau hàng loạt cải cách này là tình trạng Chính phủ can thiệp trực tiếp vào hoạt động của doanh nghiệp, quản lý doanh nghiệp quá chặt đã được cải thiện rõ rệt. Xem xét, tìm hiểu quá trình cải cách thể chế

quản lý TSNN ở Trung Quốc, chúng ta có thể rút ra một số bài học hữu ích đối với Việt Nam trong quá trình cải cách thể chế quản lý TSNN.

Vấn đề đầu tiên mà Trung Quốc và hầu hết các quốc gia trên thế giới đều gặp phải là làm sao sử dụng có hiệu quả lượng TSNN. Lượng tài sản khổng lồ (năm 2002, giá trị TSNN tính khoảng 11.000 tỷ NDT, tương đương với GDP của Trung Quốc năm đó), lại phân bố rộng trong hàng trăm ngàn DNNN và tất cả các địa phương là một sức mạnh và là tiềm lực để phát triển nền kinh tế. Nếu sử dụng được tối đa nguồn tài sản này, nếu nâng cao được khả năng quay vòng vốn TSNN, nếu hạn chế đến mức tối đa những thất thoát thì khả năng mức tăng trưởng kinh tế trung bình của Trung Quốc không phải là 7-8% như hiện nay. Do đó, một trong những mục tiêu quan trọng mà cải cách thể chế quản lý TSNN cần đặt ra là vấn đề xây dựng một cơ chế sử dụng TSNN thích hợp nhằm phát huy tối đa ưu thế của nguồn tài sản này. Trong đó, người được uỷ thác kinh doanh TSNN không chỉ có trách nhiệm hạn chế tối đa những thất thoát mà còn phải làm tăng giá trị của lượng TSNN mà mình đã nhận.

Thứ hai, nói đến cải cách thể chế quản lý TSNN thì không thể không đề cập đến công tác giám sát và quản lý. Từ trước đến nay, việc giám sát, quản lý TSNN ở Trung Quốc mới chỉ tập trung vào giám sát, quản lý

những tài sản mang tính kinh doanh mà thiếu đi sự quan tâm cần thiết với lượng tài sản không mang tính kinh doanh. Điều này có thể làm lãng phí một lượng tài sản không nhỏ, thậm chí việc buông lỏng quản lý những tài nguyên thiên nhiên quan trọng, buông lỏng quản lý TSNN dưới dạng tiền tệ, dưới dạng các quỹ bảo hiểm có thể ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và sự ổn định của xã hội. Cải cách thể chế quản lý TSNN do đó phải là sự kết hợp đồng bộ giữa việc quản lý những tài sản mang tính kinh doanh với tài sản không mang tính kinh doanh.

Cuối cùng, để tìm ra một cơ chế sử dụng và quản lý TSNN có hiệu quả thì điều quan trọng là phải phát huy được trí tuệ, tính sáng tạo, tính chủ động của các cá nhân, tập thể và các địa phương. Những văn bản như Điều lệ, Quyết định... chỉ mang tính chất định hướng, để cải cách thành công đòi hỏi mỗi địa phương phải có những cách làm riêng, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương mình. Việc phát huy trí tuệ của cá nhân, huy động tính sáng tạo của mỗi địa phương do đó đã trở thành chìa khoá để tạo nên thành công chung cho toàn bộ công cuộc cải cách thể chế quản lý TSNN.

Việc ban hành *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa*, đã tạo ra một cục diện phát triển mới cho vấn đề cải cách thể chế

quản lí TSNN ở Trung Quốc từ nay về sau. Những nội dung mới, những hướng đi mới, những mô hình mới, những sự bổ sung... tất cả đều góp phần đưa thể chế quản lí TSNN đạt đến sự hoàn thiện và kiện toàn. Tuy nhiên, trong quá trình cải cách đó, Trung Quốc cũng sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn. Đó là tình trạng quyền lực có thể quá tập trung vào các Ủy ban giám sát, quản lí TSNN do cơ chế “kết hợp quản lí nhân sự, quản lí tài sản với quản lí công việc” gây ra. Điều này có thể gây ra nhiều tiêu cực trong quản lí và ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh TSNN. Hay như vấn đề công bằng trong quá trình giao dịch và lưu động lượng TSNN. Khó khăn là một hiện thực mà bất kì đợt cải cách nào cũng phải đối mặt nhưng rõ ràng những thuận lợi và một diện mạo mới của thể chế quản lí TSNN cũng đang dần trở thành hiện thực sau những nỗ lực cải cách liên tục và những bứt phá mạnh mẽ của Trung Quốc.

TRUNG QUỐC ĐI SÂU CẢI CÁCH DOANH NGHIỆP QUỐC HỮU

TS. NGUYỄN KIM BẢO
Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Cải cách doanh nghiệp quốc hữu là khâu trung tâm của cải cách thể chế kinh tế. *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN* ngày 17-11-1993 đã nêu ra phương hướng cải cách cho doanh nghiệp quốc hữu: “Chuyển đổi hơn nữa cơ chế kinh doanh doanh nghiệp, xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại phù hợp với yêu cầu của kinh tế thị trường”. Song, xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại là cả một quá trình gian khổ và phức tạp. Kể từ đó cho đến nay, sau hơn 10 năm xây dựng, bộ mặt doanh nghiệp quốc hữu đã có những thay đổi sâu sắc: sức mạnh tổng thể được nâng lên rõ rệt; hiệu quả kinh tế khởi sắc; sức cạnh tranh thị trường được tăng cường, vai trò chủ thể nâng cao, nhiều doanh nghiệp đã xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại. Mặc dù vậy, một số vấn đề thuộc về tầng sâu vẫn chưa được giải quyết: Nhìn tổng thể sức sống còn yếu ớt, nợ tài sản nhiều, cơ chế quản lý nội bộ còn chưa kiện toàn, đặc biệt là vấn đề điều chỉnh bố cục kinh tế quốc hữu và sự phát

triển của các doanh nghiệp thuộc những chế độ sở hữu khác. Cải cách doanh nghiệp quốc hữu vẫn còn là khâu then chốt của việc đi sâu cải cách thể chế kinh tế. Do đó, *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa* ngày 14-3-2003 đề ra phải tiếp tục đi sâu cải cách doanh nghiệp quốc hữu.

Theo tinh thần của bản Quyết định này, đi sâu cải cách doanh nghiệp quốc hữu Trung Quốc được chú trọng trên những phương tiện cơ bản sau:

1. Xây dựng và kiện toàn thể chế quản lý và giám sát tài sản quốc hữu

Dưới tiền đề kiên trì sở hữu nhà nước, Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đã xác lập xây dựng thể chế quản lý tài sản quốc hữu trong đó chính quyền Trung ương và chính quyền địa phương đại diện cho Nhà nước thi hành chức trách người đầu tư, cùng thống nhất giữa quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm người sở hữu được hưởng, cùng kết hợp giữa quản lý tài sản, quản lý con người và quản lý công việc. Theo tinh thần của Đại hội, nhiệm vụ cải cách thể chế quản lý tài sản quốc hữu là phải xây dựng thể chế quản lý và giám sát tài sản quốc hữu thích ứng với yêu cầu của kinh tế thị trường, từng bước xây dựng tốt doanh nghiệp quốc hữu, thúc đẩy sự điều chỉnh mang tính chiến lược về bố cục và kết cấu, phát triển và làm lớn mạnh kinh tế quốc hữu, thực hiện

bảo đảm và gia tăng giá trị tài sản quốc hữu. Quốc vụ viện Trung Quốc đã ban hành *Điều lệ tạm thời về quản lý và giám sát tài sản quốc hữu* và công bố thực thi vào ngày 27-5-2003.

Trong thời gian gần đây, việc quản lý tài sản quốc hữu thiếu sự rõ ràng, người đầu tư với danh nghĩa là chủ thể quyền tài sản quốc hữu, song trong thực tế lại không phải là chủ thể dẫn đến hiệu suất kinh doanh tài sản quốc hữu giảm thấp, sự thất thoát tài sản nghiêm trọng... Trước tình hình này, Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI đề ra: “Cơ cấu quản lý tài sản quốc hữu dựa vào pháp luật thi hành chức trách người đầu tư được trao quyền giám sát quản lý, bảo vệ quyền lợi của người sở hữu, bảo vệ các quyền lợi mà doanh nghiệp với tư cách là chủ thể thị trường được hưởng theo pháp luật, đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện bảo vệ và gia tăng giá trị tài sản quốc hữu, ngăn chặn thất thoát tài sản quốc hữu”.

a. Thi hành chức trách người đầu tư

Theo tinh thần của *Quyết định*, cải cách thể chế quản lý tài sản quốc hữu phải giải quyết hai vấn đề: *Một là*, phải xử lý tốt mối quan hệ giữa cơ cấu quản lý tài sản quốc hữu và doanh nghiệp quốc hữu, thực hiện tách rời chức năng quản lý công cộng của Chính phủ và chức năng của người góp vốn tài sản quốc hữu, phân tách chức năng người sở hữu và chức năng người kinh doanh, cơ cấu quản lý tài sản quốc hữu không thể trực

tiếp tham dự vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; *hai là*, phải xử lý tốt mối quan hệ giữa quản lý, giám sát tài sản quốc hữu và kinh doanh có hiệu quả, thúc đẩy việc ưu hoá phân bổ tài sản quốc hữu. Để giải quyết hai vấn đề này, phải từng bước hoàn thiện việc thi hành theo pháp luật chức trách người đầu tư của cơ cấu quản lý tài sản quốc hữu đối với nguồn vốn quốc hữu được trao quyền giám sát quản lý. Đây là một điểm mới, quan trọng trong cải cách doanh nghiệp quốc hữu. Cơ cấu quản lý tài sản quốc hữu thi hành chức trách người đầu tư, trách nhiệm của nó thể hiện trên những phương diện sau:

Thứ nhất, thực hiện quản lý đối với người phụ trách doanh nghiệp. Giám sát việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng của doanh nghiệp; bổ nhiệm và miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Căn cứ vào điều lệ của công ty, đề xuất với công ty do nhà nước khống chế cổ phần cất cử người được lựa chọn.

Thứ hai, thực thi quản lý những công việc quan trọng của doanh nghiệp. Cơ cấu quản lý và giám sát tài sản quốc hữu dựa vào trình tự quy định, quyết định những công việc quan trọng như liên hợp, sáp nhập, phá sản, tăng giảm vốn, phát hành trái phiếu công ty... Với tư cách là người đầu tư, cơ cấu giám sát này quyết định chuyển nhượng quyền cổ phần quốc hữu. Doanh nghiệp có vốn quốc hữu được trao quyền tiến hành kinh doanh,

việc quản lý và giám sát phải tiến hành theo pháp luật đối với tài sản quốc hữu do Nhà nước đầu tư trong doanh nghiệp. Những doanh nghiệp được trao quyền cần xây dựng và hoàn thiện chế độ doanh nghiệp hiện đại quy phạm, đồng thời đảm nhận trách nhiệm bảo vệ và làm gia tăng giá trị tài sản quốc hữu của doanh nghiệp.

Thứ ba, thực thi quản lý đối với tài sản quốc hữu của doanh nghiệp. Cơ cấu giám sát và quản lý tài sản quốc hữu phải tham gia phụ trách các công việc quản lý như giới định quyền tài sản, đăng ký quyền tài sản của doanh nghiệp; hoà giải tranh chấp về tài sản quốc hữu giữa các doanh nghiệp. Đối với lợi ích thu được từ tài sản quốc hữu của doanh nghiệp, thi hành theo pháp luật chức trách người đầu tư góp vốn. Căn cứ vào quy hoạch phát triển và chính sách ngành nghề của Nhà nước, thi hành chức trách người đầu tư góp vốn đối với việc quy hoạch đầu tư, lưu thông vốn, phát triển chiến lược kinh doanh. Để phòng ngừa thất thoát tài sản quốc hữu, cơ cấu này phải xây dựng chế độ giám sát và quản lý giao dịch quyền tài sản quốc hữu của doanh nghiệp. Tài sản quan trọng của doanh nghiệp muốn thanh lý, phải được cơ cấu giám sát và quản lý tài sản quốc hữu phê chuẩn và phải chấp hành theo quy định hữu quan. Cơ cấu quản lý và giám sát tài sản quốc hữu trong khi thi hành chức trách người đầu tư, phải áp dụng các phương thức quản lý, giám sát khác nhau đối với mỗi

loại tài sản, phải căn cứ vào trình tự luật pháp quy định. Đặc biệt là, để bảo đảm cho cơ cấu quản lý và giám sát tài sản quốc hữu thi hành được chức trách người đầu tư góp vốn, song lại không ảnh hưởng đến quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp, cơ cấu này sẽ không được tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, không thể ra mệnh lệnh đối với doanh nghiệp mà phải đôn đốc doanh nghiệp thực hiện bảo vệ và gia tăng giá trị tài sản quốc hữu.

b. Bảo vệ và gia tăng giá trị tài sản quốc hữu

Bảo vệ và gia tăng giá trị tài sản quốc hữu là một trong những mục đích quan trọng trong cải cách doanh nghiệp quốc hữu. Việc bảo vệ và gia tăng giá trị tài sản quốc hữu, về cơ bản là do doanh nghiệp. Doanh nghiệp có sức sống, có sức cạnh tranh thị trường, tài sản quốc hữu mới có thể được bảo đảm và gia tăng giá trị. Cơ cấu quản lý tài sản quốc hữu phải đốc thúc doanh nghiệp thực hiện bảo vệ và gia tăng giá trị tài sản quốc hữu, chỉ đạo và thúc đẩy việc cải cách và tổ chức lại doanh nghiệp quốc hữu, đem tài sản quốc hữu tập trung vào ngành nghề trọng điểm và lĩnh vực then chốt có liên quan tới huyết mạch nền kinh tế quốc dân. Phát huy ngành nghề và lĩnh vực có ưu thế, nâng cao sức cạnh tranh thị trường. Xây dựng chế độ dự toán kinh doanh vốn quốc hữu và hệ thống kiểm tra thành tích kinh doanh của doanh nghiệp, có lợi cho việc bảo vệ và gia tăng giá trị vốn quốc hữu. Theo thống kê của Bộ Tài

chính Trung Quốc, tính tới cuối năm 2002, tổng lượng tài sản quốc hữu trên toàn quốc là 11.829,900 tỷ NDT. Trong đó, tài sản quốc hữu mang tính kinh doanh là 7693,780 tỷ NDT, chiếm 65%; tài sản quốc hữu mang tính phi kinh doanh là 4136,140 tỷ NDT, chiếm 35%. Trên thực tế tài sản quốc hữu mang tính kinh doanh là vốn quốc hữu. Bảo vệ và gia tăng giá trị tài sản quốc hữu, trên thực tế chính là bảo vệ và gia tăng giá trị vốn quốc hữu.

c. Tìm tòi hình thức quản lý và giám sát kinh doanh

Để đi sâu cải cách thể chế quản lý tài sản quốc hữu, *Quyết định* của Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI tiếp tục chỉ ra: “Phải tích cực tìm tòi hình thức quản lý và giám sát kinh doanh có hiệu quả tài sản quốc hữu, hoàn thiện chế độ trao quyền kinh doanh”. Đây là hành động quan trọng nhằm từng bước thực hiện đầy đủ tinh thần của Đại hội XVI.

Trong mấy năm gần đây, ở một vài thành phố như Thượng Hải, Thẩm Quyến, Vũ Hán đã sáng tạo ra hình thức quản lý ba tầng trong việc thí điểm cải cách thể chế quản lý tài sản quốc hữu. Chính quyền địa phương ở những vùng này thành lập Ủy ban Tài nguyên quốc gia, chuyên tổ chức việc quản lý, bảo đảm và gia tăng giá trị tài sản quốc hữu. Họ xây dựng rất nhiều công ty đầu tư và công ty khống chế cổ phần. Những công ty này mang tính thương nghiệp, chuyên quản lý kinh doanh tài sản

quốc hữu. Sau đó những công ty này tham gia cổ phần vào doanh nghiệp và khống chế cổ phần. Hiện nay, Trung Quốc có khoảng hơn 100.000 doanh nghiệp thực hiện việc quản lý qua tầng trung gian như vậy. Với việc lợi dụng vốn quốc hữu, các công ty khống chế cổ phần quốc hữu đã tạo ra những điểm có lợi trong quản lý là: trì hoãn sự can dự của Chính phủ; đưa ra quyết sách nhệch nhàng, có hiệu quả, nâng cao trình độ quản lý doanh nghiệp; thi hành chức trách người đầu tư đối với công ty con khống chế toàn bộ vốn hay cổ phần, thúc đẩy tổ chức lại tài sản doanh nghiệp, dựa vào việc giám sát quản lý quyền tài sản, ngăn ngừa sự thất thoát và lãng phí tài sản quốc hữu... Song, cách làm này cũng phải cần hoàn thiện từng bước, để bảo đảm an toàn quản lý vốn quốc hữu và không ngừng nâng cao hiệu suất kinh doanh toàn bộ vốn quốc hữu.

Cùng với việc tích cực tìm tòi hình thức quản lý và kinh doanh có hiệu quả tài sản quốc hữu, Trung Quốc còn từng bước hoàn thiện chế độ trao quyền kinh doanh. Căn cứ vào Luật Công ty, đối với các doanh nghiệp quốc hữu quy mô lớn, chế độ quản lý kinh doanh hoàn chỉnh, tình hình kinh doanh khá tốt có thể trao quyền kinh doanh tài sản quốc hữu. Từ năm 1998 đến nay, Quốc vụ viện Trung Quốc đã lần lượt phê chuẩn trao quyền kinh doanh tài sản quốc hữu cho 27 tập đoàn doanh nghiệp và công ty các ngành dầu mỏ, thạch hoá, công nghiệp quân sự lớn, điện lực, điện tín... Hiện nay, Trung Quốc đang hoàn thiện chế độ trực tiếp trao quyền kinh

doanh. Trao quyền kinh doanh, hình thức tốt nhất là trao cho Hội đồng Quản trị của doanh nghiệp, vì đây là người đầu tư có vị trí thoả đáng. Còn nếu trao cho Tổng Giám đốc thì không thể tách rời quyền sở hữu và quyền kinh doanh. Một khi đã được trao quyền kinh doanh, Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về việc đảm bảo và gia tăng giá trị tài sản quốc hữu, đồng thời đảm đương mục tiêu kinh tế - xã hội của Chính phủ. Điều đáng chú ý là để giải quyết căn bản vấn đề trao quyền kinh doanh phải thực hiện đa dạng hoá cổ phần, vốn quốc hữu chỉ có thể do đại diện cổ đông và thành viên ban giám đốc mà cơ cấu quản lý tài sản quốc hữu cất cử thi hành chức trách người đầu tư.

Để cho việc quản lý giám sát và kinh doanh tài sản quốc hữu có hiệu quả, Trung Quốc còn xây dựng chế độ chịu trách nhiệm kinh doanh vốn quốc hữu một cách nghiêm ngặt, khoa học. Trên cơ sở xác định rõ ranh giới quyền tài sản doanh nghiệp, xây dựng hệ thống kiểm tra thành tích kinh doanh vốn quốc hữu, xây dựng hệ thống bình xét, đánh giá hợp lý đối với việc bảo đảm và gia tăng giá trị vốn quốc hữu; xây dựng hệ thống thưởng phạt đối với thành tích kinh doanh của doanh nghiệp và đối với người quản lý kinh doanh.

2. Hoàn thiện kết cấu quản lý pháp nhân công ty

Một nội dung quan trọng của cải cách doanh nghiệp quốc hữu là thực hiện cải cách chế độ công ty hiện đại đối với doanh nghiệp quốc hữu loại lớn và loại vừa. Đối

với những doanh nghiệp này, việc thực hiện cải cách chế độ công ty hiện đại, hoàn thiện kết cấu quản lý pháp nhân công ty là vô cùng quan trọng. Chế độ công ty là một hình thức tổ chức có hiệu quả của chế độ doanh nghiệp hiện đại. Kết cấu quản lý pháp nhân công ty là hạt nhân của chế độ công ty. Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng Giám sát và Giám đốc quản lý kinh doanh hình thành nên kết cấu quản lý pháp nhân công ty. Cải cách kết cấu quản lý pháp nhân công ty có khả năng nâng cao hữu hiệu sức cạnh tranh thị trường của doanh nghiệp. Vì vậy, hoàn thiện kết cấu quản lý pháp nhân công ty là một vấn đề quan trọng trong *Quyết định* Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc.

a. Kết cấu quản lý pháp nhân công ty

Theo tinh thần của *Quyết định*, việc hoàn thiện kết cấu quản lý pháp nhân công ty phải dựa vào yêu cầu của chế độ doanh nghiệp hiện đại, “quy phạm quyền và trách nhiệm của Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng Giám sát, người quản lý kinh doanh, hoàn thiện chế độ tuyển dụng người lãnh đạo doanh nghiệp”. Hội đồng Cổ đông quyết định nhân sự của Hội đồng Quản trị, Hội đồng Giám sát. Hội đồng Quản trị chọn ra người quản lý kinh doanh (Tổng Giám đốc), người quản lý kinh doanh thực hiện quyền sử dụng nhân viên, hình thành cơ chế ràng buộc giữa bộ máy quyền lực, bộ máy quyết sách, bộ máy giám sát và các nhà quản lý kinh doanh.

Điều đáng chú ý là, trong kết cấu quản lý này chức trách của mỗi thành viên phải rõ ràng, ai chịu trách nhiệm của người nấy, vận hành nhịp nhàng, ràng buộc hữu hiệu. Người sở hữu có quyền khống chế cuối cùng đối với doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị cần bảo vệ quyền lợi của người đầu tư, chịu trách nhiệm đối với Hội đồng Cổ đông. Hội đồng Cổ đông đề ra quyết sách đối với mục tiêu phát triển và hoạt động kinh doanh quan trọng của công ty, tiến hành kiểm tra và đánh giá kết quả kinh doanh. Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng Giám sát đối với tài vụ doanh nghiệp và thành viên ban giám đốc, hành vi người kinh doanh... Nhà kinh tế học Ngô Kính Liên khái quát rằng: *“Cái gọi là kết cấu quản lý pháp nhân công ty, chỉ một loại kết cấu tổ chức do ba người: người sở hữu, Hội đồng Quản trị và nhân viên quản lý cao cấp cấu thành. Trong kết cấu này, giữa ba người nói trên hình thành một quan hệ ràng buộc nhất định. Thông qua kết cấu này, người sở hữu mang tài sản của mình giao cho Hội đồng Quản trị công ty; Hội đồng Quản trị công ty là cơ cấu quyết sách cao nhất của công ty, có quyền tuyển dụng, thưởng phạt và sa thải nhân viên quản lý cao cấp; Nhân viên quản lý cao cấp được lựa chọn bởi Hội đồng Quản trị. Tất cả hợp thành cơ cấu chấp hành dưới sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị, tiến hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong phạm vi uỷ quyền của Hội đồng Quản trị.”*

Ở Trung Quốc, việc hoàn thiện sự quản lý pháp

nhân công ty còn phải chú ý tới việc xử lý tốt mối quan hệ giữa “ba tổ chức mới” (Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng Giám sát) với “ba tổ chức cũ” (Đảng uỷ, công đoàn và đại hội công nhân viên chức). Vì vậy, phải tiến hành “song song cùng tiến, nhậm chức đan xen”, người phụ trách Đảng uỷ của công ty khống chế cổ phần quốc hữu và 100% vốn quốc hữu có thể thông qua trình tự luật pháp quy định tham gia vào Hội đồng Quản trị, Hội đồng Giám sát, (Hội đồng Quản trị và Hội đồng Giám sát đều phải có đại diện công chức tham gia); người phụ trách đảng viên trong Hội đồng Quản trị, Hội đồng Giám sát có thể căn cứ vào *Điều lệ Đảng* và những quy định có liên quan để tham gia vào Đảng uỷ; Bí thư Đảng uỷ và Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể do một người đảm nhận. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc về nguyên tắc thiết lập khác nhau nên không thể do một người đảm nhận. Tổ chức đảng dựa theo *Điều lệ Đảng* phải giám sát chặt chẽ nhiệm vụ trọng tâm của doanh nghiệp là sản xuất kinh doanh, phát huy tác dụng hạt nhân chính trị, tham dự vào quyết sách những vấn đề lớn của doanh nghiệp, ủng hộ Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng Giám sát và người quản lý kinh doanh thực hiện chức năng của mình theo pháp luật.

b. Hoàn thiện kết cấu quản lý pháp nhân công ty

Xây dựng kết cấu quản lý pháp nhân doanh nghiệp là một cuộc cách mạng doanh nghiệp sâu sắc, trải qua

hơn 10 năm, nó đã có được những đột phá tương đối lớn. Song vẫn còn tồn tại một số vấn đề chủ yếu: việc đa dạng hoá chủ thể quyền tài sản tiến triển chậm chạp, thể chế quản lý tài sản quốc hữu không đủ hoàn thiện, thiếu cơ chế khuyến khích đối với người kinh doanh tài sản quốc hữu, việc giám sát nội bộ doanh nghiệp quốc hữu không hiệu quả, kết cấu quản lý pháp nhân không hoàn thiện, quan hệ giữa tổ chức đảng của doanh nghiệp và kết cấu quản lý pháp nhân không rõ ràng... Vì vậy, Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc quyết định tiếp tục hoàn thiện kết cấu quản lý pháp nhân công ty với những nội dung sau:

Thứ nhất, đi sâu cải cách thể chế quản lý tài sản quốc hữu, giải quyết vấn đề thiếu người sở hữu doanh nghiệp quốc hữu. Doanh nghiệp quốc hữu loại lớn và loại vừa tồn tại phổ biến tình trạng thiếu người sở hữu tương đối nghiêm trọng, đây là sự thiếu hụt chí mạng trong kết cấu quản lý pháp nhân công ty. Đi sâu cải cách thể chế quản lý tài sản quốc hữu sẽ giúp ích cho việc giải quyết vấn đề thiếu người sở hữu tương đối nổi bật trong doanh nghiệp quốc hữu, hoàn thiện kết cấu quản lý pháp nhân công ty.

Thứ hai, thúc đẩy đa dạng hoá quyền cổ phần, tạo điều kiện cơ bản cho vận hành và thao tác quy phạm kết cấu quản lý pháp nhân công ty. Trước mắt, có thể dùng phương thức pháp nhân nắm giữ cổ phần của nhau, tổ chức xây dựng tập đoàn doanh nghiệp, để có

thể giảm bớt can thiệp trực tiếp của Chính phủ. Ở phương diện xây dựng kết cấu quyền cổ phần cần đặt trọng điểm vào việc lấy thị trường làm cơ sở, xây dựng cơ chế vận hành thương mại hoá quyền cổ phần công hữu, hạ thấp độ tập trung quyền cổ phần, cải biến tình trạng Chính quyền và doanh nghiệp không tách rời hiện nay, đồng thời cung cấp khung pháp lý tương ứng cho việc xây dựng kết cấu quản lý pháp nhân công ty. Đa dạng hoá cổ đông, bao gồm cổ đông của các chế độ sở hữu khác, đặc biệt là cổ đông phi quốc hữu sẽ có lợi cho chức năng của người sở hữu, hình thành kết cấu quản lý công ty quy phạm; có ràng buộc của cổ đông đa dạng, cũng dễ cho việc thực hiện tách rời chính quyền và doanh nghiệp, làm cho mục tiêu doanh nghiệp tập trung vào theo đuổi hiệu quả kinh tế.

Thứ ba, cần cải biến thể chế lãnh đạo, sắp xếp một cách khoa học quyền khống chế của công ty. Đây là biện pháp hữu hiệu làm cho người sở hữu duy trì quyền khống chế cuối cùng đối với công ty.

Thứ tư, xây dựng cơ chế khuyến khích nội tại. Phương thức khuyến khích này, ngoài việc phá vỡ hạn chế của phương thức phân phối thu nhập doanh nghiệp quốc hữu, nâng cao tiêu chuẩn thu nhập của nhân viên quản lý ra, quan trọng hơn là nó nghiên cứu phương án hữu hiệu, giao cho người quản lý cổ phiếu, dùng phương thức khuyến khích cổ quyền làm cho lợi ích của bản thân nó kết hợp với lợi ích cổ đông công ty, kết hợp với

sự phát triển lâu dài của doanh nghiệp.

Thứ năm, tìm tòi chế độ quản lý nhân sự phù hợp với thể chế công ty. Làm thế nào để sắp xếp một cách khoa học quyền khống chế công ty, là vấn đề liên quan đến công ty gánh vác rủi ro như thế nào. Lãi lỗ của doanh nghiệp trực tiếp hoặc gián tiếp đều do người sở hữu gánh vác. Do đó họ cần có quyền khống chế cuối cùng đối với doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị lấy tối đa hoá lợi ích công ty và cổ đông làm nguyên tắc, chịu trách nhiệm quyết sách kinh doanh của công ty, lựa chọn người quản lý kinh doanh (Giám đốc) của công ty, giám sát người quản lý kinh doanh công ty thực hiện quyết nghị của Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị dựa vào khả năng nghiệp vụ của mình và uy tín xã hội làm cầu nối nối cổ đông với công ty, giám đốc công ty căn cứ vào uỷ quyền của Hội đồng Quản trị được kinh doanh quản lý nghiệp vụ công ty, thực hiện quyết nghị của Hội đồng Quản trị, đồng thời tổ chức vận hành công ty với hiệu quả cao.

Thứ sáu, đẩy nhanh bước thu mua doanh nghiệp, thúc đẩy sự hình thành và phát triển của thị trường vốn và thị trường quản lý kinh doanh. Đồng thời cần bồi dưỡng môi trường thị trường mang tính cạnh tranh. Việc cải thiện kết cấu quản lý, về lâu dài, không tách khỏi một thị trường cạnh tranh đầy đủ có trật tự. Chính phủ cần nỗ lực cung cấp một môi trường thị trường quy phạm, có trật tự, để cho cơ chế cạnh tranh thị trường

phát huy vai trò ở phạm vi lớn hơn, tầng sâu hơn.

3. Nhanh chóng thúc đẩy và hoàn thiện cải cách các ngành độc quyền

Thúc đẩy cải cách ngành độc quyền, liên quan tới việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, nâng cao sức cạnh tranh kinh tế và tổ chức của nền kinh tế quốc dân. *Quyết định* của Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc chỉ ra: “Nới lỏng việc cho phép tham gia thị trường đối với những ngành độc quyền, đưa chúng vào cơ chế cạnh tranh. Các doanh nghiệp có điều kiện phải tích cực thúc đẩy đa dạng hoá chủ thể đầu tư. Tiếp tục thúc đẩy và hoàn thiện việc cải cách tổ chức lại các ngành như điện tín, điện lực, hàng không... Đẩy nhanh cải cách các ngành đường sắt, bưu chính và sự nghiệp công cộng của thành phố..., thực hiện tách rời chính quyền và doanh nghiệp, tách rời chức năng quản lý chung của Chính phủ và chức năng của người đầu tư vốn tài sản quốc hữu, tách rời quản lý chính quyền và quản lý công việc. Tiến hành giám sát có hiệu quả đối với ngành nghề độc quyền tự nhiên”.

Để thúc đẩy cải cách ngành độc quyền, Chính phủ Trung Quốc đặt trọng điểm vào việc cải cách các ngành độc quyền mang tính hành chính, đặc biệt là độc quyền ngành nghề. Đối với độc quyền hành chính và độc quyền ngành nghề cần tiến hành cải tổ mang tính cưỡng chế. Phương thức cưỡng chế có hai loại: *Một là* dỡ bỏ, phân

chia tổng công ty của một ngành thành hai hoặc trên hai công ty trở lên, sau đó tiến hành tổ chức lại; *một loại khác* là tiến hành tổ chức lại đối với hai hoặc trên hai công ty mang tính ngành nghề. Đối với độc quyền tự nhiên, cần từng bước nới lỏng và thực hiện quản chế.

Hiện nay, tỷ trọng của thành phần kinh tế nhà nước trong ngành độc quyền của Trung Quốc rất cao. Doanh nghiệp quốc hữu là chủ thể của những ngành này. Do đó, thúc đẩy cải cách ngành độc quyền được tiến hành kết hợp chặt chẽ với việc tiến hành cải tạo chế độ công ty quy phạm đối với doanh nghiệp quốc hữu, xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại.

- Phải xử lý tốt quan hệ giữa thúc đẩy cải cách ngành độc quyền và phát triển tập đoàn doanh nghiệp lớn: *Một mặt* cần khuyến khích phát triển tập đoàn doanh nghiệp loại lớn, nâng cao trình độ tổ chức doanh nghiệp, theo đuổi hiệu ích quy mô kinh tế; *mặt khác* lại cần thúc đẩy cải cách ngành độc quyền, đưa vào cơ chế cạnh tranh.

- Cấm và ngăn chặn độc quyền theo pháp luật là giải pháp căn bản của việc hình thành chế độ cạnh tranh công bằng hữu hiệu và trật tự cạnh tranh trong điều kiện kinh tế thị trường.

- Tích cực phát huy vai trò chủ đạo của Chính phủ trong cải cách ngành độc quyền, đồng thời, vừa cần đẩy

nhanh tiến trình lập pháp, hoàn thiện chế độ pháp luật chống độc quyền.

Tóm lại, tiếp tục đi sâu cải cách doanh nghiệp quốc hữu, giải quyết những mâu thuẫn ở tầng sâu, ra sức tiến hành đổi mới chế độ doanh nghiệp là yêu cầu tất yếu của phát triển sản xuất lớn xã hội hoá và kinh tế thị trường. Với tư tưởng chỉ đạo của bản *Quyết định* của Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc, Trung Quốc sẽ tiếp tục giải phóng sức sản xuất hơn nữa, ngày càng phát huy tốt hơn vị thế của mình trên thế giới và trong khu vực.

TRUNG QUỐC VỚI VIỆC QUY HOẠCH THỐNG NHẤT THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN

THS. NGUYỄN XUÂN CƯỜNG
Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Quan hệ giữa thành thị - nông thôn, công nghiệp - nông nghiệp có ảnh hưởng quan trọng đến các vấn đề kinh tế - xã hội, xử lý tốt quan hệ nông thôn - thành thị, phát triển nhịp nhàng thành thị và nông thôn sẽ là đóng góp lớn cho tiến trình hiện đại hoá. Quy hoạch thống nhất thành thị - nông thôn là một trong 5 quy hoạch thống nhất được Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc nêu lên và coi đó là nội dung quan trọng mới của cải cách ở Trung Quốc hiện nay. Tìm hiểu quan hệ thành thị và nông thôn ở Trung Quốc từ cải cách mở cửa đến nay sẽ gợi mở cho chúng ta nhiều vấn đề trong quá trình xây dựng hiện đại hoá ở Việt Nam.

1. Diễn biến quan hệ thành thị và nông thôn Trung Quốc hơn nửa thế kỷ qua

a. Quan hệ thành thị và nông thôn ở Trung Quốc trước cải cách mở cửa

- *Giai đoạn 1949-1957*: Đây là thời kỳ khôi phục kinh tế quốc dân, tiến hành cải cách ruộng đất và cải

tạo kinh tế. Từ 1949 đến 1952, Nhà nước coi trọng tỷ giá giữa nông sản phẩm và các sản phẩm công nghiệp, giá thu mua nông sản được nâng cao, thuế đất nông nghiệp được miễn, các nghề phụ được phát triển, cuộc sống của nông dân được cải thiện rất nhiều. Thông qua các hoạt động trên, quan hệ giữa nông thôn và thành thị đã có bước chuyển biến cơ bản. Từ năm 1953-1957, thông qua cải cách ruộng đất, sản xuất nông nghiệp có bước phát triển nhanh, tổng sản lượng lương thực từ 164 triệu tấn năm 1952 tăng lên 195 triệu tấn năm 1957, tăng 72% so với năm 1949. Cũng trong giai đoạn này, dân số thành thị tăng từ 71,63 triệu năm 1952 tăng lên 99,49 triệu năm 1957, nhu cầu lương thực cho số này tăng vọt. Từ năm 1953 Trung Quốc tiến hành thống nhất thu mua và tiêu thụ lương thực, dẫn đến căng thẳng về nhu cầu lương thực cho cả nông thôn lẫn thành thị, quan hệ nông thôn và thành thị trên vấn đề lương thực căng thẳng hơn trước đó.

- *Giai đoạn 1958-1978*: Đây là thời kỳ Đại nhảy vọt, Công xã nhân dân và Cách mạng văn hoá, nông nghiệp phát triển kém và cuối cùng dẫn đến khủng hoảng. Trong những năm 1958-1962, nông thôn và thành thị Trung Quốc trải qua những sự kiện trọng đại và bước phát triển quanh co. Năm 1962 tổng sản lượng lương thực là 160 triệu tấn giảm rất nhiều so với 195 triệu tấn năm 1957, đặc biệt hơn dân số thành thị đạt 123,71 triệu người năm 1959, và năm 1960 tiếp tục tăng lên 130,73 triệu người. Trong thời kỳ này công nghiệp và

nông nghiệp, thành thị và nông thôn mất cân bằng nghiêm trọng, cung ứng trong toàn quốc căng thẳng, kinh tế quốc dân bị khủng hoảng. Trung Quốc tiến hành chỉnh đốn kinh tế quốc dân, giảm số lượng các thành phố, ép mạnh dân số thành thị giảm xuống. Sau ba năm chỉnh đốn, quan hệ giữa nông thôn và thành thị được cải thiện. Năm 1965 sản xuất nông nghiệp về cơ bản khôi phục được mức năm 1957, nhưng dân số thành thị lại tăng lên 130,45 triệu người, tăng 30,96 triệu so với năm 1957, trong khi dân số toàn quốc cũng tăng từ 650 triệu lên 730 triệu người. Từ năm 1966 đến năm 1978 là thời gian diễn ra “Cách mạng văn hoá”, quan hệ giữa nông thôn và thành thị bị thụt lùi. Dân số nông thôn tăng mạnh, so với năm 1965 dân số nông thôn tăng thêm gần 200 triệu người⁽¹⁾. Như vậy, qua 30 năm phát triển, quan hệ thành thị và nông thôn Trung Quốc đã chuyển ngoặt sang một hướng riêng biệt, trong đó nổi bật là kết cấu nhị nguyên thành thị và nông thôn. Thành thị và nông thôn tách biệt, quan hệ không hài hoà.

b. Quan hệ thành thị và nông thôn từ khi cải cách mở cửa

Từ năm 1978 bắt đầu cải cách mở cửa, thực hiện chế độ khoán ruộng đất cho nông dân, đã làm kinh tế - xã

1. Lâm Thiện Vĩ. *Chiến lược điều chỉnh kết cấu kinh tế Trung Quốc*. Nxb. KHXH Trung Quốc, năm 2003, trang 477 - 479. (Bản Trung văn).

hội nông thôn diễn ra những thay đổi sâu rộng. Quan hệ thành thị và nông thôn được cải thiện, và bước sang giai đoạn mới. Sáu năm liên tục từ năm 1979 nông nghiệp Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng cao, cải cách nông thôn gặt hái được nhiều thành công. Những thành công đó tạo cơ sở vững chắc cho cải cách toàn diện kinh tế, thúc đẩy cải cách thành thị. Từ năm 1984 trọng tâm cải cách thể chế kinh tế đã chuyển sang thành thị, từ năm 1984-1988 tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 11,5%, là thời kỳ có tốc độ tăng trưởng cao nhất kể từ khi cải cách. Qua 5 năm kinh tế thành thị tăng trưởng cao, đã bắt đầu xuất hiện cao trào công nghiệp hoá ở nông thôn. Tốc độ tăng trưởng hàng năm của các xí nghiệp hương trấn từ năm 1984-1988 đạt tới 44,9%, số lao động phi nông nghiệp đã tăng lên 43 triệu người, tỷ trọng người lao động trong nông nghiệp giảm từ 67% năm 1983 xuống 59,3% năm 1988. Nhưng từ cuối năm 1988 kinh tế quốc dân giảm sút, Trung Quốc phải tiến hành điều chỉnh. Từ năm 1992 kinh tế Trung Quốc phục hồi và tăng trưởng trở lại. Tỷ lệ nông nghiệp trong GDP từ 26,6% năm 1991 giảm xuống 15,2% năm 2001, cư dân nông thôn năm 2003 chiếm 59,47% tổng dân số Trung Quốc. Tăng trưởng kinh tế và công nghiệp hoá đã kéo theo quá trình đô thị hoá, cải cách kinh tế thành thị đã thúc đẩy tiến trình đô thị hoá sang một giai đoạn mới. Mức độ đô thị hoá năm 1978 khoảng 17,92%, tăng lên 23,01% năm 1984, đến năm 1992 tăng lên 27,63% và gần đây năm 2001 là 37,66%, năm 2002 là 39,09%. Như vậy,

quan hệ thành thị và nông thôn từ khi cải cách đã đi theo hướng tương hỗ, gắn kết hơn, nhưng kết cấu nhị nguyên vẫn chưa khác phục nhiều, những năm gần đây chênh lệch thành thị nông thôn có xu hướng mở rộng.

2. Mấy vấn đề trong quan hệ thành thị-nông thôn

a. Kết cấu kinh tế - xã hội nhị nguyên thành thị - nông thôn

Bấy lâu nay thành thị và nông thôn Trung Quốc là hai khu vực độc lập, hai hệ thống xã hội khép kín, công nghiệp và thành thị được coi trọng, còn nông nghiệp và nông thôn bị xem nhẹ. Thành thị và nông thôn là hai mảng kinh tế độc lập, khác tính chất, hai tập đoàn lợi ích khác nhau. Thành thị và nông thôn chênh lệch về nhiều mặt. Kết cấu nhị nguyên thành thị - nông thôn ở Trung Quốc hình thành có nguyên nhân lịch sử trong quá trình tư bản hoá của các nước tư bản phương Tây, sau khi nước Trung Hoa mới ra đời (1949) sự dịch chuyển lao động dư thừa ở nông thôn ra thành thị vẫn chưa bị hạn chế, nhưng từ năm 1958 khi Trung Quốc thực hiện “Điều lệ đăng ký hộ khẩu nước CHND Trung Hoa”, cùng với một số chính sách về phúc lợi, việc làm đã dẫn tạo nên hai tập đoàn dân số nông nghiệp và dân số phi nông nghiệp. Nông dân ra thành phố mưu sinh và buôn bán bị hạn chế nghiêm ngặt. Trong khoảng 30 năm từ khi thành lập nước Trung Hoa mới đến năm 1978, Trung Quốc theo đuổi chiến lược phát triển đuổi

vượt, coi trọng công nghiệp và thành thị đã tạo nên sự mâu thuẫn giữa phát triển công nghiệp và nông nghiệp, thành thị và nông thôn. Hàng loạt các chính sách như hộ khẩu, lương thực, nhà ở, phúc lợi... đã như những tấm chắn ngăn cản sự giao lưu giữa thành thị và nông thôn. Về kinh tế tạo sự biệt lập nông thôn làm nông nghiệp, thành thị làm công nghiệp; về xã hội tạo phân biệt thị dân - nông dân, dân nông nghiệp - dân phi nông nghiệp, và theo đó là sự phân biệt về thân phận, lợi ích, quyền lợi: thành thị tốt đẹp, văn minh; nông thôn xấu xa, lạc hậu v.v... Kết cấu kinh tế - xã hội nhị nguyên ảnh hưởng lớn đến sự phát triển hài hoà kinh tế - xã hội và tiến trình hiện đại hoá. Từ khi thực hiện cải cách mở cửa, kết cấu kinh tế - xã hội nhị nguyên của Trung Quốc đi dần theo hướng tan rã, nhưng vẫn là vấn đề lớn trong quan hệ giữa thành thị và nông thôn ở Trung Quốc hiện nay.

b. Chênh lệch giữa thành thị - nông thôn

Cư dân thành thị và nông thôn chênh lệch về thu nhập, tiêu dùng, giàu nghèo và phúc lợi. Thành thị và nông thôn chênh lệch nhau về kinh tế, văn hoá... Từ khi cải cách mở cửa, kinh tế nông thôn phát triển nhanh, nhưng thành thị còn phát triển nhanh hơn, chênh lệch không những không giảm mà còn có xu hướng tăng nhanh. Năm 1978, thu nhập bình quân hộ nông dân là 133 NDT, hộ cư dân thành thị là 343 NDT, chênh lệch theo tỷ lệ 1:2,5; năm 1985, thu nhập bình quân của nông dân là 357 NDT, còn cư dân thành thị là 739 NDT,

chênh lệch theo tỷ lệ 1:1,8. Đến năm 2002, thu nhập của nông dân là 2476 NDT, thu nhập cư dân thành thị là 7703, tỷ lệ chênh lệch lên tới 1:3,1. Năm 2003 với tỷ lệ 1:3,2. Như vậy chênh lệch thu nhập theo hướng mở rộng. Mức tiêu dùng của cư dân thành thị không ngừng nâng cao, chênh lệch mức chi tiêu thành thị và nông thôn không ngừng mở rộng, năm 2001 khoảng 3,6 lần. Chỉ số Engel (tỷ lệ chi mua lương thực / mức tiêu dùng) năm 1978 của cư dân thành thị là 57,5 và cư dân nông thôn là 67,7. Đến năm 2002 chỉ số này là lần lượt là 37,7 và 46,2⁽¹⁾. Trong số tiền 5962,18 tỷ NDT gửi ngân hàng năm 1999, số tiền gửi của cư dân thành thị chiếm 81,2%, cư dân nông thôn chỉ chiếm 18,8%; tới cuối năm 2003 số tiền gửi của cư dân thành thị và nông thôn lên tới 10361,8 tỷ NDT. Ngoài ra giữa thành thị và nông thôn còn chênh lệch trên các mặt văn hoá, giáo dục, y tế và các phúc lợi xã hội khác. Chênh lệch thành thị và nông thôn ở Trung Quốc có nhiều nguyên nhân như: chiến lược phát triển kinh tế lệch; cách ly thành thị nông thôn, cải cách thành thị, nông thôn không đồng đều, và phân phối lợi ích thành thị, nông thôn khác nhau. Chênh lệch thành thị, nông thôn thể hiện qua trình độ phát triển, và hơn cả là vấn đề thu nhập nông dân quá thấp, tăng thu nhập cho nông dân chậm, số cư dân nông thôn còn nhiều.

1. Lâm Thiện Vĩ. *Chiến lược điều chỉnh kết cấu kinh tế Trung Quốc*. Nxb. KHXH Trung Quốc, năm 2003, trang 510 - 511. (Bản Trung văn).

c. Chênh lệch phát triển vùng

Mức độ đô thị hoá ở Trung Quốc năm 2002 là 39,09%. Tuy nhiên mức độ đô thị hoá còn lạc hậu một khoảng cách so với tốc độ tăng trưởng công nghiệp, ví như năm 2001 mức tăng trưởng công nghiệp là 44,4% trong khi mức độ đô thị hoá gần kề 37,7%. Mặt khác, các đô thị chủ yếu tập trung ở duyên hải miền Đông, các sông lớn, mức độ đô thị hoá đạt gần 40%, còn các vùng miền Tây mức độ đô thị hoá thậm chí không vượt qua 30%. Mức độ đô thị hoá chậm so với tăng trưởng công nghiệp và không đồng đều giữa các vùng cũng là biểu hiện phản ánh kết cấu kinh tế nhị nguyên và sự chênh lệch nông thôn và thành thị.

3. Những đối sách, biện pháp

a. Xây dựng thể chế kinh tế thị trường hoàn thiện

Chuyển biến kết cấu kinh tế xã hội nhị nguyên là tiền đề để thực hiện hiện đại hoá ở Trung Quốc. Đẩy nhanh tiến trình hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn sẽ đóng góp lớn cho tiến trình hiện đại hoá. Đẩy nhanh tốc độ thị trường hoá, xây dựng thể chế kinh tế thị trường hoàn thiện, qua đó xoá bỏ dần kết cấu kinh tế - xã hội nhị nguyên, xây dựng thị trường thống nhất nông thôn thành thị.

b. Phát triển hài hoà thành thị và nông thôn

Điều kiện tất yếu phát triển hài hoà, thu hẹp chênh

lệch giữa thành thị, nông thôn là thúc đẩy hiện đại hoá nông nghiệp, tăng thu nhập cho nông dân. Xử lý đúng đắn quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá nông thôn và đô thị hoá. Giải phóng và phát triển hơn nữa sức sản xuất nông thôn, chuyển dịch nhanh lao động nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp. Đi sâu cải cách thể chế thành thị và nông thôn, trong đó bao gồm đi sâu cải cách chế độ hộ khẩu, chế độ việc làm, chế độ ruộng đất, chế độ kinh doanh, đổi mới chế độ tiền tệ, tài chính ở nông thôn, đổi mới chế độ thuế và phí ở nông thôn, xây dựng và hoàn thiện hệ thống bảo đảm xã hội ở thành thị và nông thôn, ứng dụng các thành quả khoa học vào nông nghiệp v.v... Một số học giả Trung Quốc đưa ra các biện pháp như “cho nhiều, lấy ít, cởi mở”⁽¹⁾, tức dành cho nông nghiệp và nông thôn nhiều chính sách ưu đãi, giảm các khoản thu lấy từ nông nghiệp, nông thôn và để cho nông dân được tự chủ kinh doanh, giải phóng hơn nữa sức sản xuất nông thôn.

c. Lấy công nghiệp hoá, thị trường hoá làm động lực thúc đẩy, phát huy hơn nữa vai trò đầu tàu của công nghiệp và đô thị trong thúc đẩy phát triển nông nghiệp và nông thôn

1. Diệp Hưng Khánh. *Mấy suy nghĩ về phát triển hài hoà thành thị nông thôn*. Tạp chí *Vấn đề kinh tế nông nghiệp*, số 1-2004. (Bản Trung văn).

Đẩy nhanh hơn tốc độ công nghiệp hoá và đô thị hoá, qua đó thúc đẩy chuyển dịch lao động nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp. Nâng cao trình độ đô thị hoá là đòi hỏi khách quan của tiến trình hiện đại hoá, cũng là nhiệm vụ quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, mở rộng hơn nữa không gian cho nông dân, đưa nông thôn tiến gần hơn thành thị.

d. Đưa nông nghiệp hội nhập với tiến trình toàn cầu hoá kinh tế

Trung Quốc gia nhập WTO sẽ có ảnh hưởng sâu sắc đến nông nghiệp, đưa lại những cơ hội và thách thức mới, đòi hỏi nông nghiệp phải điều chỉnh chiến lược phát triển, điều chỉnh kết cấu ngành nghề nông nghiệp và phải nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế. Quá trình này sẽ giúp cho nông nghiệp và nông thôn Trung Quốc tăng tốc hiện đại hoá.

4. Triển vọng quan hệ thành thị - nông thôn

Giải quyết vấn đề nông nghiệp - nông thôn - nông dân có liên quan đến thành bại của công cuộc hiện đại hoá ở Trung Quốc. Ngay từ khi cải cách mở cửa, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, và đã tìm kiếm biện pháp giải quyết qua *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về vấn đề đẩy nhanh phát triển nông nghiệp* năm 1979. Giải quyết vấn đề nông nghiệp và nông thôn luôn được coi là vấn đề quan trọng và khẳng

định trong Báo cáo chính trị các đại hội của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Năm 1998, tại Hội nghị Trung ương 3 khoá XV Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đưa ra *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề quan trọng trong công tác nông nghiệp và nông thôn*. Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đã nêu ra: “Hoạch định thống nhất sự phát triển kinh tế - xã hội thành thị và nông thôn, xây dựng nông nghiệp hiện đại, phát triển kinh tế nông thôn, tăng thu nhập của nông dân là nhiệm vụ to lớn xây dựng toàn diện xã hội khá giả”. Việc hoạch định thống nhất phát triển kinh tế - xã hội, thống nhất phát triển nông thôn và thành thị có ý nghĩa quan trọng: đây là đòi hỏi tất yếu thực hiện phát triển hài hoà kinh tế nông thôn và thành thị, còn là sáng tạo để giải quyết vấn đề “tam nông”, là đòi hỏi quan trọng trong xây dựng toàn diện xã hội khá giả. Tháng 11-2003, Đảng Cộng sản Trung Quốc đưa ra *Quyết định của TW Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện kinh tế thị trường XHCN*, trong đó bao gồm một số nội dung quan trọng liên quan đến giải quyết quan hệ giữa thành thị và nông thôn như: *Một là*, đi sâu cải cách nông thôn, hoàn thiện thể chế kinh tế nông thôn: Hoàn thiện chế độ ruộng đất nông thôn, kiện toàn dịch vụ xã hội hoá nông nghiệp, đi sâu cải cách chế độ thuế và phí ở nông thôn, cải thiện điều kiện chuyển dịch việc làm lao động dôi dư ở nông thôn. *Hai là*, hoàn thiện hệ thống thị trường, quy phạm trật tự thị trường: tăng nhanh việc xây dựng thị trường thống nhất toàn

quốc. *Ba là*, hoàn thiện thể chế tài chính, tiền tệ; thúc đẩy cải cách thể chế việc làm, phân phối, hoàn thiện hệ thống bảo đảm xã hội; nâng cao toàn diện mức độ mở cửa với bên ngoài v.v... Qua đó Trung Quốc đang nỗ lực xây dựng thị trường hoàn thiện, thống nhất và toàn diện.

Hiện nay, tuy Trung Quốc đã xây dựng được thể chế kinh tế thị trường, nhưng việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường hoàn thiện, thống nhất và toàn diện đòi hỏi nhiều thời gian, con đường còn khúc khuỷu và phải “phẫu thuật” rất nhiều. Cơ cấu kinh tế - xã hội nguyên hình thành trong lịch sử không thể xoá bỏ trong thời gian ngắn. Tốc độ thị trường hoá năm 2000 của Trung Quốc bình quân vào khoảng 69%, trong đó miền Duyên hải phía đông, miền Trung và miền Tây chênh lệch lớn, lần lượt là 80%:50%:30%. Cư dân nông thôn vẫn chiếm 59,47% tổng dân số năm 2003. Số người thu nhập thấp, đời sống khó khăn ở thành thị và nông thôn Trung Quốc khoảng 100 triệu người, chiếm khoảng 8% tổng dân số Trung Quốc⁽¹⁾, số người đói nghèo ở nông thôn vẫn khoảng 30 triệu người⁽²⁾.

1. Nhữ Tín, Lục Học Nghệ... chủ biên. *Sách xanh năm 2004: Phân tích và dự báo tình hình xã hội Trung Quốc*. Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, năm 2004, tr. 88.

2. Lưu Kỳ, Vương Phi. *Bàn về quy hoạch thống nhất phát triển thành thị nông thôn*. Tạp chí *Kinh tế nông thôn Trung Quốc*, số 9-2003, trang 5.

Tuy vậy, Trung Quốc cũng đang đứng trước những thuận lợi mới, từ năm 1999 Trung Quốc bắt đầu thực hiện chiến lược Đại khai phát miền Tây, dốc sức xoá chênh lệch vùng ở Trung Quốc. Đặc biệt hơn, năm 2001 Trung Quốc đã trở thành thành viên của WTO, chính thức tham gia vào quá trình toàn cầu hoá kinh tế. Với cơ hội toàn cầu hoá và thông tin hoá hiện nay, nông dân có thể tham gia trực tiếp vào tiến trình kinh tế toàn cầu, thực hiện bước nhảy vọt trong phát triển kinh tế nông thôn.

Lời kết

Quan hệ thành thị - nông thôn, công nghiệp - nông nghiệp có tầm quan trọng lớn trong phát triển kinh tế quốc dân. Xây dựng thị trường thống nhất giữa thành thị và nông thôn có vai trò lớn trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Chỉ có hiện đại hoá nông thôn mới có thể thực hiện hiện đại hoá tổng thể. Thống nhất quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành thị - nông thôn, thực hiện sự phát triển tương hỗ, giảm bớt số nông dân, chuyển dân số nông nghiệp sang dân số phi công nghiệp, hướng tới xã hội thị dân. Từ diễn biến quan hệ thành thị - nông thôn ở Trung Quốc hơn nửa thế kỷ qua, đặc biệt là từ khi thực hiện cải cách mở cửa đến nay cho chúng ta những kinh nghiệm hay: *Một là*, tăng nhanh tốc độ thị trường hoá theo định hướng để giải quyết kết cấu kinh tế - xã hội nhị nguyên tồn tại phổ biến tại các nước đang phát triển. *Hai là*, thực hiện

phát triển hài hoà kinh tế - xã hội thành thị nông thôn. Đi sâu cải cách nông thôn, tạo cơ sở vững chắc cho cải cách toàn diện. Đẩy nhanh thị trường hoá, công nghiệp hoá và đô thị hoá để lôi kéo nông thôn phát triển. Xây dựng thị trường thống nhất giữa thành thị và nông thôn. *Ba là*, nông nghiệp hội nhập kinh tế quốc dân. *Bốn là*, phát huy vai trò của Nhà nước cần xây dựng hệ thống thị trường hoàn thiện, trong hoạch định các chính sách vĩ mô, hướng nông nghiệp sang sản xuất kinh doanh lớn; tăng cường đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn; ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào nông nghiệp, đào tạo bồi dưỡng nhân tài. *Sau cùng*, quy hoạch phát triển thống nhất, nhịp nhàng kinh tế - xã hội thành thị và nông thôn là một nội dung mới của cải cách ở Trung Quốc. Thành công của cải cách nhất thể hoá thành thị nông thôn sẽ là một đóng góp lớn cho sự nghiệp hiện đại hoá ở Trung Quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Huy Quý. *Nước CHND Trung Hoa - chặng đường lịch sử nửa thế kỷ (1949-1999)*. Nxb. Chính trị Quốc gia, năm 1999.
2. Nguyễn Điền. *Nông nghiệp Trung Quốc - thành tựu phát triển và cải cách 50 năm qua*. Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 6-1999.
3. Nguyễn Minh Hằng chủ biên. *Một số vấn đề về hiện đại hoá nông nghiệp Trung Quốc*. Nxb. KHXH, năm 2003.

4. Điều Khai Kiến, Trần Dũng Cần chủ biên. *Thay đổi Trung Quốc: 10 kế hoạch 5 năm của Trung Quốc*. Nxb. Kinh tế, năm 2002. (bản Trung văn).

5. Đỗ Tiến Sâm. *Trung Quốc với việc gia nhập WTO*. Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 6-2003.

6. Lâm Thiện Vĩ. *Chiến lược điều chỉnh kết cấu kinh tế Trung Quốc*. Nxb. KHXH Trung Quốc, năm 2003. (Bản Trung văn).

7. *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN hoàn thiện*. Nxb. Nhân dân, năm 2003. (bản Trung văn).

8. Cố Ích Khang, Thiệu Phong. *Thúc đẩy toàn diện cải cách nhất thể hoá thành thị nông thôn*. Tạp chí *Kinh tế nông nghiệp Trung quốc*, số 1-2003.

9. Lưu Kỳ, Vương Phi. *Bàn về quy hoạch thống nhất phát triển thành thị nông thôn*. Tạp chí *Kinh tế nông thôn Trung Quốc*, số 9-2003.

10. Tiêu Vĩ Hiệp, Trần Lý Quân. *Suy nghĩ về quy hoạch thống nhất phát triển hài hoà kinh tế thành thị nông thôn*. Tạp chí *Cải cách thể chế kinh tế*, số 1-2004. (bản Trung văn).

11. Lưu Phú, Trương Triệu Cương.. biên soạn. *Báo cáo vấn đề tam nông Trung Quốc*. Nxb. Phát triển, năm 2004. (bản Trung văn).

12. Nhữ Tín, Lục Học Nghệ.. chủ biên. *Sách xanh năm 2004: Phân tích và dự báo tình hình xã hội Trung Quốc*. Nxb. văn hiến KHXH, năm 2004. (bản Trung văn).

CHẾ ĐỘ RUỘNG ĐẤT - TRỌNG ĐIỂM CỦA VIỆC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ NÔNG THÔN TRUNG QUỐC

TS. NGUYỄN MINH HÀNG
CN. LÊ HẢI VÂN

Khi đề cập đến việc hoàn thiện thể chế kinh tế nông thôn Trung Quốc, *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN* đã đặt việc ổn định và hoàn thiện chế độ ruộng đất lên hàng đầu. Điều đó hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế ở nông thôn Trung Quốc: bên cạnh những biến đổi tốt đẹp lành mạnh, còn biết bao vấn đề ngổn ngang, lộn xộn mà nếu kéo dài sẽ tác động rất xấu đến phát triển kinh tế và ổn định xã hội. Chế độ ruộng đất không hợp lý và chưa được cải cách triệt để là vấn đề nổi cộm nhất trong các vấn đề đó. Ruộng đất tiếp tục bị chia vụn, việc tích tụ ruộng đất và chuyển quyền sử dụng ruộng đất khoán ở nông thôn gặp khó khăn lớn, cản trở nghiêm trọng việc đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn, hiện đại hoá và cải thiện đời sống của nông dân.

Theo các nhà khoa học Trung Quốc, *Quyết định* của Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đã có bước tiến mới về nhận thức cũng như quan điểm chính sách trong vấn đề hoàn thiện chế độ ruộng đất hiện hành. Để hiểu rõ vấn đề này, trước hết sẽ xem xét hiện trạng và đặc điểm chế độ ruộng đất ở Trung Quốc.

1. Hiện trạng và đặc điểm chế độ ruộng đất ở Trung Quốc

Mấy chục năm trở lại đây, chế độ ruộng đất ở nông thôn Trung Quốc đã trải qua ba lần biến đổi lớn. *Lần thứ nhất* là khi nước Trung Hoa mới được thành lập, thông qua cải cách ruộng đất, đã xoá bỏ chế độ sở hữu đất đai phong kiến và chế độ tô tức, khiến cho chế độ sở hữu ruộng đất và chế độ kinh doanh tiểu nông trở thành chế độ ruộng đất phổ biến nhất. *Lần thứ hai* là thời kỳ 1953-1956, thông qua hợp tác hoá nông nghiệp đã biến chế độ sở hữu ruộng đất và chế độ kinh doanh tiểu nông thành chế độ sở hữu và kinh doanh tập thể của nông dân. *Lần thứ ba* là từ đầu những năm 1980, thông qua chế độ khoán sản phẩm đến hộ gia đình, đã tách rời chế độ sở hữu ruộng đất và chế độ kinh doanh, tách rời giữa quyền sở hữu ruộng đất và quyền kinh doanh ruộng đất; quyền sở hữu ruộng đất (bao gồm quyền phân phối, quyền điều chỉnh) vẫn thuộc về sở hữu tập thể, còn quyền kinh doanh thì trao cho các hộ gia đình nhận đất khoán. Lần biến đổi cuối cùng này đã

tạo nên hiện trạng và đặc điểm cơ bản của chế độ ruộng đất ở nông thôn Trung Quốc.

Trước hết, sở hữu tập thể được coi là một trong những hình thức cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc, và được coi là cơ sở cần phải được giữ vững của nông thôn theo chế độ xã hội chủ nghĩa. Ngoài việc nhà nước khi cần có thể trưng dụng có bồi thường thì ruộng đất thuộc sở hữu tập thể không được mua bán và trên một mức độ rất lớn, chịu sự chi phối trực tiếp của nhà nước thông qua các chính sách, vì vậy, quyền sở hữu ruộng đất của tập thể là rất hạn chế.

Thứ hai, sự tách rời giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng ruộng đất là một sự tách rời đặc biệt, không giống như sự tách rời giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng ruộng đất mà địa chủ và những người sở hữu ruộng đất khác trong xã hội phong kiến và xã hội tư bản có thể cho thuê, thế chấp đất của mình hoặc thông qua các phương thức khác để trao quyền sử dụng đất của mình cho người khác. Ví dụ, trong xã hội phong kiến và xã hội tư bản, việc các địa chủ và những người sở hữu ruộng đất khác muốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất của mình bằng cách cho thuê sẽ hoàn toàn do lợi ích đạt được cao hay thấp hoặc do ý thích của họ quyết định. Thời gian cho thuê cũng được quyết định bằng cách tương tự. Còn trong điều kiện chế độ khoán sản phẩm hiện hành tại nông thôn Trung Quốc, không phải mối quan hệ giữa lợi và hại thuần nhất trong kinh tế, mà là

chính sách nhà nước đã quyết định việc “tập thể” trao quyền sử dụng ruộng đất cho hộ nông dân và đảm bảo hộ nông dân được hưởng quyền lợi này; theo quy định của chính sách này, “tập thể” lại không thể tự tiện phủ nhận hay xoá bỏ quyền sử dụng ruộng đất của hộ gia đình nông dân (quyền nhận khoán). Cho dù hộ nông dân không chăm chỉ trồng trọt hoặc bỏ đất hoang, tập thể cũng không có quyền phủ nhận hay xoá bỏ quyền sử dụng ruộng đất của hộ nông dân.

Thứ ba, vẫn giữ tinh thần và nguyên tắc của chủ nghĩa bình quân mà người tiểu nông Trung Quốc theo đuổi hàng nghìn năm nay, vì vậy, không những ai cũng có quyền nhận khoán đất, mà còn được chia đất khoán theo bình quân đầu người; đất nhận khoán không những đòi hỏi phải chia đều theo đầu người về số lượng mà còn phải chia đều về chất lượng. Chính điều này đã gây nên tình trạng đất canh tác ở Trung Quốc bị chia vụn. Theo điều tra, bình quân mỗi nông hộ được chia 8,47 mẫu, gồm 9,5 mảnh⁽¹⁾.

Thứ tư, chế độ ruộng đất hiện nay mang đặc điểm cứng nhắc vì sau khi đất được tập thể chia đều cho người nhận khoán theo chính sách của nhà nước, quyền sử dụng sẽ rất khó thay đổi, ví dụ có người muốn điều chỉnh một chút, hoặc một số người nhận khoán không

1. Viên Á Ngu. *Nhìn lại quá trình hiện đại hoá nông nghiệp Trung Quốc*. Nxb. Đại học Tứ Xuyên (Trung quốc), 1996.

muốn tiếp tục làm ruộng mà trả lại đất nhận khoán thì cũng rất khó thực hiện. Chính sách ổn định chế độ nhận khoán của nhà nước lại làm cho đặc điểm này càng thêm rõ rệt.

Thứ năm, không có cơ chế tập trung ruộng đất, lại ẩn chứa khuynh hướng vốn có là làm cho ruộng đất liên tục bị chia nhỏ. Điều này do hai nguyên tắc cơ bản của chế độ ruộng đất hiện hành quyết định, đó là: chia đều ruộng đất, và các thành viên trong “tập thể” đương nhiên được hưởng quyền được nhận khoán (có nghĩa là được kế thừa tự nhiên), quyền được nhận khoán này là bất khả xâm phạm. Việc chia đều ruộng đất vốn đã phủ nhận sự tập trung ruộng đất và khiến những mảnh đất đã tập trung bị chia nhỏ ra; quyền nhận khoán bất khả xâm phạm, các thành viên “tập thể” đương nhiên được hưởng và được kế thừa tự nhiên, không những khiến cho ruộng đất khó tập trung mà ngày càng bị chia nhỏ hơn. Đó là do trong tình hình dù đất canh tác không giảm, nhưng dân số và số lượng các gia đình không ngừng tăng lên (do dân số mới tăng thêm và do những gia đình vốn có chia thành các gia đình nhỏ hơn) cũng khiến cho ruộng đất vốn đã bị chia vụn lại càng trở nên vụn hơn làm cho các nông trại gia đình ở Trung Quốc hiện nay là những nông trại có quy mô nhỏ nhất thế giới.

Từ những đặc điểm nói trên có thể thấy, chế độ ruộng đất ở nông thôn Trung Quốc hiện nay vừa mang

tính chất của nông nghiệp truyền thống, vừa mang dấu ấn của nền kinh tế kế hoạch. Xét về tổng thể, nó rất không có lợi cho công cuộc hiện đại hoá nông nghiệp của Trung Quốc. Nó còn tồn tại nhiều vấn đề và hạn chế, mà sau đây là hai khía cạnh nổi cộm nhất:

Một là, quyền sở hữu ruộng đất được coi là “sở hữu tập thể”, nhưng “tập thể” này là ai thì lại rất mơ hồ, không thể xác định rõ cả về mặt pháp lý lẫn trong thực tế, do vậy đã khiến cho quyền tài sản không rõ ràng. Ví dụ, những nguyên tắc chung về *Luật Dân sự* của Trung Quốc quy định, quyền sở hữu ruộng đất ở nông thôn thuộc về thôn hành chính; trong *Luật Quản lý ruộng đất* lại quy định, quyền sở hữu ruộng đất thuộc về tổ chức kinh tế hợp tác ở nông thôn. Theo điều tra của Bộ Nông nghiệp Trung Quốc, vào cuối những năm 1990, có 68% nông dân canh tác trên ruộng đất sở hữu ở cấp tổ - cấp thấp nhất trong ba cấp tổ chức tập thể của thể chế mới, mà theo báo chí, tổ không phải là một tổ chức kinh tế, cũng chẳng ra một đơn vị hành chính, không có nhân viên, không có nơi làm việc; nó là một tổ chức có chức năng mơ hồ nhất, quản lý lỏng lẻo nhất trong thể chế thôn xã mới⁽¹⁾. Do rất nhiều nơi ở nông thôn Trung Quốc, cả tổ chức hành chính lẫn tổ chức kinh tế hợp tác, hoặc không hoạt động hoặc trên thực tế không còn tồn

1. *Cải cách chế độ ruộng đất nên đưa vào quỹ đạo thị trường hoá. Sách Báo cáo về những vấn đề kinh tế của Trung Quốc.* Nxb. Kinh tế nhật báo (Trung Quốc) 1998.

tại, nên vấn đề quyền sở hữu ruộng đất thuộc về ai đã trở thành một vấn đề lớn. Chính vì thế, khó có khả năng kết hợp trực tiếp quyền sở hữu và quyền kinh doanh, khó ngăn chặn những căn bệnh do việc tách hai quyền này gây ra, như những người kinh doanh không bảo vệ đất, chỉ ra sức sử dụng, bóc lột đất mà không giữ gìn chăm sóc và đầu tư vào đất.

Hai là, quyền sử dụng ruộng đất ở nông thôn bị “đóng băng”, việc lưu chuyển và tích tụ ruộng đất gặp khó khăn rất lớn đi đôi với tình trạng ruộng đất liên tục bị cắt vụn. Nguyên nhân của tình trạng này không chỉ do nguyên tắc phân phối quyền sử dụng ruộng đất đã được quy định là bình quân và bất khả xâm phạm, mà còn do một loạt chế độ và chính sách hạn chế sự di chuyển tự do của nông dân gây tình trạng tách biệt giữa thành thị và nông thôn tạo ra.

2. Cải cách và hoàn thiện chế độ ruộng đất ở nông thôn Trung Quốc

Từ cuối thập niên 1980, nhiều nhà khoa học và cán bộ làm công tác thực tế của Trung Quốc đã nhận xét, chế độ ruộng đất ở nông thôn Trung Quốc ngày càng bộc lộ nhiều bệnh hoạn, cần tích cực sửa đổi và cải cách. Tuy nhiên người ta thấy rằng, do hạn chế của các điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và sự ràng buộc của gánh nặng lịch sử, chưa thể lập tức thay đổi chế độ này; nhưng xét về lâu dài, đó là việc không thể né tránh hoặc

kéo dài, nếu không muốn gặp phải nhiều tổn thất và nguy hại về sau. Nhiều văn kiện của Đảng và Nhà nước Trung Quốc đã đưa ra chủ trương thăm dò, thí điểm cải cách chế độ ruộng đất, dưới tiền đề: căn cứ vào tình hình thực tiễn của Trung Quốc, duy trì chế độ sở hữu tập thể về ruộng đất, ổn định quyền sử dụng ruộng đất của nông dân, đồng thời khuyến khích nông dân tự nguyện chuyển nhượng quyền sử dụng đó, làm cho ruộng đất tập trung lại một cách thích hợp.

Trong thực tế, nhiều nơi đã tìm tòi, thí điểm áp dụng một số biện pháp để ổn định và hoàn thiện quan hệ khoán ruộng đất ở nông thôn. Nhưng những năm gần đây, một số địa phương đã vi phạm chính sách cơ bản đối với nông thôn của Đảng và Nhà nước Trung Quốc, xâm hại quyền lợi kinh doanh khoán ruộng đất của nông dân, có những địa phương tùy tiện rút ngắn thời gian khoán, điều chỉnh ruộng khoán và tăng phí nhận khoán, không tôn trọng quyền tự chủ kinh doanh sản xuất của nông dân. Ở một số nơi, cán bộ thôn xã cấu kết với các công ty, các “đại gia” bên ngoài, ép nông dân cho thuê lại quyền sử dụng ruộng đất với giá rẻ, rồi lại đem cho thuê lại với giá cao hơn, số tiền chênh lệch lớn hơn rất nhiều so với chi phí thủ tục; với những hộ không muốn cho thuê quyền sử dụng đất, bên ngoài thì cán bộ thôn xã làm ra vẻ không ép buộc và đồng ý điều chỉnh hoặc đổi ruộng đất cho họ, nhưng lại cho những mảnh xa xôi, cằn cỗi, khiến người nông dân cảm thấy cái được

chẳng bù cái mất, đành đem đất khoán của mình cho thuê cho xong. Trong nhiều trường hợp, sau khi cho thuê lại quyền sử dụng đất, người nông dân tuy có được một khoản tiền, nhưng trên thực tế bị coi như đã bán quyền nhận ruộng đất khoán cho thôn; nếu không còn trụ lại được ở thành phố, trở về quê không còn đất làm ăn, một số người trở thành cố nông ngay trên mảnh đất vốn là đất khoán của mình. Có những địa phương trưng dụng ruộng đất nông thôn, không bồi thường hợp lý cho nông dân, giải quyết không thoả đáng vấn đề kế sinh nhai cho nông dân, khiến cho nông dân vừa mất đất, vừa thất nghiệp; còn có một số địa phương lấy danh nghĩa xây dựng các công trình, chiếm dụng bừa bãi đất canh tác, khiến cho một số diện tích ruộng màu mỡ biến thành đất bị bỏ hoang.

Trước thực trạng này, *Quyết định* của Hội nghị Trung ương lần thứ ba khoá XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chỉ ra, cần phải cấp bách xử lý những vấn đề bức xúc nói trên, đẩy mạnh hoàn thiện chế độ ruộng đất ở nông thôn, thiết thực bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nông dân. Cụ thể là, tinh thần của *Quyết định* đòi hỏi để hoàn thiện chế độ ruộng đất nông thôn, các cấp chính quyền của Trung Quốc phải chú trọng thực hiện tốt một số công tác sau:

Thứ nhất, cần kiên quyết quán triệt *Luật Khoán ruộng đất nông thôn của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa*, đảm bảo trong khuôn khổ luật pháp mọi

quyền lợi của nông dân trong kinh doanh khoán ruộng đất. Ruộng đất là tư liệu sản xuất cơ bản nhất và là đảm bảo đời sống của nông dân, ổn định và hoàn thiện quan hệ khoán ruộng đất nông thôn là hòn đá tảng trong chính sách nông thôn của Đảng và Nhà nước Trung Quốc. *Luật Khoán ruộng đất nông thôn* đã quy định rõ thời hạn khoán đất canh tác trong kinh doanh khoán đến từng hộ gia đình là 30 năm, thời hạn khoán đồng cỏ là 30 đến 50 năm, thời hạn khoán đất rừng là 30 đến 70 năm. Trong quá trình hoàn thiện chế độ ruộng đất nông thôn, điều then chốt là phải thực hiện có hiệu quả và đúng lúc, đúng chỗ những quy định này, nghiêm cấm tùy ý rút ngắn thời gian khoán, tùy ý điều chỉnh thu hồi lại đất khoán. Đồng thời cần thiết thực bảo vệ quyền tự chủ kinh doanh của nông dân đối với đất khoán. Trong thời kỳ khoán, nông dân có quyền tự chủ kinh doanh tương đối độc lập, không một đơn vị và cá nhân nào được phép can thiệp vào hoạt động kinh doanh sản xuất bình thường của nông dân, không được ép buộc nông dân trồng loại cây này, cây nọ, không được ép buộc nông dân mua những tư liệu sản xuất hoặc hàng hoá tại những nơi đã được chỉ định, không được ép nông dân bán sản phẩm cho những cá nhân hoặc doanh nghiệp được chỉ định. Ngoài ra còn cần phải đảm bảo quyền được nhận lợi ích từ đất nhận khoán, mọi tổ chức và cá nhân đều không được tùy tiện cắt xén, chiếm dụng lợi ích mà nông dân thu được từ ruộng đất nhận khoán thông qua sản xuất kinh doanh.

Thứ hai, cần phải hoàn thiện các biện pháp lưu chuyển ruộng đất, đảm bảo các hộ gia đình trong thời gian nhận khoán có thể lưu chuyển quyền kinh doanh khoán ruộng đất có bồi thường một cách tự nguyện và trong khuôn khổ pháp luật. Lưu chuyển ruộng đất là một bộ phận cấu thành quan trọng trong quyền tự chủ kinh doanh nhận khoán của nông dân, nó vừa liên quan đến sự ổn định của mối quan hệ khoán ruộng đất ở nông thôn và lợi ích thiết thân của đông đảo nông dân, vừa liên quan đến sự phân phối hợp lý nguồn tài nguyên ruộng đất và phát triển nông nghiệp hiện đại, đòi hỏi phải suy xét thống nhất từ góc độ hoàn thiện quan hệ sản xuất và thúc đẩy sức sản xuất phát triển, vừa quan tâm đến công bằng, vừa xem xét đến hiệu quả. Vì vậy, lãnh đạo và các học giả Trung Quốc cho rằng việc lưu chuyển ruộng đất cần có một cơ chế lưu chuyển hợp lý dựa trên yêu cầu của kinh tế thị trường, phát huy vai trò mang tính cơ sở của cơ chế thị trường trong việc phân phối nguồn tài nguyên đất đai ở nông thôn với tiền đề đảm bảo sự ổn định của quan hệ khoán ruộng đất ở nông thôn. Cần chú trọng đến ba điểm sau trong những công tác cụ thể: *một là* cần phải đảm bảo vị trí chủ thể lưu chuyển ruộng đất của các hộ gia đình. Nông dân vừa là chủ thể nhận khoán ruộng đất nông thôn, vừa là chủ thể lưu chuyển ruộng đất nông thôn, nông dân phải có quyền quyết định trong việc ruộng đất có được lưu chuyển hay không, lưu chuyển theo hình thức nào, không một đơn vị và cá nhân nào được phép ép buộc lưu

chuyển đất nhận khoán của nông dân, cũng không được phép cản trở nông dân lưu chuyển đất nhận khoán theo pháp luật. Vai trò của chính quyền trong việc lưu chuyển ruộng đất chủ yếu là bảo vệ quyền lưu chuyển ruộng đất của nông dân, chấn chỉnh những hành vi xâm hại quyền nhận khoán ruộng đất của nông dân, không được dùng mệnh lệnh hành chính cưỡng ép nông dân lưu chuyển ruộng đất. Các doanh nghiệp công thương phải chủ yếu thông qua phương thức “nông nghiệp đặt hàng” và “công ty + hộ gia đình”... để đầu tư phát triển nông nghiệp, hình thành nên cơ chế gắn bó lợi ích của doanh nghiệp và hộ gia đình, thúc đẩy nông dân phát triển kinh doanh theo ngành nghề, không được tự sáp nhập ruộng đất, thay nông dân tiến hành sản xuất nông nghiệp. Hai là, cần phải kiên trì phương thức lưu chuyển ruộng đất đa dạng hoá. Việc lưu chuyển ruộng đất nông thôn cần phải thực hiện dựa trên tình hình cụ thể của từng địa phương, dưới nhiều hình thức đa dạng, có thể là chuyển khoán, cho thuê, ủy thác canh tác thay, cũng có thể là chuyển nhượng, trao đổi lẫn nhau; lưu chuyển có thể được thực hiện giữa các hộ gia đình, cũng có thể diễn ra giữa các hộ gia đình với các doanh nghiệp, ngoài ra còn có thể ủy thác cho các tổ chức trung gian thực hiện. Sự lưu chuyển giữa các hộ gia đình được thực hiện dễ dàng, đơn giản, có thể giải quyết tốt mâu thuẫn giữa người và đất, giảm bỏ hoang ruộng đất, thì cần phải tích cực đề xướng và khuyến khích. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc còn đòi hỏi các tổ chức tập thể ở nông

thôn cần phải thực hiện tốt các công tác phục vụ có liên quan, hoàn thiện các biện pháp lưu chuyển, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nông dân, từng bước phát triển kinh doanh ruộng đất với quy mô thích hợp. *Ba là*, cần phải thiết thực đảm bảo lợi ích lưu chuyển ruộng đất cho nông dân. Phí chuyển khoán, phí chuyển nhượng và tiền cho thuê... trong lưu chuyển ruộng đất nên để các hộ gia đình và bên nhận chuyển nhượng hoặc bên thuê thoả thuận, quyết định, những lợi ích lưu chuyển có liên quan đều thuộc sở hữu của hộ gia đình. Bên giao khoán và mọi tổ chức, cá nhân khác không được phép lạm dụng quyền lực, tranh giành quyền lợi lưu chuyển ruộng đất của nông dân, không được phép tùy tiện cắt xén, khấu trừ.

Thứ ba, phải tuân theo nguyên tắc bảo vệ quyền lợi của nông dân, kiểm soát quy mô trưng dụng đất, cải cách chế độ trưng dụng đất, hoàn thiện quy trình trưng dụng đất. Chế độ trưng dụng đất hiện hành của Trung Quốc không hợp lý lắm, vừa không thể đối xử công bằng với nông dân, vừa không thể ngăn chặn việc chiếm dụng bừa bãi đối với đất canh tác. Theo thống kê của các ban ngành hữu quan, từ năm 1996 đến năm 2002, diện tích đất canh tác của Trung Quốc giảm hơn 60 triệu mẫu, bình quân hàng năm giảm hơn 10 triệu mẫu⁽¹⁾. Để xoay

1. Nhóm nghiên cứu chuyên đề. *100 vấn đề phụ đạo và học tập Quyết định của Hội nghị T.Ư 3 khoá XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc*. Nxb. Tài liệu xây dựng Đảng (Trung Quốc), 2003.

chuyển xu thế đất canh tác giảm quá nhanh, đòi hỏi phải dựa trên yêu cầu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và bảo vệ lợi ích cho người nông dân, cải cách và hoàn thiện biện pháp trưng dụng ruộng đất. Tinh thần *Quyết định* của Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đòi hỏi các cấp chính quyền Trung Quốc phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau: *trước hết*, cần phải quản lý chặt chẽ việc trưng dụng ruộng đất, nghiêm túc thực hiện chế độ bảo vệ đất canh tác. Khi trưng dụng ruộng đất, cần phải phù hợp với quy hoạch chung về sử dụng đất đai và việc quản lý các phương thức sử dụng; việc điều chỉnh quy hoạch chung về sử dụng đất đai cần phải được Ủy ban thường trực Đại hội Đại biểu Nhân dân cùng cấp phê duyệt, sửa đổi quy hoạch phải trình lên Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân cấp trên phê duyệt. Cần phải thực hiện nghiêm ngặt chế độ thông báo trưng dụng ruộng đất, đảm bảo quyền được biết thông tin và quyền tham dự của đông đảo nhân dân. *Thứ hai*, cần phải phân định rõ ràng đất công ích và đất dùng cho xây dựng mang tính kinh doanh. Quy định rõ ràng nghiêm ngặt quyền trưng dụng đất quốc gia chỉ được thực hiện với những hạng mục sự nghiệp công ích cần thiết. Những đất dùng cho mục đích xây dựng khác, cần phải vận dụng cơ chế thị trường, phát huy vai trò mang tính sơ sở của thị trường trong việc phân phối tài nguyên đất đai và quyết định giá cả. *Cuối cùng*, cần phải nâng cao tiêu chuẩn đền bù. Việc đền bù đất trưng dụng cần phải suy nghĩ thấu đáo đến quyền lợi của tập thể nông thôn và quyền

lợi kinh doanh nhận khoán của nông dân, việc xác định giá trưng dụng đất cần phải thể hiện rõ quyền kinh doanh khoán ruộng đất vừa là tư liệu sản xuất của nông dân vừa là yêu cầu đảm bảo cho cuộc sống của nông dân, khi trưng dụng đất đai cần phải đền bù hợp lý kịp thời cho nông dân.

Tinh thần *Quyết định* của Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc cho thấy rõ, việc hoàn thiện chế độ ruộng đất ở nông thôn Trung Quốc, bao gồm việc lưu tâm xử lý những hiện tượng tiêu cực ở các địa phương, là nhằm tổ chức lại việc kinh doanh nông nghiệp, mang lại lợi ích tối đa cho nông dân. Ý nghĩa quan trọng của bản *Quyết định* là ở chỗ, việc hoàn thiện chế độ ruộng đất không còn chỉ dừng ở nhận thức lý luận, nghiên cứu khoa học, thực hiện thí điểm, mà đã trở thành chủ trương chính sách và biện pháp cụ thể, đồng bộ được các nhà lãnh đạo Trung Quốc đưa ra và đòi hỏi thực thi một cách nghiêm túc. Các nhà khoa học và hoạt động thực tiễn Trung Quốc đặt nhiều hy vọng ở việc quán triệt *Quyết định* này. Song người ta cũng cho rằng, để có một phương án tối ưu cho việc hoàn thiện chế độ ruộng đất ở nông thôn, Trung Quốc cần một thời gian dài để thực hiện những việc hết sức quan trọng, như cần xác định cơ sở chắc chắn hơn nữa cho chủ thể quyền tài sản ruộng đất, tìm tòi nhiều phương thức linh hoạt để lưu chuyển và tích tụ ruộng đất trên quy mô thích hợp, tạo điều kiện cho nông nghiệp tiến lên hiện đại hoá.

VỀ VẤN ĐỀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG THỊ TRƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA TRUNG QUỐC

THS. ĐỖ NGỌC TOÀN
Viện Nghiên cứu Trung Quốc

1. Nhìn lại hệ thống thị trường Trung Quốc những năm qua

Tháng 9-1985, bước vào kế hoạch 5 năm lần thứ bảy, Trung Quốc lần đầu tiên đưa ra kiến nghị phải xây dựng hệ thống thị trường XHCN, nhưng phải qua hai kỳ Đại hội XIV và Đại hội XV của Đảng Cộng sản Trung Quốc, hệ thống thị trường của Trung Quốc mới thực sự phát triển. Trong một thời gian ngắn, Trung Quốc đã tiến hành xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống thị trường, qua đó đã phát huy có hiệu quả chức năng và tác dụng của cơ chế thị trường, thúc đẩy mạnh mẽ sức sản xuất, đem lại sự thay đổi cơ bản và thành quả hết sức rõ rệt cho nền kinh tế nước này.

Bắt đầu từ năm 1997, hệ thống thị trường Trung Quốc đã thực sự khởi sắc, đảm bảo mức tăng trưởng nhanh chóng, thị trường hàng hoá phát triển sống động

và ổn định. Mức độ điều tiết giá cả của thị trường ngày càng tăng, đã phát huy tác dụng hữu hiệu của thị trường trong lĩnh vực bố trí nguồn lực và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường. Hiện nay, tỷ lệ điều tiết giá cả của thị trường chiếm trong tổng mức hàng hoá bán lẻ xã hội, tổng mức thu mua nông sản phẩm và trong tổng mức tiêu thụ tư liệu sản xuất đã chiếm tới 95,8%; 92,5% và 87,4%⁽¹⁾. Giới kinh tế Trung Quốc cho rằng, mức độ thị trường hoá của Trung Quốc đã tăng lên rất cao và hiện nay ở Trung Quốc, cơ chế hình thành thị trường thông qua giá cả điều tiết về cơ bản đã được xác lập.

Do hệ thống thị trường hàng hoá bước đầu hình thành và phát huy tác dụng, thị trường tiền tệ được xây dựng năm 1992 đến nay đã có quy mô khá vững, năm 2002 đã có 1224 cơ cấu tiền tệ trong nước được thành lập có tổng số cổ phần là 593 tỷ với trị giá 3832,9 tỷ NDT, trong đó cổ phần lưu thông là 205,6 tỷ với trị giá lưu thông là 1300 tỷ NDT, tỷ lệ thị trường hoá (tỷ lệ chiếm trong GDP của tổng trị giá cổ phần) là 38%⁽²⁾. Vốn hút vào thị trường chứng khoán đã đạt hơn 640 tỷ NDT, vốn quốc trái đạt hơn 480 tỷ NDT, giá trị cổ phiếu đạt hơn 140 tỷ NDT⁽³⁾. Năm 2002 đã có hơn 68 triệu hộ

1,2. 100 vấn đề phụ đạo học tập Quyết định của Hội nghị toàn thể Trung ương 3 khoá XVI của Đảng. Nxb. Sách xây dựng Đảng, Bắc kinh, 2003.

3. Vương Mẫn Ngọc, Lý Lợi. *Đổi sách phát triển thị trường chứng khoán xí nghiệp nước ta*. Tạp chí Hợp tác quốc tế, số 5-2002.

có số vốn trên dưới 50000 NDT/hộ đầu tư vào thị trường vốn⁽¹⁾. Lượng tiền gửi tiết kiệm trong dân hiện nay đã đạt tới 8000 tỷ NDT⁽²⁾.

Cho đến nay, thị trường nhà đất đã xoá bỏ chế độ sử dụng đất đai không bồi hoàn, không kỳ hạn, không lưu chuyển trước đây để chuyển sang cơ chế thị trường quyết định giá cả sử dụng đất đai có bồi hoàn, có kỳ hạn và lưu động, do đó đã phát huy mạnh mẽ tác dụng và hiệu lực phân bổ nguồn lực trên thị trường.

Thị trường kỹ thuật của Trung Quốc cũng phát triển khá mạnh mẽ. Các cơ quan, đơn vị phát triển kỹ thuật đã nhanh chóng được thành lập và làm việc rất có hiệu quả. Chẳng hạn, hiện nay, ở Trung Quốc đã thành lập các cơ sở như trung tâm giáo dục kỹ thuật, trung tâm phát triển sức sản xuất, các hệ thống dịch vụ khoa học kỹ thuật như công ty môi giới tư vấn khoa học kỹ thuật, công ty đánh giá chất lượng máy móc phục vụ sản xuất v.v... giúp cho thị trường kỹ thuật ngày càng sôi động. Mười năm trở lại đây, mức giao dịch hợp đồng trên thị trường kỹ thuật đã tăng trên 10%, mức hoàn thành các hợp đồng kỹ thuật năm 2002 đã tăng gấp 10 lần so với năm 1990, đã nâng cao tỷ trọng nghiên cứu và

1. 100 vấn đề phụ đạo học tập Quyết định của Hội nghị toàn thể Trung ương 3 khoá XV của Đảng. Nxb. Sách xây dựng Đảng, Bắc Kinh, 2003.

2. Lưu Tất Thanh. *Tiền tệ: Khủng hoảng tiềm tàng và phòng bị cần thiết*. Tạp chí hợp tác kinh tế quốc tế, số 2-2003.

khai thác kinh doanh trong cả nước từ 60% năm 1990 tăng lên 76,15%⁽¹⁾, tạo đà thúc đẩy mạnh mẽ tốc độ thị trường hoá trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học kỹ thuật, sản phẩm hoá thành quả khoa học kỹ thuật và ngành nghề hoá kỹ thuật cao, hiện đại.

Về thị trường sức lao động, do chủ trương mở cửa thị trường sức lao động, Trung Quốc đã tạo điều kiện cho người chưa có việc làm thông qua nhiều kênh và nhiều phương tiện để tìm kiếm công việc trên thị trường, do đó đã góp phần tái tạo việc làm cho người lao động một cách hiệu quả, cải thiện từng bước sinh hoạt của nhân dân, giảm nhẹ sự căng thẳng trong đời sống kinh tế - xã hội. Năm 2001, đã có 730 triệu người có việc làm mới, năm 2002, trong 26 triệu người chưa có việc làm đã có 17 triệu người tìm được việc làm⁽²⁾.

Tuy nhiên, mặc dù hệ thống thị trường Trung Quốc đã có sự tiến triển, phạm vi thị trường hàng hoá không ngừng phát triển và mở cửa, ngày càng nhiều hàng hoá, vật tư, tư liệu sản xuất và sức lao động được đưa vào thị trường, tuy nhiên so với yêu cầu của mục tiêu phát triển kinh tế thị trường vẫn còn phải phấn đấu rất nhiều. Trên thực tế, thể chế thị trường của Trung Quốc chưa

1. *100 vấn đề phụ đạo học tập Quyết định của Hội nghị toàn thể Trung ương 3 khoá XV của Đảng*. Nxb. Sách xây dựng Đảng, Bắc Kinh, 2003.

2. *Nhân khẩu Trung Quốc đến năm 2010 không chế ở mức 1,4 tỷ*. www.cnmaya.com (ngày 3-11-2003).

thực sự hoàn thiện mà còn có nhiều tồn tại không chỉ trong khu vực thị trường hàng hoá mà cả trong khu vực thị trường yếu tố, tạo ra những hạn chế nghiêm trọng dẫn đến hệ thống thị trường đến nay vẫn phát triển rất chậm chạp. Trước thực tại nói trên của hệ thống thị trường Trung Quốc, ngày 14-10-2003, Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba khoá 16 của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã nêu ra: "Phải kiện toàn hệ thống thị trường hiện đại, trong đó phải phát huy tác dụng căn bản của thị trường trong việc bố trí nguồn lực ở mức độ cao hơn, đồng thời xây dựng hệ thống thị trường thống nhất, mở cửa, cạnh tranh và có trật tự. Thông qua cải cách mở cửa phải phát triển ổn định thị trường vốn, phát triển thị trường đất đai, kỹ thuật và sức lao động, tạo ra môi trường sử dụng bình đẳng các yếu tố sản xuất trên thị trường". Đây chính là một trong những phương châm của Đại hội XVI của Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra nhằm phát triển và hoàn thiện hơn nữa hệ thống thị trường XHCN hiện đại.

2. Chính sách hoàn thiện hệ thống thị trường của Trung Quốc

Trong tình hình nền kinh tế Trung Quốc sau khi gia nhập WTO đang đứng trước sự cạnh tranh thị trường quyết liệt, việc tăng cường xây dựng và hoàn thiện hơn nữa hệ thống thị trường trong nước để nhanh chóng hoà nhập với thị trường quốc tế của Trung Quốc

là một nhiệm vụ cực kỳ cấp bách và quan trọng. Do đó, trên tinh thần của Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc, Trung Quốc trong giai đoạn mới chủ trương xây dựng và hoàn thiện hơn nữa hệ thống thị trường, đã nhấn mạnh tính thống nhất của thị trường, đưa hệ thống thị trường bước sang giai đoạn hiện đại hoá, thúc đẩy thực lực kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ. Trong thời gian tới, Trung Quốc sẽ thực hiện những chính sách và biện pháp sau:

1. Tăng cường thúc đẩy mức độ mở cửa thị trường trong và ngoài nước, phát huy khả năng thị trường hoá đối với giá cả các yếu tố sản xuất, tạo điều kiện đẩy mạnh việc sắp xếp lại nguồn lực trên thị trường nhằm từng bước hoà nhập và mở rộng nền kinh tế trong nước và nền kinh tế thế giới, qua đó có thể lợi dụng đầy đủ cả hai thị trường trong và ngoài nước; mặt khác chú trọng thúc đẩy thị trường hàng hoá và thị trường yếu tố tự do lưu thông và cạnh tranh lành mạnh trong phạm vi cả nước.

Trong những năm tới, Trung Quốc sẽ đẩy mạnh các phương thức lưu thông hiện đại như thương mại điện tử, liên kết kinh doanh khép kín, phục vụ giao hàng tại chỗ v.v... nhằm làm sống động thị trường, đồng thời tiếp tục nâng cao trình độ tổ chức thị trường, xoá bỏ mọi trở ngại hạn chế sự phát triển thị trường hàng hoá như tháo gỡ các hàng rào hành chính, xoá bỏ sự độc quyền

của các ngành, xoá bỏ các quy định ngăn sông cấm chợ của địa phương làm hạn chế sự phát triển của thị trường. Tạo khả năng cung ứng trên thị trường, Trung Quốc sẽ tăng cường nâng cao hơn nữa quy mô và hiệu quả kinh tế của các xí nghiệp sản xuất đồng thời thúc đẩy nhanh chóng hình thành các tập đoàn xí nghiệp và công ty xuyên quốc gia cỡ lớn nhằm mở rộng quy mô thị trường và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường nhằm đủ sức đối phó với sự cạnh tranh về tiền vốn và hàng hoá của doanh nghiệp nước ngoài và các công ty xuyên quốc gia tham gia vào thị trường Trung Quốc.

2. Chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện thị trường hàng hoá và giải quyết các vấn đề tồn tại trong thị trường yếu tố (thúc đẩy sản xuất)

a) Tăng cường khả năng điều tiết thị trường hàng hoá, đặc biệt là thị trường nông sản phẩm

Trong thị trường hàng hoá, mức độ mở cửa và thị trường hoá vẫn phát triển chậm, khả năng trao đổi, lưu thông cộng với chức năng điều tiết của các thị trường này cũng kém hiệu quả, biểu hiện rõ nét nhất ở thị trường tiêu thụ nông sản phẩm. Trong thời gian tới, đẩy mạnh chức năng điều tiết thị trường hàng hoá nông sản phẩm sẽ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Hội nghị toàn thể Trung ương 3 khoá 16 của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Những năm qua, do thị trường hàng hoá nông sản phẩm bố trí không hợp lý, chưa hình

thành mạng lưới thị trường trong cả nước, cơ sở hạ tầng của thị trường không hoàn thiện, ảnh hưởng rất nhiều đến khả năng phát huy tác dụng trao đổi và lưu thông của thị trường. Mặt khác, pháp lệnh, pháp quy của thị trường nông sản phẩm cũng không kiện toàn, trật tự giao dịch khá hỗn loạn, thị trường các khu vực bị đóng cửa dẫn đến thị trường đến nay vẫn chưa hình thành thực sự, đã hạn chế phạm vi lưu thông trên thị trường, đặc biệt là khu vực nông thôn. Do khối lượng giao dịch kém, giá cả thị trường không phản ánh đúng tình hình cung cầu, tạo nên một khối lượng lớn sản phẩm bán buôn không thể trông chờ thị trường nông thôn tiêu thụ. Nhiều năm qua, giá cả thị trường không thể tự điều tiết, giá cả vẫn phải dựa vào giá sản xuất, khả năng điều tiết của thị trường đã thực sự vô hiệu hoá. Do đó, Trung Quốc vẫn nhấn mạnh phải hoàn thiện hệ thống thị trường nông sản phẩm, nhanh chóng hình thành một hệ thống thị trường thống nhất, mở cửa, cạnh tranh và có trật tự, đồng thời đẩy mạnh kết hợp với hệ thống phục vụ xã hội hoá nông nghiệp và hệ thống bảo hộ nông nghiệp của Nhà nước, thúc đẩy các biện pháp tổng hợp nhằm phát triển nông thôn và tăng thu nhập cho nông dân.

b. Giải quyết các vấn đề tồn tại trong thị trường yếu tố

- Thị trường vốn:

Thị trường vốn giữ địa vị then chốt trong hệ thống thị trường. Nó được coi là hệ thần kinh trong cơ thể

kinh tế hàng hoá. Nó có tác dụng dẫn dắt chủ đạo trong việc sắp xếp nguồn lực và lưu động các yếu tố sản xuất. Nhằm phát huy đầy đủ tác dụng của cơ chế thị trường thông thoáng và quy luật giá trị trong phạm vi toàn xã hội, Trung Quốc sẽ đưa ra những chính sách cải cách thể chế lưu thông, mở cửa rộng rãi hơn nữa để đẩy mạnh lưu thông vốn trên thị trường, tạo điều kiện cho sản xuất và kinh doanh phát triển. Những năm qua, mặc dù Trung Quốc đã thúc đẩy cải cách mở cửa thị trường vốn, song gần 10 năm qua, giao dịch trên thị trường phát triển vẫn còn chậm và kém hiệu quả. *Thứ nhất*, các xí nghiệp sản xuất vẫn còn phải chiếm dụng vốn của ngân hàng quá nhiều. Cho đến năm 2002, tỷ lệ vốn đầu tư của các xí nghiệp trong ngân hàng vẫn chưa tới 10%. *Thứ hai*, quy mô thị trường chứng khoán hiện nay vẫn còn rất nhỏ, tạo ra thị trường cổ phiếu phát triển không cân đối. Đến cuối năm 2002, mặc dù giá trị cổ phiếu lưu thông trên thị trường khoảng 1400 tỷ NDT, song số dư trái khoán của xí nghiệp chỉ có 70 tỷ NDT, chứng từ giao dịch trên thị trường chỉ có 77 loại mà chủ yếu là chứng từ vay nợ như: trái khoán có thể chuyển đổi, trái khoán công ty, quốc trái và trái khoán mua lại, còn cổ phiếu đầu tư thông qua ngân hàng chiếm số lượng rất nhỏ⁽¹⁾. *Thứ ba*, số hộ đầu tư dân gian trên thị

1. 100 vấn đề phụ đạo học tập Quyết định của Hội nghị toàn thể Trung ương 3 khoá XV của Đảng. Nxb. Sách xây dựng Đảng, Bắc Kinh, 2003.

trường vốn chiếm tỷ lệ quá nhỏ và phân tán, không có khả năng chịu đựng và chống chọi với rủi ro. Do đó, trong những năm tới, Trung Quốc chủ trương nâng cao hiệu quả lưu thông vốn thông qua kinh doanh xuất nhập khẩu, giao dịch chứng khoán, thu hút và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời cố gắng thu hút một khối lượng lớn nguồn vốn trong nhân dân để đầu tư sản xuất kinh doanh trong nước. Mặt khác, Trung Quốc sẽ xúc tiến và đẩy mạnh cải cách thể chế quản lý ngân hàng, thúc đẩy tiến trình thương nghiệp hoá ngân hàng chuyên doanh quốc hữu để các ngân hàng này đủ khả năng kinh doanh trên thị trường vốn và thị trường chứng khoán.

- Thị trường lao động:

Nền sản xuất lớn xã hội hoá yêu cầu các xí nghiệp phải căn cứ vào nhu cầu xã hội và sự thay đổi của kỹ thuật để liên tục sắp xếp, đổi mới các yếu tố sản xuất và sức lao động. Do đó đòi hỏi tư liệu sản xuất và sức lao động cũng phải thay đổi và có sự chuyển dịch mới có thể bố trí hợp lý hoá các nguồn lực. Nếu không, xí nghiệp rất dễ dàng chịu hậu quả hiệu suất lao động giảm và hiệu quả kinh tế thấp, lãng phí nguồn nhân lực.

Đối với việc đẩy mạnh thị trường sức lao động, giới nghiên cứu cho rằng hiện nay theo nhận thức của một số ban, ngành vẫn chưa xác định rõ vấn đề sức lao động là hàng hoá nên mặc dù Nhà nước đã có cơ chế song vẫn chưa kiện toàn, mức lưu động xuyên khu vực, xuyên ngành nghề vẫn còn bị hạn chế, pháp luật và quy định

đối với sức lao động vẫn chưa được đảm bảo, các chế độ hiện hành về bảo hiểm lao động, việc làm và xã hội vẫn chưa hoàn thiện nên công tác bảo hiểm vẫn còn nhiều bất cập, do vậy trên thực tế vẫn chưa thực sự thúc đẩy được thị trường lao động phát triển. Do đó, thời gian tới, Trung Quốc không những phải tiếp tục đi sâu vào đổi mới tư tưởng, đổi mới nhận thức lý luận, đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện thị trường sức lao động thống nhất và thông thoáng trong cả nước nhằm phát huy tác dụng điều tiết nguồn lao động của thị trường.

Căn cứ vào phương châm chỉ đạo mà Đại hội XVI nêu ra là phải thực hiện tích cực hơn nữa chính sách tạo việc làm, tăng cường hơn nữa việc xây dựng thị trường sức lao động. Nhiệm vụ trọng điểm của Trung Quốc trong thời gian tới là phải sửa đổi kịp thời sự trở ngại trong việc lưu chuyển tự do sức lao động thông qua việc tạo ra những cơ chế có lợi cho việc di chuyển sức lao động, chẳng hạn như xây dựng chế độ bảo hiểm xã hội có lợi cho sức lao động lưu động, xoá bỏ những quy định phân biệt đối với lao động ở nơi khác đến. Mặt khác, còn nhanh chóng hoàn thiện hệ thống phục vụ tạo việc làm, tăng cường bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng cho người lao động, xúc tiến xây dựng chế độ giá cả, lương bổng theo thị trường lao động. Trong thời gian tới, sẽ kiện toàn và hoàn thiện pháp luật, pháp quy về thị trường lao động để bảo đảm quyền lợi cơ bản cho người lao động và trật tự thị trường lao động. Nhằm đẩy mạnh chủ trương xây

dựng hiện đại hoá nguồn lực và thị trường lao động, Trung Quốc sẽ có những chính sách và biện pháp xây dựng thị trường nhân tài, nhanh chóng bồi dưỡng, đào tạo lực lượng lao động có trình độ kỹ thuật cao, phù hợp với trình độ thế giới. Đồng thời, còn đẩy mạnh cải cách về căn bản thể chế quản lý đội ngũ cán bộ quản lý kinh doanh và nhân viên kỹ thuật trong khu vực kinh tế quốc hữu để thúc đẩy thị trường hoá thị trường nhân tài, thúc đẩy kinh tế phát triển.

- Về thị trường đất đai, kỹ thuật:

Hiện nay, sự phát triển của thị trường đất đai, kỹ thuật rất không phù hợp với yêu cầu phát triển của kinh tế thị trường. Qua một thời gian, thị trường đất đai đã bộc lộ rõ những hạn chế của nó. Chức năng và tác dụng của thị trường không đủ bảo đảm đáp ứng yêu cầu bố trí hợp lý và có hiệu quả đối với tài nguyên đất đai. Nhà nước đối với việc quản lý nguồn tài nguyên cũng còn thiếu những chính sách và chế độ cụ thể, hiện tượng tùy tiện quy hoạch, tự ký kết còn phổ biến. Tình trạng trưng thu, mở rộng quy hoạch, bồi thường giá trị đất đai còn tùy tiện, bừa bãi, giá trị bồi thường thấp. Một số đất đai dành cho kinh doanh lại áp dụng phương thức chuyển nhượng để giành quyền sử dụng đất. Trong những năm tới, Trung Quốc sẽ tiến hành mở rộng phạm vi sắp xếp nguồn tài nguyên đất đai trên thị trường, đồng thời tăng cường khả năng điều tiết của Chính phủ đối với thị trường đất đai, cải cách chế độ trưng dụng

đất đai, nghiêm túc phân định phạm vi sử dụng đất công ích và thực hiện theo trình tự pháp định. Các đơn vị trưng dụng đất đai có tính chất phục vụ công ích hoặc xây dựng để kinh doanh đều phải tuân theo quy hoạch tổng thể và chế độ quản lý sử dụng và phải chịu đền bù hợp lý và kịp thời cho nông dân. Mặt khác, Nhà nước Trung Quốc sẽ tăng cường mức độ công khai trên thị trường, hoàn thiện pháp quy, pháp chế thị trường đất đai và chỉnh đốn trật tự trên thị trường đất đai.

Đối với thị trường kỹ thuật, thời gian qua do trình độ thị trường hoá trong lĩnh vực nghiên cứu, khai thác và phát triển các công trình kỹ thuật chưa cao nên nguồn cung ứng sản phẩm kỹ thuật không đảm bảo, cộng với nguồn đầu tư khai thác thành quả kỹ thuật không đầy đủ, khả năng dịch vụ kỹ thuật kém, thị trường kỹ thuật phát triển không cân đối, mối liên kết hợp tác kỹ thuật giữa các khu vực còn lỏng lẻo, quy định về giao dịch thị trường kỹ thuật không hoàn chỉnh... nên mức hợp đồng ký kết về phát triển kỹ thuật ở các địa phương trong cả nước hết sức hạn chế. Chỉ tính riêng hai thị trường nông thôn và thị trường khu vực miền Tây, mức hợp đồng ký kết đạt được kết quả chỉ chiếm trên dưới 10% so với cả nước⁽¹⁾. Do đó, trong thời gian tới Trung Quốc sẽ nhanh chóng mở rộng thị trường

1. 100 vấn đề phụ đạo học tập Quyết định của Hội nghị toàn thể Trung ương 3 khoá XV của Đảng. Nxb. Sách xây dựng Đảng, Bắc Kinh, 2003.

khai thác kỹ thuật, bồi dưỡng và phát triển hệ thống thị trường kỹ thuật, phát triển mạnh mẽ giao dịch sở hữu kỹ thuật, tăng nhanh sản phẩm hoá thành quả kỹ thuật, kiện toàn pháp chế, pháp quy đối với thị trường kỹ thuật, chấn chỉnh các hành vi giao dịch kỹ thuật, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, khuyến khích góp vốn để chuyển giao thành quả khoa học kỹ thuật.

3. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thị trường không thể tách rời với việc xây dựng pháp chế hệ thống thị trường và đẩy mạnh cải thiện công tác quản lý theo pháp luật của Nhà nước đối với các loại thị trường

Hiện nay, hệ thống pháp luật và chế độ được xác lập trong nền kinh tế thị trường của Trung Quốc mới bắt đầu được hình thành, những quy định, điều lệ pháp luật trong nhiều lĩnh vực quan trọng vẫn còn bỏ trống, một số chế độ vẫn chưa quy phạm, hoàn thiện và ổn định, một số quy định pháp luật chưa thực sự được chấp hành, thậm chí có những lĩnh vực vẫn còn tồn tại cả thể chế cũ và mới nên đem lại rất nhiều mâu thuẫn. Chẳng hạn, về ưu thế chủ thể thị trường vẫn còn chưa xây dựng được xí nghiệp theo chế độ công ty, các xí nghiệp vẫn chưa thực sự trở thành chủ thể thị trường độc lập, bình đẳng với tư cách cá nhân, chịu trách nhiệm đối với hoạt động của mình. Về quyền sở hữu tài sản chưa được bảo đảm về quyền sở hữu các loại tài sản (bao gồm quyền sở hữu nhà nước, tập thể, xí nghiệp, quyền nhận

khoán kinh doanh đất đai và quyền sở hữu tài sản cá nhân). Về chế độ giao dịch thị trường, môi trường để bảo đảm tự do ký kết hợp đồng, cạnh tranh công bằng vẫn chưa hoàn thiện, các quyền lợi hợp pháp trong hoạt động kinh tế vẫn chưa được bảo vệ thích đáng. Về mặt điều tiết vĩ mô, điều tiết kinh tế, giám sát và quản lý thị trường chưa được giới định chính xác và có sự tham gia của Nhà nước một cách đúng đắn, hợp lý. Do đó, trong những năm tới, nhằm hoàn thiện chế độ pháp luật kinh tế thị trường, Trung Quốc sẽ cố gắng thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Xác lập và quy định đúng đắn chủ thể thị trường, sửa đổi lại Luật Công ty, phát triển các công ty lấy chế độ cổ phần là chủ yếu; xác lập Luật Sản xuất nghiệp mới; tiếp tục hoàn thiện chế độ pháp nhân trong Luật Dân sự, đưa chế độ chủ thể dân sự phù hợp với nhu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường. Trong lĩnh vực dịch vụ, Chính phủ cũng sẽ tăng cường xác định vị trí của các công ty, các tổ chức môi giới trong thị trường, đơn đốc kiểm tra, khống chế về số lượng, đồng thời xoá bỏ hình thức biến tướng đảm nhiệm chức năng của Nhà nước của các tổ chức môi giới để đảm bảo chất lượng phục vụ, dẫn dắt các tổ chức này đi vào quỹ đạo phát triển lành mạnh.

b) Tôn trọng và bảo đảm quyền sở hữu tài sản, xác định quyền sở hữu vật chất, hình thành chế độ pháp luật cơ bản về quyền sở hữu vật chất; xác định quyền sở

hữu tài sản quốc hữu để giải quyết vấn đề thiếu người đứng ra chịu trách nhiệm xử lý tài sản kinh doanh của xí nghiệp quốc hữu; tiếp tục hoàn thiện chế độ pháp luật bảo đảm quyền sở hữu tài sản tư nhân để đẩy mạnh phát triển kinh tế phi công hữu.

c) Đẩy mạnh phát triển thị trường, trước mắt Trung Quốc sẽ đẩy mạnh hoàn thiện pháp luật, pháp quy để bảo đảm tự do ký kết hợp đồng và bảo đảm an toàn trong giao dịch trên thị trường, đồng thời thông qua cơ chế tư pháp, trọng tài và hành chính để bảo đảm khả năng thực hiện hợp đồng; xác lập Luật Tín dụng thị trường để giải quyết vấn đề thất thoát tín dụng trong kinh tế thị trường và Luật Chống độc quyền để bảo vệ và thúc đẩy cạnh tranh công bằng, đồng thời sửa đổi lại Luật Chứng khoán để thúc đẩy thị trường vốn mở cửa và phát triển ổn định.

d) Trong những năm tới, Nhà nước Trung Quốc cố gắng hoàn thiện các biện pháp điều tiết vĩ mô, giám sát quản lý thị trường. Trước mắt, Nhà nước không những sẽ sửa đổi Luật Dự toán, Luật Ngân hàng nhân dân Trung Quốc, Luật Giao dịch đối ngoại và Luật Giá cả, mà còn xác lập ra Luật Đầu tư Nhà nước, Luật Chi trả chuyển dịch tài chính, Luật Thanh toán Nhà nước và Luật Ngoại hối. Mặt khác, sẽ hoàn thiện hơn nữa chế độ thuế, từng bước đưa chính sách thuế từ các "Điều lệ tạm thời" trở thành văn bản luật, đồng thời xác lập và sửa đổi văn bản luật của một số ngành quan trọng như Luật

Bưu chính, Luật Viễn thông, Luật Điện lực v.v...

Nhìn chung, Hội nghị toàn thể Trung ương 3 khoá XVI của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã nhìn nhận và tổng kết lại những ưu điểm và nhược điểm trong quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống thị trường XHCN trước đây, từ đó rút ra những kinh nghiệm quý báu để đề ra những phương hướng và biện pháp tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hệ thống thị trường nhằm đưa thể chế thị trường XHCN của Trung Quốc đi vào xu thế hiện đại hoá trong giai đoạn mới. Qua những kinh nghiệm được đúc kết và những chính sách, biện pháp tương ứng nêu trên chứng tỏ Hội nghị này đã cố gắng quyết tâm đầy mạnh hơn nữa việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống thị trường thống nhất, mở cửa, cạnh tranh, có trật tự, đưa thị trường Trung Quốc hoà nhập với thị trường thế giới, góp phần phát triển kinh tế trong nước, nhanh chóng đạt được mục tiêu xây dựng toàn diện xã hội khá giả. Đứng trước tình hình kinh tế trong nước và quốc tế luôn luôn biến động, xu thế toàn cầu hoá không ngừng phát triển, mục tiêu xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN của Trung Quốc không chỉ đối mặt với những thách thức mới mà cũng có nhiều cơ hội mới. Với sự quyết tâm của hàng ngũ lãnh đạo và toàn thể nhân dân Trung Quốc, những chủ trương và chính sách nói trên sẽ từng bước đạt được những thành quả to lớn trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 36 vấn đề quan trọng về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN. Nxb. Lịch sử Đảng Cộng sản Trung Quốc, Bắc Kinh, 2003.

2. Ngô Trấn Khôn chủ biên. *Luận cương thể chế kinh tế thị trường XHCN*. Nxb. Trường Đảng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Bắc Kinh, 1993.

3. Lưu Quốc Quang, Quế Thế Dung chủ biên. *Khái luận kinh tế thị trường XHCN*. Nxb. Nhân dân, Bắc kinh, 2002.

4. Đinh Vân Bản, Vương Kiến Tiến chủ biên. *Bàn về hiện thực kinh tế thị trường XHCN*. Nxb. Trường Đảng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Bắc Kinh, 1993.

5. Mã Hồng chủ biên. *Báo cáo phát triển thị trường Trung Quốc*. Nxb. phát triển Trung Quốc, Bắc kinh, 1997.

6. Trương Trác Nguyên, Vương Thiệu Phi: *Nghiên cứu lưu thông XHCN*. Nxb. Khoa học xã hội, Trung Quốc, Bắc kinh, 1993.

TRUNG QUỐC VỚI VIỆC HOÀN THIỆN HỆ THỐNG ĐIỀU TIẾT VĨ MÔ, CHUYỂN ĐỔI CHỨC NĂNG CỦA CHÍNH QUYỀN

TS. PHẠM THÁI QUỐC

Viện Kinh tế và Chính trị thế giới

Từ đầu những năm 1990, Trung Quốc đã có những bước chuyển mạnh mẽ, rõ rệt từ kinh tế kế hoạch sang nền kinh tế thị trường, hướng tới xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN. Đi liền với sự chuyển đổi này là những yêu cầu về hoàn thiện hệ thống điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Phân tích, đánh giá quá trình chuyển đổi chức năng của chính quyền, hoàn thiện hệ thống điều tiết vĩ mô cho phù hợp với cơ chế mới của nền kinh tế ở Trung Quốc là nội dung chính của bài viết này.

1. Điều tiết vĩ mô và chức năng của chính quyền

Nền kinh tế của mỗi nước có thể được tiếp cận dưới hai góc độ: kinh tế vĩ mô và kinh tế vi mô. *Kinh tế vĩ mô* bao hàm những vấn đề chung có tác động tới hoạt động tổng thể của nền kinh tế quốc dân như: tổng cung, tổng

cầu (cung cầu về hàng hoá, dịch vụ và tiền tệ), tăng trưởng, lạm phát, thất nghiệp... Chủ thể quản lý các hoạt động kinh tế vĩ mô trước hết là các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế. Còn *kinh tế vi mô* bao hàm các yếu tố kinh tế mang tính chi tiết, bộ phận, các tế bào của nền kinh tế với chủ thể là các công ty, các hộ sản xuất, người sản xuất và người tiêu dùng. Chính vì vậy, quản lý kinh tế vĩ mô không nhằm đạt tới các mục tiêu mang tính bộ phận của một hãng, một công ty hay một thị trường riêng biệt nào mà nhằm vào các mục tiêu chung của toàn bộ nền kinh tế. Thông thường đó là các mục tiêu cơ bản như: tăng trưởng, việc làm, ổn định thị trường và duy trì những cân bằng tổng thể như: cân bằng cung cầu, cân bằng cơ cấu, cân bằng cán cân thanh toán...

Việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN ở Trung Quốc cũng gắn liền với yêu cầu phải chuyển đổi chức năng của các cơ quan chính quyền. Trong sự chuyển đổi này, ngoài việc thực hiện các chức năng chính trị, chức năng xã hội, việc thực hiện chức năng kinh tế trở thành trọng điểm của việc thực hiện các chức năng của Chính phủ. Trước kia ở Trung Quốc, *Chính phủ vừa là chủ sở hữu, vừa là người quản lý, vừa là người kinh doanh*. Chính phủ can thiệp vào nhiều mặt của đời sống kinh tế, từ số lượng đến giá cả của hầu hết các loại sản phẩm, từ nguyên vật liệu đến máy móc thiết bị, từ tổng lượng đến chi tiết từng loại thị trường... Chính phủ trở thành một thực thể toàn năng, ôm đồm,

việc gì cũng làm. Mong muốn của Chính phủ là để mắt đến mọi mặt của đời sống xã hội, trực tiếp điều khiển tất cả các vấn đề nhân - tài - vật lực, cũng như cung tiêu của cả các xí nghiệp nhỏ nhất. Nhưng do các cơ quan tai mắt của Chính phủ hạn chế, kết quả là các cơ chế kém phát huy tác dụng, nền kinh tế thiếu sức sống. Ngày nay, khi phát triển kinh tế thị trường, các cơ quan chính quyền ở Trung Quốc đã và đang từng bước nhường bớt các chức năng quản lý, điều tiết mang tính bộ phận, thứ yếu cho cấp dưới, cho các lực lượng thị trường để tập trung vào các nhiệm vụ quan trọng hơn như: định hướng, xây dựng luật lệ và các quy tắc thị trường cũng như giám sát việc tuân thủ các quy tắc chung. Chủ trương "Chính phủ nhỏ, xã hội lớn", hay trong quản lý các doanh nghiệp nhà nước, Trung Quốc thực hiện phương châm "nắm lớn buông nhỏ", "nới quyền nhượng lợi"... đã thể hiện rõ điều này. Các chủ trương, phương châm trên có nghĩa là trong cơ chế mới, chức năng của Chính phủ, của Nhà nước chỉ tập trung vào những công việc then chốt, có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển ổn định của toàn bộ nền kinh tế, chứ không ôm đồm, làm những việc không phải của mình, không đáng làm. Đồng thời phát huy mạnh mẽ quyền tự chủ, sự tự trị và tự quản lý của các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các đoàn thể.

Sự chuyển đổi chức năng của các cơ quan chính quyền cho thấy, trong cơ chế mới, việc gì thị trường có

thể làm được thì để thị trường làm; việc gì thị trường không làm được thì Chính phủ mới làm; việc gì xã hội làm được thì để xã hội làm, Chính phủ không làm. Chính phủ không can thiệp quá nhiều, quá sâu vào các vấn đề kinh tế. Chính vì vậy mà ở Trung Quốc hiện nay đã xuất hiện tình hình: đầu tư từ vốn tự có của các doanh nghiệp nhà nước và đầu tư của các khu vực phi nhà nước tăng mạnh. Cuối năm 2002, tỷ lệ đầu tư quốc doanh - ngoài quốc doanh đạt 61:39. Hiện tại, những công việc mà các cơ quan chính quyền Trung Quốc đang phải làm là: điều chỉnh, ban hành mới những quy định pháp luật, quy hoạch phát triển các vùng, các ngành nghề, hoạch định khung pháp lý và các chính sách kinh tế, đặc biệt là các chính sách tài chính, tiền tệ, giá cả; cung cấp các thông tin kinh tế, tiến hành các dự báo về mức cung, cầu các loại hàng hoá cơ bản, dùng các đòn bẩy dẫn dắt các hoạt động kinh tế; giám sát và quản lý, kiểm tra, thúc đẩy hình thành và hoàn thiện thể chế thị trường; thực hiện các chức năng phục vụ công cộng như: duy trì và gia tăng tài sản công; phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội, từng bước tăng cường thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật. Có nghĩa là đã có sự thay đổi về cơ bản chức năng của Chính phủ và các cơ quan chính quyền so với trước kia.

Tóm lại, sự chuyển đổi chức năng của chính quyền ở Trung Quốc trong những năm qua đang diễn ra theo

hướng: tập trung vào tăng cường chức năng quản lý vĩ mô, giảm nhẹ chức năng quản lý vi mô. Trong quản lý vĩ mô, tập trung vào các chức năng: chỉ đạo chiến lược, cân đối điều hoà và chức năng bảo hộ. Chức năng quản lý vi mô của Chính phủ đang rút khỏi đời sống kinh tế - nhưng không rút hoàn toàn, mà chỉ nhường chỗ, trao trả một phần lớn cho thị trường, khiến thị trường trở thành chủ thể bố trí các nguồn lực. Chỉ có những lúc, những lĩnh vực mà thị trường bất ổn, thì Chính phủ mới can thiệp thông qua các công cụ gián tiếp như thuế, lãi suất... và sự can dự của Chính phủ lúc này mới được coi là cần thiết, là hợp lý.

2. Hoàn thiện hệ thống điều tiết vĩ mô

Sự kết hợp giữa điều hành vĩ mô của Nhà nước và cơ chế thị trường là yêu cầu cốt lõi của thể chế kinh tế thị trường XHCN. Hai mặt này phải gắn bó với nhau, bổ trợ cho nhau và thúc đẩy lẫn nhau. Hệ thống điều tiết vĩ mô theo nghĩa hẹp bao gồm các chính sách, và các công cụ để thực hiện các chính sách đó (ví dụ như lãi suất, tỷ giá... trong chính sách tiền tệ). Theo nghĩa rộng, hệ thống điều tiết vĩ mô còn bao gồm cả các quan điểm, chiến lược, giải pháp, phương tiện cũng như các công cụ cụ thể được sử dụng để thực hiện các mục tiêu kinh tế vĩ mô đưa ra.

Do hệ thống điều tiết vĩ mô bao hàm nhiều chính sách, biện pháp, công cụ khác nhau, sau đây chỉ bàn

đến một số khía cạnh chính, liên quan đến việc xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN như các quan điểm, định hướng chiến lược (vấn đề sở hữu, những cân đối của nền kinh tế); các công cụ tài chính, tiền tệ, giá cả, tỷ giá, lãi suất; chính sách thương mại; chính sách đầu tư. Cùng với quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN, hệ thống điều tiết vĩ mô ở Trung Quốc cũng từng bước được củng cố và hoàn thiện. Điều này được thấy ở những nội dung chính sau đây:

a. Các quan điểm, định hướng chiến lược trong phát triển kinh tế. Khi chuyển sang phát triển kinh tế thị trường thì việc đưa ra các định hướng chiến lược phát triển là nhiệm vụ quan trọng nhất trong hệ thống điều tiết vĩ mô của các cơ quan chính quyền nhà nước.

Quan điểm về vấn đề sở hữu. Khác với các nền kinh tế TBCN - ở đó kinh tế tư nhân là chủ thể, Trung Quốc là một nền kinh tế chuyển đổi, nên vấn đề sở hữu được nhìn nhận như một khía cạnh của hệ thống kinh tế vĩ mô cho dù vấn đề này có liên quan nhiều hơn đến thể chế kinh tế. Quan điểm mới về sở hữu khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế công hữu - tập trung vào những ngành, những lĩnh vực quan trọng, liên quan đến quốc kế dân sinh, nhưng cũng khẳng định các loại hình sở hữu khác nhau được coi trọng, cùng tồn tại, cạnh tranh lẫn nhau, cùng phát triển. Như vậy, kinh tế tư nhân - vốn vẫn có vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế thị trường - có điều kiện để phát triển. Sự phát triển của

kinh tế tư nhân cũng như các hình thức sở hữu phi nhà nước khác ở Trung Quốc như đã thấy hiện nay đã và đang làm thể chế kinh tế thị trường được đầy đủ hơn, hoàn thiện hơn.

Sự tập trung xây dựng các định hướng chiến lược cũng là một khía cạnh cho thấy sự củng cố, hoàn thiện chức năng điều tiết vĩ mô của Nhà nước. Trong những năm qua, các cơ quan chính quyền Trung Quốc liên tục xây dựng, điều chỉnh các định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Khi chiến lược mở cửa, phát triển các khu ven biển đã đạt được những thành tựu đáng kể, để nền kinh tế phát triển cân đối, hài hoà hơn, Trung Quốc đã đưa ra *Chiến lược phát triển miền Tây* từ cuối những năm 1990 và từ năm 2003 lại đưa ra *Chiến lược chấn hưng khu công nghiệp cũ Đông Bắc*. Trong cơ cấu ngành, cải cách đô thị từ năm 1984 đã dẫn đến tăng đầu tư và sự phát triển mạnh của công nghiệp và dịch vụ, trong khi nông nghiệp có mức đầu tư thấp, phát triển chậm, điều này làm tăng chênh lệch phát triển giữa công nghiệp và nông nghiệp cũng như giữa thành thị và nông thôn. Từ cuối những năm 1990, khi sản lượng lương thực đạt mức cao, lưu thông nông sản chậm, thu nhập của nông dân khó tăng thì Chính phủ khuyến khích nông dân đa dạng hoá cơ cấu cây trồng, chuyển sang gieo trồng các loại cây, con có giá trị kinh tế cao hơn. Sản lượng lương thực theo đó cũng giảm dần. Đến cuối năm 2003, đầu năm 2004, lại xuất hiện tình trạng

cung không đủ cầu, giá lúa gạo tăng 2 con số năm 2003 và có thể tăng ít nhất 5% trong năm 2004. Trong tình hình đó, Chính phủ lại cam kết tăng đầu tư cho nông nghiệp (ít nhất 20%, tương đương 3,6 tỷ USD trong năm 2004), nhằm nâng sản lượng lương thực lên 455 triệu tấn (so với mức 430 triệu tấn năm 2003)⁽¹⁾. Khi Trung Quốc chuẩn bị gia nhập WTO, để hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới thì phát triển khoa học công nghệ được coi trọng. Trung Quốc đã đưa ra nguyên tắc: "Xây dựng kinh tế phải dựa vào khoa học và công nghệ - khoa học và công nghệ phải hướng vào phục vụ xây dựng kinh tế"⁽²⁾. Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đã nêu lên "con đường công nghiệp hoá mới" coi trọng khoa học công nghệ. Rằng phát triển kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá phải dựa vào khoa học kỹ thuật, mà trước hết là phải phát triển tin học: "Tin học hoá là sự lựa chọn tất yếu để nước ta nhanh chóng thực hiện công nghiệp hoá và hiện đại hoá; kiên trì lấy tin học hoá lôi kéo công nghiệp hoá, lấy công nghiệp hoá thúc đẩy tin học hoá"; đi lên con đường công nghiệp hoá mới với hàm lượng khoa học kỹ thuật cao, hiệu quả kinh tế tốt, tiêu hao tài nguyên thấp, ô nhiễm môi trường giảm... Đây là những chỉ dẫn, định hướng quan trọng cho thấy vai trò điều tiết vĩ mô của nhà nước, của các cơ quan chính quyền.

1. Tin Kinh tế TTXVN, Hà Nội, ngày 12-3-2004

2. Tổng luận Khoa học, công nghệ, kinh tế số 2/2002.

b. Các công cụ kế hoạch, tài chính - tiền tệ, tỷ giá, lãi suất... Sử dụng tốt, linh hoạt các công cụ này là thể hiện rõ nhất về sự hoàn thiện hệ thống các công cụ điều tiết vĩ mô trong điều kiện nền kinh tế thị trường.

Cho đến nay, các kế hoạch sản xuất sản phẩm cũng như việc hình thành giá cả hàng hoá và dịch vụ ở Trung Quốc chủ yếu do thị trường quyết định. Kế hoạch pháp lệnh đối với sản xuất nông sản đã hoàn toàn bị huỷ bỏ. Kế hoạch pháp lệnh đối với sản xuất công nghiệp chỉ giới hạn ở 5 loại: gỗ, vàng, thuốc lá, muối và khí đốt thiên nhiên. Với hầu hết hàng tiêu dùng, giá cả đều do thị trường quyết định. Năm 2000, lượng hàng hoá do thị trường định giá chiếm tới 95,8% (so với mức 3% năm 1978). Với nguyên liệu sản xuất, tỷ lệ do Chính phủ định giá hoàn toàn chỉ là 8% (so với 100% năm 1978), phần Nhà nước định giá căn cứ theo biến động của tình hình thị trường đã lên đến 87,4%⁽¹⁾.

Chính sách tài chính - tiền tệ được vận dụng linh hoạt đã đem lại hiệu quả rõ rệt. Đầu những năm 1990, khi nền kinh tế phát triển "quá nóng", Trung Quốc đã thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ vừa phải, giúp nền kinh tế "hạ cánh mềm", tránh được những mất cân đối lớn dẫn đến khủng hoảng. Trong những năm 1997 - 1998, khủng hoảng tài chính khu vực bùng phát trong

1. Báo cáo của GS. Trường Tu Trạch và GS. Hạ Nghiệp Lương tại Hội thảo: *Trung Quốc sau Đại hội 16: Triển vọng phát triển và những vấn đề đặt ra*, tổ chức tại Viện QLKTTW ngày 21-8-2003.

khi lưu thông hàng hoá nội địa trì trệ, hàng tồn kho lớn, xuất khẩu gặp nhiều khó khăn, đồng NDT đứng trước sức ép phá giá, Trung Quốc lại thực hiện chính sách tài chính tích cực (tăng cung ứng tiền nhờ hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc, tăng cho vay để tăng đầu tư và mở rộng cầu, đặc biệt là cho vay để mua nhà, tăng phát hành trái phiếu...), kích cầu trong nước, phát huy vai trò điều tiết của các đòn bẩy kinh tế, làm cho nền kinh tế phát triển lành mạnh trở lại.

Về lãi suất: Lãi suất là một công cụ quan trọng được Nhà nước sử dụng trong quản lý kinh tế. Trong mấy năm qua, tình trạng thiếu phát kéo dài, hàng tồn kho của nhiều doanh nghiệp gia tăng, trong khi tiền tiết kiệm của các hộ gia đình tăng mạnh. Để kích thích tăng tiêu dùng, *một mặt* Trung Quốc tăng lương cho công chức, kéo dài các dịp nghỉ tết, nghỉ quốc khánh (một tuần), *mặt khác*, cắt giảm cả lãi suất cho vay lẫn lãi suất tiền gửi. Điều này *một mặt* giúp các doanh nghiệp dễ dàng hơn trong trả các khoản nợ, *mặt khác* kích thích cư dân tăng chi tiêu hoặc đầu tư nhiều hơn thay vì tiết kiệm như trước.

Về tỷ giá: Cải cách tỷ giá hối đoái ở Trung Quốc là một điển hình trong chuyển đổi vai trò, các quy tắc điều chỉnh, biến tỷ giá thành một công cụ vĩ mô hơn là với chức năng chỉ như một công cụ tính toán. Cải cách hướng tới mục tiêu có một tỷ giá sát thực, cho phép tiếp cận tự do hơn với các nguồn ngoại hối và đưa các nhân

tố thị trường vào các quyết định liên quan đến tỷ giá.

Việc phá giá đồng NDT tới gần 50% năm 1994 là một biện pháp rất quan trọng để Trung Quốc có thể mạnh dạn hạ thuế nhập khẩu, chuẩn bị gia nhập WTO mà vẫn bảo vệ được sản xuất trong nước. Điều này đã cho phép Trung Quốc hạ thấp mức thuế nhập khẩu bình quân từ 42,9% năm 1992 xuống còn 17,6% năm 1997; 15,3% năm 2001 và 11% năm 2003. Trung Quốc đã sử dụng việc hạ giá đồng NDT như là một công cụ bảo vệ sản xuất trong nước một cách hữu hiệu, đồng thời lại có thể thúc đẩy xuất khẩu.

Công cụ pháp luật: Kinh tế thị trường là kinh tế pháp chế. Kinh tế thị trường XHCN càng phát triển thì việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật càng phải được tăng cường vì trong nền kinh tế thị trường, luật pháp là một công cụ quan trọng để Nhà nước quản lý nền kinh tế. Nhận thức được kinh tế thị trường càng phát triển thì việc xây dựng pháp chế càng phải tăng cường và hoàn thiện nên Trung Quốc hết sức coi trọng xây dựng và hoàn thiện các quy tắc pháp luật. Từ khi cải cách đến năm 1997, Trung Quốc đã thông qua 328 bộ luật và những quyết định liên quan đến các bộ luật. Quốc vụ viện Trung Quốc đã ban hành 791 văn bản pháp quy hành chính. Bên cạnh đó, Hội đồng nhân dân và Ban Thường vụ Hội đồng nhân dân các tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc Trung ương đã định ra và phê chuẩn hơn 7000 pháp quy mang tính địa phương.

Các văn bản này hầu hết đều liên quan đến các quy định về phạm vi, hành vi chủ thể của kinh tế thị trường, duy trì trật tự thị trường, tăng cường điều tiết vĩ mô, tăng cường ý thức pháp chế, mở rộng cửa đối với thế giới bên ngoài... đã gây được tác dụng quan trọng.

Sau khi gia nhập WTO, đầu năm 2002, hơn 30 vụ của Ủy ban Nhà nước Trung Quốc đã rà soát hơn 2300 bộ luật và quy định hiện hành, đã bãi bỏ 830 văn bản và sửa đổi 323 văn bản. Hơn 190000 văn bản luật quy định của các cấp địa phương và các tiêu chuẩn đã được huỷ bỏ hoặc sửa đổi. Trung Quốc đã sửa đổi các luật như: Luật Liên doanh nước ngoài, Luật Công ty có vốn đầu tư nước ngoài cùng các văn bản và các quy định hướng dẫn đầu tư nước ngoài khác. Đây cũng là một khía cạnh cho thấy các nỗ lực hoàn thiện hệ thống điều tiết vĩ mô, thích ứng với các điều kiện của nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

c. Chính sách thương mại. Chính sách thương mại được sử dụng như một biện pháp điều tiết vĩ mô thể hiện ở chỗ: Nhà nước không tính toán, sắp đặt xem nên xuất khẩu, nhập khẩu từng sản phẩm cụ thể, với khối lượng cụ thể mà chỉ đạo các cơ quan đưa ra những thông tin hướng dẫn, định hướng các hoạt động thương mại, đồng thời xây dựng các chính sách hướng tới tự do hoá, đáp ứng các yêu cầu của kinh tế thị trường. Điều này được thực hiện thông qua một số khía cạnh chính như sau:

- Mở rộng quyền hoạt động thương mại, tăng thêm số lượng và loại hình những doanh nghiệp có tư cách pháp nhân làm thương mại. Trong những năm 1986 - 1992, Trung Quốc đã cải cách mạnh mẽ thể chế quản lý ngoại thương, xoá bỏ dần sự độc quyền của Nhà nước, huỷ bỏ dần trợ cấp xuất khẩu, thực hiện hạch toán kinh doanh. Từ năm 1994, Trung Quốc huỷ bỏ kế hoạch pháp lệnh đối với tổng mức nhập khẩu, thu ngoại hối xuất khẩu và dùng ngoại hối nhập khẩu, thay bằng kế hoạch mang tính chỉ dẫn. Năm 1996 thực hiện chính sách chuyển đổi đồng NDT trong các hạng mục thông thường. Từ năm 1999, Trung Quốc cho phép các công ty tư nhân được trực tiếp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu.

- Mở cửa thị trường có thứ tự. Để tăng cường hội nhập quốc tế, Trung Quốc đã từng bước mở cửa thị trường sản phẩm trong nước và cam kết trao đổi tự do đồng NDT ở các hạng mục thông thường, mở cửa một phần thị trường tiền tệ và bảo hiểm trong nước, cho phép vốn nước ngoài có điều kiện tự do hơn khi xâm nhập thị trường vốn trong nước.

- Giảm mạnh thuế quan. Chính phủ Trung Quốc đã nhiều lần hạ mức thuế quan cho phù hợp với mức chung của các nước đang phát triển. Với những đòi hỏi của việc phục hồi vị trí tại GATT và sự phát triển của nền thương mại thế giới, từ năm 1982 đến năm 2003, mức thuế quan bình quân của Trung Quốc đã giảm từ 55,6%

xuống 11%. Cùng với sự phát triển kinh tế, mức thuế quan của Trung Quốc đang giảm dần. Việc cắt giảm thuế quan như tiếp thêm sức mạnh cho kinh tế tăng trưởng nhờ tăng nhanh xuất khẩu và nhập khẩu cũng như tăng luồng vốn đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc.

- Nói lỏng các biện pháp kiểm soát phi thuế quan. Các mặt hàng quản lý bằng giấy phép nhập khẩu giảm rất nhiều trong mấy năm gần đây, đặc biệt từ cuối năm 2001. Theo các quy định gần đây nhất, danh mục mặt hàng quản lý bằng giấy phép nhập khẩu của Trung Quốc có 12 loại là: xăng dầu, cao su thiên nhiên, lốp-ô tô, thiết bị sản xuất đĩa CD, ô tô cùng linh kiện chủ yếu của ô tô, xe máy và các linh kiện chủ yếu của xe máy, máy ảnh và thân máy ảnh, đồng hồ, trục máy cùng thân gầm ô tô, chất hoá học dùng cho chế tạo vũ khí hoá học, chất dễ gây cháy, chất khử mùi. Danh mục hàng quản lý bằng thuế suất hạn ngạch nhập khẩu gồm 6 mặt hàng là: ngũ cốc (gồm tiểu mạch, ngô, gạo), dầu thực vật, lông cừu, đường ăn, bông, phân bón. Năm 2002, số hạng mục hàng hoá kiểm soát bằng giấy phép nhập khẩu của Trung Quốc đã giảm xuống còn 12.

d. Chính sách đầu tư. Trung Quốc đã có những điều chỉnh quan trọng tập trung ở các khía cạnh như: cải cách thể chế đầu tư trong nước, tiếp tục tăng thu hút đầu tư nước ngoài. Với đầu tư trong nước, thực hiện nguyên tắc: "Ai đầu tư thì người đó ra quyết định, ai

thu lợi thì người đó chịu rủi ro", mở rộng quyền tự chủ đầu tư kinh doanh của các chủ doanh nghiệp, tăng cường quản lý đầu tư của chính quyền với chế độ truy cứu trách nhiệm đầu tư rõ ràng. Hướng tới thiết lập thể chế đầu tư: thị trường định hướng, doanh nghiệp tự chủ quyết sách, ngân hàng quyết định cho vay, đa dạng hoá các phương thức tài chính - tiền tệ cho đầu tư. Nhờ nhiều cố gắng, đầu tư trong nước (đặc biệt là đầu tư của khu vực phi nhà nước đã tăng nhanh, chiếm tới 40% tổng đầu tư năm 2002). Bên cạnh đó, Trung Quốc còn tiếp tục hoàn thiện các khung pháp lý về đầu tư nước ngoài, mở rộng địa bàn và lĩnh vực cho sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài. Để hỗ trợ pháp lý cho các hoạt động đầu tư, Trung Quốc đã ký kết nhiều văn bản, hiệp định hợp tác với bên ngoài. Tính đến đầu năm 2004, Trung Quốc đã ký hiệp định song phương về bảo hộ đầu tư với 106 quốc gia và vùng lãnh thổ (38 ở châu Á, 34 ở châu Âu, 20 ở châu Phi, 5 ở Bắc và Trung Mỹ, 6 ở Nam Mỹ và 5 ở châu Úc). Bên cạnh đó, Trung Quốc còn ký hiệp định song phương về chống đánh thuế hai lần với 81 quốc gia và vùng lãnh thổ⁽¹⁾.

3. Kết luận

Khó có thể đánh giá về mức độ hoàn thiện trong vận dụng các chính sách, các công cụ vĩ mô trong những

1. Báo Đầu tư, 7-1-2004.

điều kiện mới ở Trung Quốc. Tuy nhiên, những dẫn chứng và phân tích trên đây cho thấy, cùng với việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN, Trung Quốc đã và đang thực hiện nhiều nỗ lực mạnh mẽ để chuyển đổi chức năng của các cơ quan chính quyền, hoàn thiện hệ thống điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Những nỗ lực này đã đem lại những thành công lớn, góp phần làm cho nền kinh tế phát triển nhanh, ổn định, từ đó gia tăng vị thế của Trung Quốc trên trường quốc tế.

Để hoàn thiện hơn nữa hệ thống quản lý vĩ mô trong điều kiện nền kinh tế thị trường XHCN, theo chúng tôi, trong thời gian tới Trung Quốc vẫn cần có những bước đi xa hơn, mạnh hơn trong cách nhìn nhận về vấn đề sở hữu (đặc biệt là sở hữu của các doanh nghiệp nhà nước để giải quyết triệt để tình trạng kém hiệu quả của khu vực này), điều chỉnh linh hoạt hơn các công cụ tỷ giá, lãi suất, tự do hoá nhiều hơn công tác quản lý ngoại hối, phát triển hơn nữa các thị trường nhà ở, đất đai, thị trường vốn, thị trường lao động và kỹ thuật... tiến tới xoá bỏ hoàn toàn tình trạng tồn tại hai hệ thống thị trường các yếu tố sản xuất.

Những thành công về chuyển đổi chức năng của chính quyền, về sự hoàn thiện hệ thống điều tiết vĩ mô của Trung Quốc sẽ là những kinh nghiệm để tham khảo hữu ích cho Việt Nam trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường và đẩy nhanh hội nhập kinh tế quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Báo cáo của GS. Trường Tu Trạch và GS. Hạ Nghiệp Lương tại Hội thảo: *Trung Quốc sau Đại hội XVI: Triển vọng phát triển và những vấn đề đặt ra*, tổ chức tại Viện Quản lý Kinh tế Trung ương, ngày 21/8/2003.

2. *Trung Quốc 2020*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội 2001.

3. *Lưu Lực Toàn cầu hoá kinh tế lối thoát của Trung Quốc là ở đâu?* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội 2002.

4. *Cải cách hoạt động của Chính phủ ở Trung Quốc sau khi gia nhập WTO*. Tài liệu dịch từ tiếng Trung Quốc của Viện KTTG, dịch 2002.

5. *Trung Quốc: Báo cáo công tác của Chính phủ*. Lược dịch một số nội dung trong Báo cáo công tác của Chính phủ do Thủ tướng Ôn Gia Bảo trình bày tại Kỳ họp Quốc hội thứ 2 khoá 10 ngày 5/3/2004), Tài liệu của TTX VN.

6. *Đầu tư nước ngoài ở Trung Quốc: Thành tựu, kinh nghiệm và bài học*. Báo cáo của 2 tác giả Hà Man Thanh và Trương Trường Xuân tại Hội thảo: *Chính sách ĐTNN của Trung Quốc, kinh nghiệm đối với Việt Nam*, do Viện QLKT TƯ tổ chức ngày 28-29/11/2002.

7. Thẩm Lập Nhân (chủ biên). *Xem xét toàn diện việc Trung Quốc gia nhập WTO*. Nxb. Nhân dân Giang Tô, Nam Kinh 6/2000. Tài liệu dịch của Viện Kinh tế thế giới.

8. Tập thể tác giả. *Những vấn đề mới sau khi gia nhập WTO*. Viện Khoa học xã hội Thượng Hải, 4/2000 (tài liệu dịch của Viện Kinh tế thế giới).

9. Các báo cáo của Diễn đàn: *Việt Nam sẵn sàng gia nhập WTO*, do Trung tâm KHXH & NVQG và World Bank phối hợp tổ chức tại Hà Nội, từ ngày 3 đến ngày 4/6/2003.

TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI VIỆC HOÀN THIÊN THỂ CHẾ GIÁO DỤC

THS. NGUYỄN VĂN CĂN
Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc được tiến hành từ năm 1978 với những chính sách phát triển mới về kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hoá giáo dục... và nhất là từ tháng 5 năm 1985 khi có *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về cải cách thể chế giáo dục*, đã tạo điều kiện cho công cuộc cải cách giáo dục của Trung Quốc đạt được những tiến triển quan trọng cả về lý luận và thực tiễn.

Từ sau năm 1979, tại các vùng nông thôn trên toàn Trung Quốc đã thực hiện chế độ khoán sản phẩm đến hộ gia đình mở đường cho nông nghiệp phát triển, kết quả là đã giải quyết cơ bản vấn đề lương thực - một trong những vấn đề được quan tâm trong công cuộc cải cách. Phát huy thành tựu của cải cách ở nông thôn, Trung Quốc chuyển trọng điểm cải cách ra thành phố, thực tế là để triển khai toàn diện công cuộc cải cách thể chế kinh tế và nâng cao năng lực, hiệu quả sản xuất của các ngành công nghiệp, đồng thời cũng hướng các nguồn

dầu tư tài chính đi đúng hướng. Chính sách đối ngoại mở cửa, phát triển các đặc khu kinh tế miền duyên hải cũng tạo điều kiện cho công nghiệp Trung Quốc tiếp thu công nghệ hiện đại, có điều kiện đẩy mạnh xuất khẩu. Đây chính là những điều kiện cần thiết để Trung Quốc đặt ra các mục tiêu chung của công cuộc hiện đại hoá trong những giai đoạn tiếp theo.

Giáo dục là một bộ phận của xã hội, trong quá trình phát triển chung lẽ đương nhiên giáo dục phải có nhiệm vụ đào tạo con người theo yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội. Khi điều kiện kinh tế - xã hội biến đổi tất nhiên phải tiến hành cải cách giáo dục làm cho giáo dục đáp ứng yêu cầu mới của xã hội do sự biến đổi gây ra. Như vậy, cải cách giáo dục không phải là ngẫu nhiên, không phụ thuộc vào mong muốn chủ quan của một số người, mà là sản phẩm của quy luật: kinh tế - xã hội biến đổi, đối tượng giáo dục thay đổi thì đòi hỏi phải cải cách giáo dục. Cùng với sự phát triển của kinh tế, khoa học kỹ thuật, đời sống chính trị, văn hoá, xã hội... trong thời gian qua, giáo dục Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận nhưng cũng bộc lộ một số điều bất cập cần phải tiếp tục cải cách, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu phát triển của Trung Quốc trong thời gian tới.

1. Tình hình giáo dục Trung Quốc trong những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, yêu cầu đặt ra phải hoàn thiện thể chế giáo dục

Trung Quốc đang trong giai đoạn đầu của CNXH,

(mà theo Đặng Tiểu Bình có thể kéo dài 100 năm) nên thể chế kinh tế vẫn chưa hoàn thiện, sự phát triển sức sản xuất vẫn phải đối mặt với những trở ngại mang tính thể chế. Để thích ứng với môi trường quốc tế, toàn cầu hoá kinh tế, tiến bộ khoa học kỹ thuật tăng nhanh, đáp ứng được nhiệm vụ xây dựng xã hội khá giả, Trung Quốc cần phải nhanh chóng thúc đẩy cải cách, giải phóng và phát triển hơn nữa sức sản xuất, tạo động lực to lớn cho phát triển kinh tế và tiến bộ toàn diện xã hội. Trong giai đoạn này Trung Quốc cũng xác định nhiệm vụ trọng tâm là phát triển lực lượng sản xuất, vì vậy Chính phủ Trung Quốc đặt ra chiến lược "làm cho đất nước giàu mạnh thông qua khoa học và giáo dục". Bàn về vai trò của giáo dục, Đặng Tiểu Bình đã nói: "Một đất nước có trên một tỷ dân khi giáo dục phát triển thì ưu thế to lớn về nguồn lực con người của nó sẽ không có nước nào sánh nổi"⁽¹⁾. Tháng 2 năm 1993 Trung ương Đảng và Quốc vụ viện Trung Quốc công bố *Cương yếu về cải cách và phát triển giáo dục Trung Quốc*, xác lập rõ mục đích cụ thể phát triển giáo dục trong những năm 1990 là: Cơ bản phổ cập giáo dục nghĩa vụ 9 năm trên toàn quốc; cơ bản thanh toán nạn mù chữ trong tầng lớp tráng niên, gọi tắt là "hai cơ bản"; nỗ lực phát triển giáo

1. GS. TSKH. Vũ Ngọc Hải, PGS. TS. Trần Khánh Đức chủ biên. *Hệ thống giáo dục hiện đại trong những năm đầu thế kỷ 21 (Việt Nam và thế giới)*. Nxb. giáo dục, 2003, tr.151.

đục kỹ thuật hướng nghiệp và giáo dục người lớn⁽¹⁾. *Cương yếu* cũng xác định chú ý phát triển giáo dục đại học và cao đẳng cả về nội dung và hình thức. Với chiến lược đã được xác định, giáo dục các cấp trên toàn Trung Quốc trong những năm cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI đã có những bước phát triển mới, thể hiện qua một số nội dung chính sau:

a. Số lượng người theo học tại tất cả các cấp học (đơn vị tính triệu người)⁽²⁾.

<i>Trường</i>	<i>1998</i>	<i>2002</i>	<i>2003</i>
Mẫu giáo	23,26	20,21	20,36
Tiểu học	135,48	124,93	121,56
Giáo dục đặc biệt	0,34	0,36	0,371
Trung học cơ sở	58,12	65,15	66,87
Trung học phổ thông	10,5	14,05	16,84
Giáo dục kỹ thuật ngành nghề trung cấp	14,43	9,88	11,97
Đại học và cao đẳng	7,19	11,75	14,62
Nghiên cứu sinh	0,23	0,394	0,501
<i>Cộng</i>	<i>249,55</i>	<i>246,724</i>	<i>253,09</i>

1. Hách Khắc Minh chủ biên. *20 năm cải cách giáo dục ở Trung Quốc*. Nxb. Trung Châu cổ sách, 1998, tr.290 (bản tiếng Trung).

2. Bản tin Đại sứ quán Trung Quốc số 4, số 6 năm 2003.

b. Tỷ lệ giáo viên và học sinh tại một số cấp học⁽¹⁾

<i>Cấp học</i>	<i>2001</i>	<i>2002</i>
Mẫu giáo	1: 32,07	1: 30,88
Tiểu học	1: 21,64	1: 21,96
Trung học cơ sở	1: 19,24	1: 19,29
Trung học phổ thông	1: 16,73	1: 17,80
Giáo dục ngành nghề	1: 19,91	1: 21,96
Đại học và cao đẳng	1: 18,22	1: 19

Qua thống kê trên đây ta có thể nhận thấy trong thời gian qua số lượng học sinh ở các cấp học thấp có xu hướng giảm. Điều này có thể có hai nguyên nhân đó là do việc điều chỉnh độ tuổi ở các cấp học và một phần do kết quả của chính sách dân số. Trong khi đó số lượng học sinh ở các cấp học cao lại có xu hướng tăng lên. Đồng thời tỷ lệ giữa giáo viên và học sinh ở các cấp thấp cũng có xu hướng giảm và ở các cấp học cao cũng có xu hướng tăng.

Quá trình thực hiện *Cương yếu* cũng thu được những thành tích đáng khích lệ. Hiện nay Trung Quốc về căn bản đã thanh toán nạn mù chữ trong thanh niên, tỷ lệ mù chữ trong thanh niên cả nước đã hạ xuống dưới 5% và cơ bản thực hiện chế độ giáo dục bắt buộc 9 năm. Mức độ phổ cập thực hiện "hai cơ bản" tại các khu vực dân số trong toàn quốc đã được nâng cao thêm một

1. Bản tin Đại sứ quán Trung Quốc số 6 năm 2003.

bước. Mặc dù giáo dục cơ sở của Trung Quốc có 3 đặc điểm lớn là phạm vi rộng, quy mô lớn và số người nhiều nhưng đến cuối năm 2002, tổng số huyện (thành phố, khu, cấp huyện) nghiệm thu việc thực hiện "hai cơ bản" đạt 2.598 đơn vị (bao gồm 169 đơn vị hành chính cấp huyện khác), tăng 24 huyện (thành phố, khu, cấp huyện) so với năm trước; 12 tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương) đã thực hiện "hai cơ bản" theo yêu cầu. Tỷ lệ giáo viên tiểu học đạt chuẩn và hiệu suất của việc mở lớp được nâng cao rõ rệt⁽¹⁾. Chính bước phát triển của sự nghiệp giáo dục cơ sở đã tạo một nền móng vững chắc để nâng cao tổ chất toàn dân.

Sau một thời gian tiến hành cải cách, Trung Quốc cũng đã xác định trong tương lai các phương tiện giáo dục phải có tính kỹ thuật cao mới có thể phát huy mọi giác quan của người học, thực hiện giáo dục đa chiều. Nếu cuối năm 1993 trên toàn Trung Quốc có 1/3 số huyện xây dựng và đưa vào hoạt động đài truyền hình giáo dục với hơn 1000 đài và 610 trạm thu qua vệ tinh, hơn 53000 điểm phát hình thì đến tháng 6 năm 2001 giáo dục Trung Quốc đã có gần 50 triệu học sinh, gần 70 ngàn trường tiểu học và trường trung học đã được triển khai giáo dục công nghệ thông tin. Đến thời gian này Trung Quốc đã có mạng Internet giáo dục toàn cầu (www), mạng này bao gồm cả websites chung và chuyên biệt. Ngành giáo dục cũng đã xây dựng gần 5700 trang

1. Bản tin Đại sứ quán Trung Quốc số 2 năm 1997.

website. Mạng của Bộ Giáo dục Trung Quốc có bản chữ Anh và bản chữ Trung Quốc, mạng kết nối tới tất cả các sở giáo dục, các trường cao đẳng và đại học trong cả nước⁽¹⁾. Trên cơ sở đó Trung Quốc đề ra trong năm 2001 tất cả các trường tại các thành phố lớn và vừa phải đưa công nghệ thông tin vào chương trình chính khoá.

Ngoài ra, Trung Quốc cũng chú trọng quản lý giáo dục theo pháp luật, xây dựng hệ thống pháp luật, pháp quy giáo dục để bảo đảm và thúc đẩy phát triển cải cách giáo dục. Từ năm 1980 đến năm 2000 Trung Quốc đã chế định 6 bộ luật về giáo dục, Quốc vụ viện đã ban hành 16 pháp quy và Bộ Giáo dục đã công bố hơn 200 điều lệ hành chính giáo dục. Đây chính là khung cơ bản của hệ thống pháp luật, pháp quy giáo dục ở Trung Quốc.

Tuy vậy giáo dục Trung Quốc cũng còn có một số bất cập, ví dụ như trình độ tổng thể giáo dục cơ sở chưa cao, cung cầu giáo dục vẫn còn mâu thuẫn... Theo kế hoạch 5 năm lần thứ 10 thì lượng học sinh sơ trung tăng lên nhiều trong khi cơ chế quản lý và kinh phí đầu tư chưa theo kịp, vì vậy ở vùng nông thôn hiện tượng trả chậm, nợ tiền lương giáo viên vẫn còn tương đối phổ biến. Giáo dục Trung Quốc cũng đứng trước hàng loạt những vấn đề nan giải như gian lận trong thi cử, học

1. GS.VS. Phạm Minh Hạc... (chủ biên). *Giáo dục thế giới đi vào thế kỷ 21 (sách tham khảo)*. Nxb. Chính trị Quốc gia, 2002, tr. 164 và *Bản tin Đại sứ quán Trung Quốc số 2 năm 2000, số 6 năm 2001*.

phí cao, điểm xét tuyển chưa công bằng, hiện tượng bằng giả nghiêm trọng... Công tác dạy nghề hướng vào nghề nông và những nghề gian khổ, nhất là tại khu vực miền Trung và miền Tây Trung Quốc chưa đáp ứng được bước phát triển chung dù là tốc độ phát triển ở đây vẫn còn chậm.

Đối với các trường đại học và cao đẳng, nội dung đào tạo và hệ thống giáo trình quá cũ, chương trình phân chia quá kỹ, quá chuyên sâu, nội dung đào tạo, quản lý giáo dục đại học và cao đẳng vẫn tụt hậu so với nhu cầu cải cách thể chế kinh tế và phát triển xã hội, chưa thích ứng với việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN.

Những điều bất cập này cần phải tiếp tục cải cách, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu phát triển của Trung Quốc trong thời gian tới.

2. Một vài nhận xét về nhiệm vụ hoàn thiện thể chế giáo dục trong thời gian tới

Nhìn lại lịch sử phát triển của Trung Quốc, các cuộc cải cách giáo dục luôn gắn với các giai đoạn chuyển đổi kinh tế - xã hội. Những thay đổi về cơ cấu hệ thống, loại hình trường, phân cấp quản lý, thời gian học tập, nội dung chương trình và cả hệ thống chứng chỉ văn bằng v.v.. đều xuất phát từ nhu cầu của đời sống chính trị, kinh tế - xã hội trong những giai đoạn lịch sử đó. Tuy xuất phát từ nhu cầu của sự phát triển nhưng không có nghĩa là thường xuyên xáo trộn, không bảo đảm tính ổn

định tương đối của hệ thống giáo dục, nhất là trong thời đại ngày nay, với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, loài người bước vào thời kỳ tiến bộ nhanh chóng về mọi mặt, thường xuyên đặt ra yêu cầu phải đổi mới về giáo dục, làm cho giáo dục luôn luôn phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị - xã hội, với yêu cầu đa dạng và phong phú của người học. Điều này phản ánh một đặc thù của cải cách giáo dục, bởi hoạt động giáo dục có liên quan trực tiếp đến con người, với những giá trị xã hội, văn hoá, truyền thống có ảnh hưởng sâu sắc và lâu dài qua nhiều thế hệ. Quá trình đổi mới của hệ thống giáo dục không thể thực hiện ngay mà đòi hỏi có thời gian cần thiết để chuyển trạng thái, khắc phục sức ỳ và quán tính cũ của nó. Trung Quốc sau một thời gian tiến hành cải cách mở cửa, xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN, mục tiêu và nhiệm vụ hiện nay vẫn là phấn đấu xây dựng xã hội khá giả. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội XVI, nói về mục tiêu của giáo dục đã xác định rõ: *"Hình thành hệ thống giáo dục quốc dân hiện đại tương đối hoàn thiện", "nhân dân có cơ hội tiếp thu giáo dục tốt đẹp, cơ bản phổ cập giáo dục phổ thông trung học, xoá mù chữ. Hình thành một xã hội theo mô hình toàn dân học tập, học tập suốt đời, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của con người", "đào tạo ra hàng trăm triệu người lao động có tố chất cao, hàng chục triệu nhân tài chuyên ngành, và hàng loạt nhân tài sáng tạo hàng đầu"*⁽¹⁾.

1. Báo cáo chính trị Đại hội XVI ĐCS Trung Quốc.

Để thực hiện được các mục tiêu trên, hệ thống giáo dục cần phải có những bước chuyển biến căn bản về chất và chất lượng giáo dục ở tất cả các bậc học. Các chính sách đối với giáo dục được hướng vào các lĩnh vực chủ yếu sau:

- Cần phải đưa giáo dục lên vị trí chiến lược ưu tiên phát triển, nỗ lực nâng cao trình độ tư tưởng, thông suốt quan điểm: "*Thực thi chiến lược Khoa giáo hưng quốc là sự lựa chọn tất yếu để chấn hưng Trung Hoa*"⁽¹⁾. Tăng cường quản lý nhà nước về giáo dục (cấp vĩ mô), đồng thời mở rộng việc phân quyền giáo dục và quản lý giáo dục cho địa phương và các trường đại học. Lãnh đạo các cấp cần nhận thức đầy đủ tính tất yếu và ý nghĩa quan trọng của cải cách thể chế quản lý giáo dục. Các ngành tổng hợp có liên quan cần tăng cường chỉ đạo và phối hợp nhịp nhàng, trù tính quy hoạch chung, đưa ra các chính sách và biện pháp đồng bộ, tạo điều kiện và môi trường tốt hơn cho việc đi sâu và phát triển cải cách.

- Sự phát triển giáo dục tất yếu chịu sự chi phối của nguồn lực kinh tế của đất nước. Trong khi tiềm lực kinh tế chưa mạnh vẫn phải đầu tư kinh phí cao cho giáo dục và phải được coi là chính sách quốc gia hàng đầu, phải được xem như đầu tư cho phát triển sản xuất. (Trong chừng mực nào đó có thể nói chi ngân sách quốc gia lớn

1. Bản tin Đại sứ quán Trung Quốc số 5, năm 2000.

nhất là chi cho giáo dục). Đồng thời phải xây dựng hệ thống chính sách mới để tạo nguồn kinh phí như: thu kinh phí đóng góp từ người học, các tổ chức xã hội và cơ sở sản xuất; thu lợi nhuận từ giáo dục nghề nghiệp đem lại; đổi mới chương trình dạy nghề theo nhu cầu thị trường lao động. Phát triển giáo dục theo hoàn cảnh địa phương, bảo đảm sự tham gia rộng rãi của cộng đồng vào việc quản lý giáo dục và đầu tư cho giáo dục... Khuyến khích việc mở trường lớp của các lực lượng xã hội, nhà nước. Áp dụng phương châm: tích cực khuyến khích, ủng hộ mạnh mẽ, hướng dẫn chính xác, tăng cường quản lý, để đạt được mục tiêu cải cách đề ra đến năm 2010 là cơ bản hình thành cục diện mới, song song phát triển trường công lập và dân lập.

- Các trường đại học và cao đẳng từ một ý nghĩa nào đó mà nói, là nơi cho ra những sản phẩm cuối cùng, là nơi gánh vác trọng trách là bồi dưỡng nhân tài, những cốt cán của Trung Quốc trên các mặt trận, bao gồm lãnh đạo các cấp, nhân viên nghiên cứu khoa học, những người quản lý doanh nghiệp... Phát triển giáo dục đại học và cao đẳng chính là nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực rộng rãi và có chất lượng cao. Trong điều kiện hiện tại muốn nâng cao chất lượng và hiệu quả xã hội của giáo dục đại học, các trường cần phải tiến hành cải cách một cách mạnh mẽ với những nội dung chính sau đây: Cải cách chế độ thi cử và mở rộng quy mô tuyển sinh đại học (ví dụ mở rộng giới hạn tuổi cho thí sinh, bỏ một số quy định không thích hợp trước đây... và tăng số môn

thi vào đại học...). Điều chỉnh tỷ lệ giữa các ngành học trong giáo dục đại học theo hướng nâng cao tỷ lệ các ngành ứng dụng. Trong thời gian tới sẽ lựa chọn trong số 100 trường đại học lớn để xây dựng một số trường đại học trọng điểm quốc gia nhằm tập trung đầu tư phát triển để các trường này có trình độ ngang tầm với các trường đại học quốc tế, có thể đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ mũi nhọn. Thực hiện chính sách gửi học sinh, chuyên gia đi học tập, nghiên cứu ở các cơ sở khoa học - công nghệ lớn, có trình độ cao ở các nước phát triển⁽¹⁾.

Công tác tuyển sinh của các trường đại học và cao đẳng phải có những thay đổi chuyển biến nghiêm túc, tránh hiện tượng một số năm gần đây số học sinh tốt nghiệp ở một số khoa nảy sinh vấn đề cung nhiều hơn cầu và mâu thuẫn càng ngày càng nghiêm trọng. Để tăng cường quản lý và điều chỉnh ở mức độ vĩ mô, giải quyết dần dần mâu thuẫn giữa cung và cầu hiện nay Bộ Giáo dục Trung Quốc yêu cầu các trường phải làm công tác xem lại chương trình, sửa đổi cải tiến để có một chương trình mới phù hợp, phải nắm chắc thời cơ điều chỉnh các ngành chuyên môn, nghiêm khắc khống chế việc đưa những môn học mới mà thời gian đòi hỏi nhiều, đồng thời cũng chú ý đến số lượng chiêu sinh trong các kỳ tuyển sinh.

1. GS. TSKH. Vũ Ngọc Hải, PGS. TS. Trần Khánh Đức chủ biên. *Hệ thống giáo dục hiện đại trong những năm đầu thế kỷ 21 (Việt Nam và thế giới)*. Nxb giáo dục, 2003, tr. 154.

- Trung Quốc cũng xác định trọng tâm của cải cách giáo dục là cải cách giáo dục phổ thông, mà trọng tâm của cải cách giáo dục phổ thông lại là cải cách chương trình. Theo Luật Giáo dục nước CHND Trung Hoa thì toàn bộ trẻ em sẽ học chương trình phổ cập giáo dục bắt buộc 9 năm, bao gồm tiểu học và trung học cơ sở.

Giáo dục tiểu học chủ yếu trong trường tiểu học, trường nhận trẻ em bắt đầu từ 6 - 7 tuổi. Thời gian học ở trường tiểu học là 5 hoặc 6 năm, 6 năm cho các trường bình thường, 5 năm cho các trường chuyên biệt. Các trường tiểu học mang lại cho tất cả học sinh sự phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ và thể lực.

Bậc trung học chia làm 2 cấp: Trung học cơ sở (sơ trung) 3 năm và trung học phổ thông (cao trung) 3 năm. Cơ cấu giáo dục trung học của Trung Quốc phân làm hai luồng chính là giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp, cả hai đều có cấp sơ trung và cao trung. Giáo dục phổ thông tiến hành trong các trường sơ trung và cao trung. Giáo dục nghề nghiệp tiến hành trong các trường trung học chuyên nghiệp, các trường nghề trung học (sơ trung và cao trung), trường dạy nghề công nhân cũng như các trường dạy nghề ngắn hạn nhiều loại khác nhau. Nhiệm vụ của giáo dục trung học là chuẩn bị nguồn nhân lực dự trữ cho thị trường lao động. Trong những năm tới Trung Quốc sẽ điều chỉnh cơ cấu giáo dục trung học theo xu hướng đẩy mạnh tốc độ phát triển giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp. Mục tiêu phấn đấu chủ yếu của việc dạy nghề ở Trung Quốc trong thời gian tới

là xây dựng, kiện toàn hệ thống trường dạy nghề, đi đôi với việc đào tạo và bồi dưỡng nghề nghiệp, đồng thời liên kết với các ngành giáo dục khác, phát triển nhịp nhàng hệ thống đào tạo ngành nghề, xây dựng, kiện toàn chế độ đào tạo ngành nghề thích ứng với cơ chế thị trường và nhu cầu tiến bộ của xã hội. Những học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở mà không học lên được nữa hầu hết sẽ được đào tạo nghề. Tăng thêm chỉ tiêu kế hoạch chiêu sinh dùng vào việc phát triển giáo dục của các trường dạy nghề cao đẳng. Chú trọng làm tốt việc dạy nghề hướng vào nghề nông và những nghề gian khổ, tăng nhanh bước phát triển của việc dạy nghề tại khu vực miền Trung và miền Tây Trung Quốc.

- Đối với giáo dục ở thành phố, cần phát huy các kinh nghiệm đã thu được của công tác thí điểm cải cách giáo dục tổng hợp theo tinh thần của Hội nghị Sa Thị. (Hội nghị do Bộ Giáo dục Trung Quốc triệu tập tại thành phố Sa Thị tỉnh Hồ Bắc để nghiên cứu về phương hướng dạy học ở thành phố gồm các thành phố: Giai Mộc Tư, Cẩm Châu, Yên Thái, Lạc Dương, Vu Hồ, Vô Tích, Thiệu Hưng, Tự Cống, Trường Sa, Giang Môn tham gia)⁽¹⁾. Trên cơ sở những thành tích đã thu được và theo một số chuyên gia lúc này đã đủ điều kiện cần thiết để dự thảo *Cương yếu chỉ đạo công tác thực nghiệm cải cách tổng hợp giáo dục thành phố. Cương*

1. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cương (chủ biên). *Bản về vấn đề cải cách và phát triển giáo dục*. Xuất bản năm 1999 trang 306 bản tiếng Trung).

yếu sẽ là phương hướng hành động và phát triển của cải cách giáo dục ở thành phố.

- Đối với giáo dục nông thôn, hướng ưu tiên chủ yếu là mở rộng mạng lưới cơ sở giáo dục, phát triển các trung tâm giáo dục cộng đồng, cung cấp dịch vụ thông tin quản lý và học tập dựa vào công nghệ thông tin hiện đại (mạng giáo dục, học tập trực tuyến, học từ xa qua các phương tiện viễn thông - vệ tinh - Internet, thư viện điện tử...) cũng như các dự án nông nghiệp, nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật của nhà trường nông thôn như cơ sở trường lớp, sân vận động, thiết bị và phương tiện giáo dục, công nghệ hành chính thống kê... phát triển các cơ sở giáo dục sau phổ thông (dạy nghề, cao đẳng, đại học) theo những lĩnh vực ưu tiên đặc trưng cho vùng nông thôn.

- Giáo dục dân tộc thiểu số luôn luôn được coi trọng và được hỗ trợ tích cực về chính sách và tiền vốn. Bộ Giáo dục, chính quyền các cấp phối hợp với sự đóng góp của nhân dân xây dựng thêm nhiều trường tiểu học, trường trung học dân tộc độc lập. Ngoài việc phát triển thêm các trường đại học dân tộc còn khuyến khích tăng thêm các khoa dân tộc tại các trường đại học khác nhằm tăng số học sinh, sinh viên của các dân tộc thiểu số. Trong thời gian tới chiến trường chính của chương trình xoá đói giảm nghèo bằng giáo dục có quy mô lớn nhất của Trung Quốc: "Chương trình giáo dục bắt buộc ở những khu vực nghèo khó nhà nước" sẽ chuyển từ miền Trung sang miền Tây, (gồm 9 tỉnh và khu tự trị tập

trung dân tộc thiểu số nhiều nhất của Trung Quốc là Tân Cương, Nội Mông, Thanh Hải, Ninh Hạ, Cam Túc, Tây Tạng, Vân Nam, Quảng Tây, Quý Châu). Yêu cầu các địa phương áp dụng chế độ 3 miễn đối với học sinh dân tộc, đó là: Miễn tiền sách giáo khoa, miễn học phí và miễn tạp phí.

- Trong lịch sử phát triển mấy ngàn năm của giáo dục của Trung Quốc, đạo lý tôn sư trọng đạo luôn được tôn trọng đặt lên hàng đầu, chính vì vậy đối với đội ngũ giáo viên những người trực tiếp làm công tác giáo dục, những người có vai trò quyết định sự thành công hay thất bại của công cuộc cải cách giáo dục, Trung Quốc luôn chú trọng và có những chính sách thích đáng. Ngay từ tháng 10 năm 1993 Trung Quốc đã quy định Ngày nhà giáo và ban hành Luật Giáo viên, tháng 12 năm 1995 lại ban hành *Điều lệ về tư cách giáo viên* đã thể hiện sự quan tâm của Đảng và Quốc vụ viện đối với nghề giáo⁽¹⁾. Sau khi khôi phục lại chức vụ giáo viên trong trường đại học và cao đẳng, thiết lập hệ thống chế độ bình xét chức danh cao cấp cho giáo viên trung và tiểu học thì địa vị xã hội và đãi ngộ kinh tế của giáo viên được nâng cao hơn nữa trong đời sống xã hội.

Để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cải cách trong giai đoạn tới, ngành giáo dục còn đưa ra những chủ trương cụ thể như:

1. Hách Khắc Minh chủ biên. *20 năm cải cách giáo dục ở Trung Quốc*. Nxb. Trung Châu cổ sách, 1998, tr.291 (bản tiếng Trung)

Trong khi thực hiện chuẩn hoá đội ngũ giáo viên các trường phải phấn đấu nâng chuẩn dựa vào các trường sư phạm; chuẩn quy định giáo viên cao trung phải tốt nghiệp đại học trở lên, giáo viên sơ, tiểu, mẫu giáo phải tốt nghiệp sư phạm 9+3.

Đối với giáo viên phổ thông thì mỗi huyện có 1 trường bồi dưỡng giáo viên tiểu học. Giáo viên trung học được bồi dưỡng ở các khu hoặc châu. Các giáo viên cốt cán thì được bồi dưỡng ở tỉnh.

Đối với giáo viên đại học, ngoài việc bắt buộc phải trải qua chương trình nghiên cứu sinh còn thực hiện chế độ chuyên gia đi học tập, nghiên cứu ở các cơ sở khoa học - công nghệ lớn, có trình độ cao ở các nước phát triển để nâng cao trình độ.

Để khuyến khích giáo viên công tác ở miền núi, vùng khó khăn, Trung Quốc còn có quy định sinh viên tốt nghiệp ra trường nhận công tác ở vùng núi thì được miễn thời gian tập sự (quy định chung là 1 năm). Tăng thêm phụ cấp khu vực với mức 200 NDT vào mức lương quy định 800 NDT hàng tháng của giáo viên mới ra trường về miền núi. Đối với các vùng này giáo viên vẫn có chế độ nhà tập thể. Trong trường hợp giáo viên lên công tác ở khu vực miền núi mà ký hợp đồng tình nguyện phục vụ từ 6 năm trở lên tại khu vực đó thì sẽ được chính quyền ở từng khu vực phụ cấp cho một

khoản tiền từ 60 ngàn NDT đến 80 ngàn NDT để ổn định cuộc sống⁽¹⁾.

*
* *
*

Với tinh thần chỉ đạo của Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI, Trung Quốc tiếp tục nhấn mạnh cần đi sâu hoàn thiện thể chế khoa học - kỹ thuật, giáo dục, văn hoá và y tế, đổi mới cơ chế lao động, tạo nên môi trường về thể chế để thực hiện chiến lược sử dụng nhân tài làm giàu mạnh đất nước. Cùng với đẩy mạnh xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân và hệ thống giáo dục suốt đời, Trung Quốc còn chú trọng xây dựng xã hội theo mô hình học tập, thúc đẩy toàn diện giáo dục tốt chất, tăng cường năng lực tạo việc làm, năng lực sáng tạo và lập nghiệp cho công dân nhằm chuyển áp lực dân số thành ưu thế nguồn nhân lực. củng cố và hoàn thiện thể chế quản lý giáo dục nghĩa vụ ở nông thôn, lấy quản lý của chính quyền cấp huyện làm chính. Hoàn thiện và quy phạm thể chế đầu tư giáo dục, lấy đầu tư của Nhà nước làm chính và kết hợp với nhiều kênh khác, hình thành bố cục phát triển chung Nhà nước, các tổ chức xã hội và nhân dân cùng xây dựng trường học. Trong thời gian đầu của thế kỷ mới, chúng ta tin rằng ngành giáo dục Trung Quốc sẽ hoàn thiện quá trình cải cách hệ thống giáo dục, thể chế giáo dục, qua đó góp phần hoàn thiện công cuộc xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN.

1. Theo báo cáo của Đoàn thanh tra Bộ Giáo dục Việt Nam thăm Trung Quốc từ ngày 3 đến 14/12/2003.

SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP - MỘT BẢO ĐẢM QUAN TRỌNG CHO SỰ THÀNH CÔNG CỦA VIỆC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG XHCN

TS. ĐỖ TIẾN SÂM

Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Trong các ngày từ 11 đến 14-10-2003, Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI ĐCS Trung Quốc đã họp và thông qua hai văn kiện quan trọng là *Quyết định về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN và Kiến nghị về việc sửa đổi Hiến pháp*. Tiếp theo đó, kỳ họp thứ 2 Quốc hội Khoá X Trung Quốc đã thảo luận và nhất trí thông qua việc sửa đổi Hiến pháp với số phiếu tán thành rất cao (2863 phiếu tán thành, 10 phiếu không tán thành, 17 phiếu trắng)⁽¹⁾. Tuy việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN chỉ cần thời gian khoảng 10 năm, còn Hiến pháp có tính ổn định lâu dài, nhưng nếu việc hoàn thiện này không được bảo đảm bằng pháp luật thì rất khó thực hiện và thành công được. Bởi lẽ, nền kinh tế thị trường là một nền kinh tế pháp chế, hay nói cách khác, là một nền kinh tế tồn tại

1. *Nhân dân nhật báo* (Trung Quốc) Bắc Kinh, 15-3-2001, tr. 1.

và vận hành trên một nền tảng pháp luật ổn định và hoàn thiện.

Vì vậy, trong các nội dung phải hoàn thiện, bản *Quyết định* của Trung ương ĐCS Trung Quốc đã đặt vấn đề phải "thúc đẩy toàn diện xây dựng pháp chế kinh tế", tăng cường công tác lập pháp về kinh tế, xã hội v.v... và cao hơn tất cả là phải sửa đổi cả Hiến pháp, đạo luật cơ bản hay còn gọi là "luật mẹ" của các luật khác.

Trong bài viết này, chúng tôi trình bày và phân tích một số nội dung sửa đổi có liên quan đến việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN.

1. Về việc hoàn thiện chế độ trưng dụng đất đai

Đất đai được coi là tư liệu sản xuất quan trọng và nguồn tài nguyên quý hiếm. Ở Trung Quốc, đất đai thuộc sở hữu tập thể và tập thể giao quyền sử dụng đất cho nông dân theo chế độ khoán. Tuy nhiên, tình trạng chiếm dụng đất đang xảy ra một cách tràn lan và nghiêm trọng. Bản Hiến pháp hiện hành (1982, sửa đổi các năm 1988, 1993 và 1999) quy định: "Nhà nước do nhu cầu lợi ích công cộng, có thể *trưng dụng đất đai* theo quy định pháp luật" (Khoản 3 Điều 10)⁽¹⁾. Nay căn cứ vào điều kiện thực tế, nhất là đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển, trong đó có việc đẩy nhanh tiến

1. *Hiến pháp nước CHND Trung Hoa*. Nxb. Pháp luật, Bắc Kinh, 1999, tr.8.

trình đô thị hoá nông thôn, bản Hiến pháp sửa đổi lần này được viết lại thành: "Nhà nước do nhu cầu lợi ích công cộng, có thể trưng thu hoặc *trưng dụng đất đai* theo quy định pháp luật, đồng thời có đền bù".

Việc sửa đổi này được giải thích như sau: "*Trưng thu* và *trưng dụng* là hai khái niệm vừa có điểm giống nhau lại vừa có điểm khác nhau. Giống nhau ở chỗ việc trưng thu hay trưng dụng đều là do "nhu cầu lợi ích công cộng", đều phải thông qua trình tự pháp luật, đều phải đền bù theo quy định của pháp luật. Còn điểm khác nhau ở chỗ: *Trưng thu* chủ yếu là thay đổi *quyền sở hữu*, *trưng dụng* thì chỉ là thay đổi *quyền sử dụng*. Bản Hiến pháp hiện hành chưa phân biệt rõ sự khác nhau nói trên mà đều sử dụng chung khái niệm "trưng dụng". Tuy nhiên, thực tế thời gian qua cho thấy, đất đai thuộc sở hữu tập thể ở nông thôn khi chuyển thành sở hữu nhà nước, thực chất là "trưng thu"; còn Nhà nước chỉ tạm thời sử dụng thì thực chất là "trưng dụng". Như vậy, nhằm giải quyết hài hoà mối *quan hệ tài sản* giữa *trưng thu* và *trưng dụng*, thì việc phân biệt rõ *trưng thu* và *trưng dụng* là rất cần thiết. Hơn nữa, trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay thì khi *trưng thu* và *trưng dụng* đất đai. Nhà nước đều phải đền bù theo quy định của pháp luật.

2. Về phương châm của Nhà nước đối với kinh tế phi công hữu

Ở Trung Quốc, do sự thay đổi trong chính sách của

Nhà nước nên kinh tế phi công hữu đã có một quá trình phát triển nhanh chóng. Trước cải cách mở cửa, kinh tế cá thể, tư nhân bị xem là chiếc đuôi của CNTB và phải cắt bỏ. Sau cải cách mở cửa, kinh tế tư doanh dần dần được thừa nhận và coi trọng. Bản Hiến pháp sửa đổi năm 1988 quy định: "Nhà nước cho phép kinh tế tư doanh được tồn tại và phát triển trong phạm vi pháp luật quy định. Kinh tế tư doanh là sự bổ sung của kinh tế công hữu XHCN. Nhà nước bảo hộ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của kinh tế tư doanh, thực hiện hướng dẫn, giám sát và quản lý đối với kinh tế tư doanh"⁽¹⁾. Bản Hiến pháp sửa đổi năm 1999, tiến thêm một bước khẳng định: "Kinh tế phi công hữu bao gồm kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh... trong phạm vi pháp luật quy định là bộ phận hợp thành quan trọng của kinh tế thị trường XHCN", "Nhà nước bảo hộ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh. Nhà nước thực hiện sự hướng dẫn, giám sát và quản lý đối với kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh"⁽²⁾.

Từ đó đến nay, với tư cách là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường XHCN, kinh tế phi công hữu ở Trung Quốc đã ngày càng phát triển và phát huy vai trò to lớn trong việc thúc đẩy kinh tế tăng trưởng, mở rộng cơ hội làm việc và làm sống động thị trường. Vì vậy, Báo cáo chính trị Đại hội XVI ĐCS

1. Tlđđ, tr. 42.

2. Tlđđ, tr. 49-50.

Trung Quốc đã có nhận thức mới về bộ phận kinh tế này và cho rằng: Nhà nước cần phải kiên trì không thay đổi khuyến khích, giúp đỡ và hướng dẫn kinh tế phi công hữu phát triển, đồng thời căn cứ vào pháp luật tăng cường giám sát và quản lý, thúc đẩy kinh tế phi công hữu phát triển lành mạnh. Theo tinh thần của Đại hội XVI, bản Hiến pháp sửa đổi lần này khẳng định: "Nhà nước bảo hộ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của kinh tế phi công hữu bao gồm kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh. Nhà nước khuyến khích, giúp đỡ và hướng dẫn sự phát triển của kinh tế phi công hữu, đồng thời dựa vào pháp luật thực hiện giám sát và quản lý đối với kinh tế phi công hữu".

Việc sửa đổi như vậy, theo các nhà lập pháp Trung Quốc - Hiến pháp sẽ thể hiện một cách toàn diện, chính xác tinh thần của Đại hội XVI về kinh tế phi công hữu, tức là vừa khuyến khích, giúp đỡ và hướng dẫn, lại vừa dựa vào pháp luật để thực hiện sự giám sát quản lý, làm cho kinh tế phi công hữu phát triển một cách lành mạnh. Ngoài ra, việc sửa đổi này cũng phản ánh được tình hình thực tế của chế độ kinh tế cơ bản trong giai đoạn đầu và phù hợp với yêu cầu khách quan trong sự phát triển của sức sản xuất Trung Quốc.

3. Về việc bảo hộ tài sản tư hữu

Trung Quốc là quốc gia XHCN do ĐCS lãnh đạo. Vì thế "tài sản tư hữu" là vấn đề rất nhạy cảm. Tuy nhiên,

từ khi thực hiện cải cách mở cửa đến nay, cùng với sự phát triển kinh tế và nâng cao mức sống của người dân, tài sản tư nhân của công dân cũng tăng lên ở các mức độ khác nhau. Đặc biệt là ngày càng nhiều công dân có tư liệu sản xuất tư nhân, họ đều có yêu cầu bức thiết tài sản của mình phải được pháp luật bảo hộ. Điều 13 bản Hiến pháp hiện hành (1982) đã quy định: "Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu thu nhập, tiền tiết kiệm, nhà ở và các tài sản hợp pháp khác của công dân. Nhà nước căn cứ vào quy định pháp luật bảo hộ quyền thừa kế tài sản tư hữu của công dân"⁽¹⁾.

Đúng trước yêu cầu mới của tình hình đất nước trong giai đoạn mới của thế kỷ mới. Đại hội XVI ĐCS Trung Quốc đã đặt vấn đề "hoàn thiện chế độ pháp luật bảo hộ tài sản tư nhân". Theo tinh thần đó, bản Hiến pháp sửa đổi lần này khẳng định rõ thêm: "Tài sản tư hữu hợp pháp của công dân không được xâm phạm", "Nhà nước dựa vào pháp luật quy định bảo hộ quyền tài sản tư hữu và quyền thừa kế của công dân", "Nhà nước do nhu cầu lợi ích công cộng, có thể dựa vào phát triển quy định thực hiện trưng cầu hoặc trưng dụng tài sản tư hữu của công dân, nhưng phải bồi thường".

Theo giải thích của các nhà lập pháp Trung Quốc, việc sửa đổi như vậy chủ yếu nhằm: *Một là*, làm rõ hơn nữa việc bảo hộ tài sản tư hữu hợp pháp của Nhà nước

1. Tidd, tr9.

đối với toàn thể công dân, phạm vi bảo hộ bao gồm cả tư liệu sinh hoạt lẫn tư liệu sản xuất; *hai là*, dùng khái niệm "quyền tài sản" (quyền sở hữu tài sản) thay thế cho khái niệm "quyền sở hữu" trước đây, với hàm ý sẽ làm chuẩn xác hơn, toàn diện hơn về mặt quyền lợi của công dân; *ba là*, trong một số văn bản pháp quy hiện hành ở Trung Quốc cũng đã nêu lên những quy định về trưng thu hoặc trưng dụng, nhưng việc Hiến pháp quy định thêm về chế độ trưng thu, trưng dụng tài sản tư hữu, điều đó có lợi cho việc xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bảo hộ tài sản tư hữu với nhu cầu lợi ích công cộng, Hiến pháp của nhiều quốc gia trên thế giới cũng đều có những quy định tương tự như vậy.

4. Về việc hoàn thiện chế độ bảo đảm xã hội

Bảo đảm xã hội, bao gồm bảo hiểm dưỡng lão, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo đảm mức sống tối thiểu cho cư dân thành thị và nông thôn v.v... là một trong những nội dung quan trọng của Nhà nước, nhất là Nhà nước XHCN, khi chuyển sang kinh tế thị trường. Bảo đảm xã hội có quan hệ trực tiếp đến lợi ích thiết thực của đông đảo quần chúng nhân dân. Hiến pháp hiện hành (1982) ở Trung Quốc chưa có quy định về phương diện này. Đại hội XVI ĐCS Trung Quốc (2002) khi nêu lên mục tiêu xây dựng xã hội khá giả toàn diện với 8 giải pháp về xây dựng và cải cách thể chế kinh tế đã khẳng định: "Xây dựng và kiên trì hệ thống bảo đảm

xã hội thích ứng với trình độ phát triển kinh tế là bảo đảm quan trọng cho xã hội ổn định, đất nước bình yên lâu dài"⁽¹⁾.

Theo tinh thần đó, bản Hiến pháp sửa đổi lần này đã bổ sung thêm một đoạn vào Điều thứ 14, ghi rõ: "Nhà nước xây dựng và kiện toàn chế độ bảo đảm xã hội thích ứng với trình độ phát triển kinh tế". Việc sửa đổi như vậy theo các nhà lập pháp Trung Quốc, đây là một nội dung quan trọng của việc đi sâu cải cách thể chế kinh tế, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN, là yêu cầu khách quan của sự phát triển kinh tế thị trường XHCN, đồng thời cũng là một bảo đảm quan trọng cho sự ổn định lâu dài của xã hội và đất nước.

5. Về việc bảo đảm nhân quyền

Bản Hiến pháp 1982 đã dành một chương (chương 2) với 24 điều (từ Điều 33 đến Điều 56) để nói về những quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Bản Hiến pháp sửa đổi lần này đã bổ sung thêm một câu mà theo tôi là hết sức quan trọng là: "Nhà nước tôn trọng và bảo đảm nhân quyền". Theo giải thích của các nhà lập pháp Trung Quốc, việc bổ sung như vậy nhằm: *Một là*, tôn trọng và bảo đảm nhân quyền là phương châm nhất quán của Đảng và Nhà nước Trung Quốc. Việc đưa nội

1. Văn kiện Đại hội XVI ĐCS Trung Quốc. Nxb. Nhân dân, Bắc Kinh, 2002, tr.28.

dung này vào trong Hiến pháp, điều đó khẳng định hơn sự bảo đảm về mặt pháp luật đối với việc quán triệt chấp hành phương châm của Đảng và Nhà nước Trung Quốc; hai là, các văn kiện Đại hội XV (1997) và Đại hội XVI (2002) của ĐCS Trung Quốc đều đã nêu lên phương châm "tôn trọng và bảo đảm nhân quyền". Vì vậy, việc đưa nội dung này vào Hiến pháp đã thể hiện được yêu cầu bản chất của chế độ XHCN, có lợi cho việc thúc đẩy sự phát triển của sự nghiệp nhân quyền XHCN ở Trung Quốc, đồng thời có lợi cho việc trao đổi và hợp tác quốc tế trong vấn đề nhân quyền của Trung Quốc. Ngoài ra, theo tôi, việc làm này còn góp phần làm giảm sức ép của các nước phương Tây trong việc lợi dụng vấn đề nhân quyền để can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc.

Tóm lại, những sửa đổi nêu trên theo chúng tôi là rất quan trọng, nó sẽ góp phần bảo đảm về mặt pháp luật cho sự thành công của việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN. Chẳng hạn, đưa vấn đề trưng dụng đất đai vào trong Hiến pháp điều đó thể hiện một sự coi trọng của Đảng và Nhà nước đối với lợi ích của người công dân; việc khẳng định rõ phương châm của Nhà nước đối với kinh tế phi công hữu chứng tỏ rằng Nhà nước đã và sẽ thực hiện sự đối xử bình đẳng đối với khu vực kinh tế này, tạo môi trường pháp luật và dư luận lành mạnh cho kinh tế phi công hữu phát triển; việc đưa vấn đề bảo vệ tài sản tư hữu vào trong Hiến pháp

là một bước tiến trong lịch sử, góp phần làm cho nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế khác nhau có thể yên tâm hoạt động sản xuất và kinh doanh; việc hoàn thiện chế độ bảo đảm xã hội sẽ góp phần thúc đẩy tiến trình lập pháp về bảo đảm xã hội Trung Quốc - một vấn đề hết sức nhức nhối ở Trung Quốc hiện nay; còn việc đưa vấn đề bảo đảm và tôn trọng nhân quyền vào trong Hiến pháp đã thể hiện quan điểm của tập thể lãnh đạo mới ở Trung Quốc trong việc khẳng định phương châm "lấy con người làm gốc", điều đó cũng phản ánh yêu cầu phát triển của thời đại, hợp lòng người và nhờ vậy nó sẽ góp phần quan trọng cho việc thúc đẩy sự phát triển toàn diện con người và tiến bộ xã hội ở Trung Quốc.

TĂNG CƯỜNG VÀ CẢI THIỆN SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC TRONG BỐI CẢNH LỊCH SỬ MỚI

PGS. NGUYỄN HUY QUÝ
Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN (thông qua tại Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI ngày 14 - 10 - 2003) đã kêu gọi "tăng cường và cải thiện sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN"⁽¹⁾. Có thể nói rằng chuyển sang thế kỷ XXI, trong bối cảnh mới của tình hình quốc tế và trong nước, cũng như trong Đảng, Đảng Cộng sản Trung Quốc đang đứng trước những nhiệm vụ mới, vấn đề mới, đòi hỏi phải tăng cường và cải thiện sự lãnh đạo của Đảng.

1. *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN*. Nxb. Nhân dân, Bắc Kinh, 2003, tr.22.

1. Bối cảnh mới của tình hình quốc tế, trong nước và trong Đảng

a. Bối cảnh quốc tế

Thế kỷ XX đã kết thúc cùng với sự kết thúc chiến tranh lạnh và trật tự quốc tế Yalta, hình thành thế "một siêu nhiều cường" phát triển theo xu hướng đa cực hoá. Cuộc chạy đua tăng cường sức mạnh tổng hợp để chiếm vị thế tối ưu trong thế kỷ XXI giữa các quốc gia đang diễn ra gay gắt trong bối cảnh toàn cầu hoá và tri thức hoá kinh tế thế giới. Hoà bình và phát triển trở thành xu thế chung, mặc dù cạnh tranh quốc tế càng trở nên gay gắt.

Đảng Cộng sản Trung Quốc nhận định rằng: "Hoà bình và phát triển vẫn là chủ đề thời đại ngày nay... Sự phát triển của xu thế đa cực hoá thế giới và toàn cầu hoá kinh tế đã đem lại cơ hội và những điều kiện có lợi cho hoà bình và phát triển của thế giới. Chiến tranh thế giới mới không có khả năng bùng nổ trong thời gian có thể dự kiến được. Tranh thủ môi trường quốc tế hoà bình và môi trường xung quanh ổn định trong thời gian tương đối dài là điều có thể thực hiện được"⁽¹⁾. Có thể khẳng định bối cảnh quốc tế hiện nay tạo cơ hội thuận lợi cho công cuộc hiện đại hoá của Trung Quốc. Nhưng

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nxb. Chính trị quốc gia, 2003, tr.81.

mặt khác, tình hình quốc tế cũng có những tác động không có lợi đối với sự phát triển theo con đường XHCN của Trung Quốc: phong trào XHCN trên thế giới đi vào giai đoạn thoái trào có lẽ còn tương đối dài; toàn cầu hoá kinh tế do các nước tư bản phát triển chi phối không thể không tác động tới các lĩnh vực chính trị, văn hoá, nhất là về tư tưởng đạo đức, quan niệm giá trị, lối sống. Mặt trái của toàn cầu hoá kinh tế thế giới và chính sách mở cửa của Trung Quốc đang đặt ra những vấn đề mới, những thử thách mới đối với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

b. Tình hình trong nước

Qua 25 năm cải cách mở cửa và phát triển, nhất là qua hơn 10 năm chuyển sang kinh tế thị trường và chính trị pháp quyền, Trung Quốc đã đạt được những thành tựu rất to lớn trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, ngoại giao v.v..., hình thành về cơ bản cơ chế thị trường XHCN, hoàn thành 2 bước trong chiến lược 3 bước phát triển kinh tế, gia nhập WTO để hội nhập kinh tế thế giới; về tổng thể đời sống nhân dân đã đạt mức khá giả; công cuộc xây dựng nền chính trị dân chủ và văn minh tinh thần XHCN đã đạt những thành tích đáng ghi nhận; thu hồi chủ quyền và thực hiện chính sách "một nước hai chế độ" đối với Hồng Kông và Ma Cao; nâng cao uy tín và vị thế của Trung Quốc trên trường quốc tế. Những thành tựu đó đã tạo cơ

sở vững chắc cho Trung Quốc vững bước chuyển sang thế kỷ XXI.

Mặt khác, trong nước Trung Quốc cũng đang tồn tại những vấn đề khó khăn không nhỏ cần phải giải quyết, khác phục trong quá trình đi lên hiện đại hoá. Những mâu thuẫn cố hữu trong tầng sâu của nền kinh tế, nhất là vấn đề kết cấu kinh tế chưa được giải quyết một cách hợp lý, lại thêm những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình cải cách phát triển, nhất là vấn đề quan hệ lợi ích giữa các tầng lớp cư dân đang trong quá trình phân hoá, vấn đề mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển và ổn định xã hội. Cải cách và mở cửa, kinh tế thị trường và toàn cầu hoá tất yếu sẽ tác động đến đời sống chính trị, tư tưởng, văn hoá. Môi trường xã hội và cơ sở quần chúng của Đảng Cộng sản Trung Quốc có những thay đổi mới không thể không tác động đến sự lãnh đạo của Đảng.

c. Tình hình trong Đảng

Bước sang thế kỷ XXI, Đảng Cộng sản Trung Quốc bước sang tuổi 80. Là một Đảng lớn với hơn 66 triệu đảng viên, cầm quyền và lãnh đạo một đất nước có 1,3 tỷ dân, Đảng Cộng sản Trung Quốc có một vai trò đặc biệt trong phong trào cộng sản quốc tế. Trải qua quá trình cách mạng lâu dài, gian khổ, quyết liệt và quá trình xây dựng CNXH với nhiều bước thăng trầm, nhất là trong 25 năm cải cách mở cửa, Đảng Cộng sản Trung

Quốc đã lớn mạnh và dày dặn kinh nghiệm. Mặt khác, hiện nay Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng đang đứng trước những vấn đề tồn tại cần phải giải quyết mới có thể hoàn thành được nhiệm vụ lãnh đạo công cuộc hiện đại hoá đất nước theo con đường XHCN trong giai đoạn lịch sử mới. Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đã khẳng định những thành tựu về xây dựng Đảng, đồng thời đã chỉ rõ những vấn đề tồn tại: "... Chủ nghĩa hình thức, tác phong quan liêu, hành vi lừa gạt giả dối, phô trương lãng phí trong một số đảng viên và cán bộ lãnh đạo tương đối nghiêm trọng, những hiện tượng hủ bại vẫn nổi cộm; phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng vẫn chưa hoàn toàn thích ứng với yêu cầu của tình hình mới và nhiệm vụ mới, có những tổ chức Đảng yếu kém, rời rạc. Chúng ta phải đặc biệt coi trọng những vấn đề tồn tại, tiếp tục áp dụng những giải pháp mạnh mẽ để giải quyết⁽¹⁾".

Có thể nói khái quát: phẩm chất của cán bộ đảng viên và trình độ lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng là hai vấn đề quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng Cộng sản Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay nhằm thích ứng với tình hình và hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn lịch sử mới.

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc. Sđd, tr.15.

2. Công tác xây dựng Đảng Cộng sản Trung Quốc trong giai đoạn mới

Trước tình hình và nhiệm vụ mới, để tiến hành công cuộc "xây dựng toàn diện xã hội khá giả" do Đại hội XVI đề ra, thực hiện chủ trương hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN theo Quyết định của Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI, Đảng Cộng sản Trung Quốc đang tăng cường và cải thiện sự lãnh đạo của Đảng.

Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN đã khẳng định: "Sự lãnh đạo của Đảng là đảm bảo căn bản để công cuộc cải cách được tiến hành một cách thuận lợi. Xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN hoàn thiện là một quyết sách của Đảng ta trong thế kỷ mới, giai đoạn mới, có ý nghĩa hiện thực quan trọng và ý nghĩa lịch sử lâu dài, là một thử thách lớn lao mới đối với toàn Đảng"⁽¹⁾.

Xuất phát từ yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ trong giai đoạn mới, vấn đề tăng cường và cải thiện sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc đang triển khai theo những hướng chủ yếu như sau:

1. *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN*. Sđd, tr. 22-23

a. Nâng cao trình độ lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng

Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc vừa qua đã kêu gọi "Các đồng chí trong toàn Đảng cần nhận thức đầy đủ trách nhiệm lịch sử đang phải gánh vác, không ngừng học tập tri thức mới, nghiên cứu tình hình mới, giải quyết vấn đề mới, tiếp tục tìm tòi con đường và phương thức kết hợp hữu cơ chế độ XHCN với kinh tế thị trường. Phải tự giác thích ứng với tình hình mới trong sự phát triển kinh tế thị trường XHCN, cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng v.v..."⁽¹⁾.

Quyết định áp dụng thể chế kinh tế thị trường trong chế độ XHCN là một sáng tạo có ý nghĩa lịch sử, đồng thời cũng là một quá trình "dò đá qua sông", không ngừng "tìm tòi con đường và phương thức kết hợp hữu cơ chế độ XHCN với kinh tế thị trường", bảo đảm thành công của công cuộc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường XHCN. Chế độ TBCN đã có hàng trăm năm thực hiện kinh tế thị trường, còn CNXH thì chỉ mới bắt đầu. Kinh tế thị trường XHCN ở Trung Quốc mới sơ bộ hình thành, mức độ thị trường hoá của nền kinh tế Trung Quốc mới chỉ đạt khoảng 50%. Thể chế kinh tế thị trường đã bắt đầu phát huy tác dụng tích cực thúc đẩy kinh tế Trung Quốc phát triển, nhưng mặt trái của

1. Tlđđ.

kinh tế thị trường cũng đã làm nảy sinh những vấn đề kinh tế - xã hội mà nếu không được khắc phục sẽ tác động tiêu cực đến chế độ XHCN. *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường* vừa qua đã đề ra nhiệm vụ nâng cao trình độ lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng nhằm đáp ứng yêu cầu của công cuộc hiện đại hoá XHCN trong giai đoạn mới, cụ thể là giải quyết vấn đề lý luận, đường lối, chính sách hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN, vừa đủ phẩm chất và năng lực để đưa lý luận, đường lối, chính sách đó vào cuộc sống.

Để nâng cao trình độ lãnh đạo và năng lực cầm quyền, Đảng Cộng sản Trung Quốc đặt công tác tư tưởng lý luận vào vị trí hàng đầu. Dưới sự chỉ đạo của "tư tưởng quan trọng Ba đại diện" - đại diện cho yêu cầu phát triển của sức sản xuất tiên tiến Trung Quốc, đại diện cho phương hướng đi lên của nền văn hoá tiên tiến Trung Quốc, đại diện cho lợi ích căn bản của quần chúng nhân dân đông đảo nhất của Trung Quốc - Đảng Cộng sản Trung Quốc rất coi trọng việc nghiên cứu sáng tạo lý luận, dùng lý luận khoa học trang bị cho toàn Đảng, nhất là cho đội ngũ cán bộ. Với sự chỉ đạo của phương pháp luận Mác-xít, hậu thế phải tự khai phá con đường đi lên CNXH. Đảng Cộng sản Trung Quốc cho rằng: "Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác bao giờ cũng phải được quán triệt, nếu không sự nghiệp của chúng ta sẽ không có cơ sở lý luận và linh hồn tư tưởng

đúng đắn mà lầm đường và thất bại. Đồng thời, chủ nghĩa Mác có phẩm chất lý luận là luôn tiến cùng thời đại, nó không ngừng phát triển cùng với sự phát triển của thời đại, thực tiễn và khoa học. Phủ nhận tính khoa học của chủ nghĩa Mác, vứt bỏ cả tổ tiên là sai lầm, là có hại; theo chủ nghĩa Mác kiểu giáo điều cũng là sai lầm, có hại. Thái độ đúng đắn là vừa kiên trì những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác, vừa viết ra những trang lý luận mới mẻ, vừa phát huy truyền thống cách mạng, vừa sáng tạo những kinh nghiệm mới, biết giải phóng tư tưởng và thống nhất tư tưởng, dùng chủ nghĩa Mác phát triển để chỉ đạo thực tiễn mới"⁽¹⁾.

Nếu "nhân tài là nguyên khí quốc gia" thì đối với một đảng lãnh đạo, cầm quyền, nhân tài là điều kiện quan trọng đặc biệt thể hiện trình độ lãnh đạo, năng lực cầm quyền của đảng đối với đất nước. Cuối năm 2003, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tổ chức "Hội nghị nhân tài toàn quốc", phân tích tình hình nhiệm vụ và những nguyên tắc đào tạo, trọng dụng nhân tài trong giai đoạn lịch sử mới, đề ra phương châm "lấy con người làm gốc, tôn trọng lao động, tôn trọng tri thức, tôn trọng nhân tài, tôn trọng sáng tạo". Trên con đường hiện đại hoá

1. Hạ Quốc Cường. Không ngừng nâng cao trình độ lãnh đạo và trình độ cầm quyền, tăng cường năng lực chống hủ bại, phòng biến chất và đối phó với rủi ro. Báo cáo khoa học tại Hội thảo lý luận về xây dựng Đảng cầm quyền do hai Đảng Cộng sản Việt Nam và Trung Quốc tổ chức tại Hà Nội, ngày 16 - 2 - 2004.

XHCN, trong thời đại toàn cầu hoá và tri thức kinh tế thế giới, khoa học kỹ thuật là lực lượng sản xuất hàng đầu, Đảng Cộng sản Trung Quốc đặc biệt coi trọng nhân tài, đặc biệt là đào tạo bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ lãnh đạo tài năng, trẻ trung, đầy nhiệt huyết sáng tạo, đủ phẩm chất và năng lực đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử lãnh đạo đất nước. Hiện nay Đảng Cộng sản Trung Quốc đang có kế hoạch 5 năm, kể từ năm 2003, tổ chức các lớp học tập bồi dưỡng cho toàn thể cán bộ lãnh đạo từ cấp huyện, vụ trở lên (khoảng 540000 người). Một loạt các biện pháp đang được áp dụng nhằm nâng cao trình độ lý luận và trình độ thực tiễn của đội ngũ cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng từ Trung ương đến địa phương. Trong 10 năm tới, qua kế hoạch luân chuyển cán bộ, Trung Quốc sẽ chuyển đi 10000 cán bộ và phái tới 10000 cán bộ để nâng cao trình độ lãnh đạo và năng lực công tác của đội ngũ cán bộ lãnh đạo ở miền Tây, nơi "tài nguyên chất xám" khan hiếm hơn miền Đông.

Có thể nói rằng, chức năng lãnh đạo của Đảng đầu tiên là lãnh đạo về tư tưởng. Trong giai đoạn hiện nay, Đảng Cộng sản Trung Quốc càng nhấn mạnh công tác tư tưởng lý luận vẫn có vị trí quan trọng hàng đầu nhằm làm cơ sở cho việc hoạch định và đưa ra đường lối chính sách của Đảng vào cuộc sống.

b. Cải tiến phương thức lãnh đạo của Đảng

Từ ngày Trung Quốc chuyển sang cải cách, mở cửa,

hiện đại hoá đất nước, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đặc biệt coi trọng việc cải tiến phương thức lãnh đạo của Đảng. Sau Đại hội XIV (1992) và Đại hội XV (1997), Đảng Cộng sản Trung Quốc với đường lối xây dựng kinh tế thị trường XHCN và Nhà nước pháp quyền XHCN, việc cải cách phương thức lãnh đạo của Đảng càng trở nên cấp thiết. Bước sang thế kỷ XXI, Trung Quốc chuyển sang giai đoạn "Xây dựng toàn diện xã hội khá giả" với nhiệm vụ "hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN". Việc cải thiện phương thức lãnh đạo của Đảng phải đạt tới một tầm cao mới.

Đảng Cộng sản Trung Quốc từ trước tới nay vẫn lấy chế độ tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức và nguyên tắc lãnh đạo căn bản của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, trong thực tiễn, mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ diễn ra rất phức tạp, nhất là việc vận dụng vào thể chế, phương thức lãnh đạo. Rút kinh nghiệm từ tình trạng hỗn loạn xã hội, lạm dụng danh nghĩa "chuyên chính vô sản" trong "cách mạng văn hoá", Đặng Tiểu Bình đã nói rằng: "Phải thể chế hoá, luật pháp hoá nền dân chủ, làm cho những thể chế, luật pháp đó không thay đổi do thay đổi người lãnh đạo, không thay đổi do sự thay đổi quan điểm và mức độ quan tâm của người lãnh đạo"⁽¹⁾. "Những sai lầm chúng ta mắc phải trước đây tất nhiên có liên quan đến tư tưởng, tác phong của một số người lãnh đạo, nhưng quan trọng hơn là

1. *Vấn tuyển Đặng Tiểu Bình*. Bản tiếng Trung, tập 2, tr. 146.

vấn đề chế độ tổ chức, chế độ công tác. Chế độ tổ chức, chế độ công tác tốt thì người xấu không thể tùy tiện làm bậy, chế độ không tốt thì người tốt cũng không thể làm được việc tốt, thậm chí có thể trở thành người xấu"⁽¹⁾.

Thế chế kinh tế thị trường đòi hỏi một Nhà nước thực sự dân chủ. Hoàn thiện thế chế kinh tế thị trường XHCN đòi hỏi phải hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN. Hoàn thiện thế chế kinh tế thị trường và Nhà nước pháp quyền XHCN đòi hỏi phải hoàn thiện sự lãnh đạo của Đảng cầm quyền. Trong giai đoạn mới của công cuộc hiện đại hoá XHCN, sự đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc có một tầm quan trọng đặc biệt. Hiện nay, Đảng Cộng sản Trung Quốc đang từng bước cải tiến quan hệ giữa Đảng và chính quyền theo những nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền XHCN; xây dựng cơ chế giám sát dân chủ, cải tiến quan hệ giữa Đảng Cộng sản với các đảng phái dân chủ và đoàn thể quần chúng. Tất nhiên, để thực hiện được sự lãnh đạo đối với nền dân chủ XHCN, trước hết Đảng Cộng sản Trung Quốc phải thực hiện được dân chủ trong Đảng. Nhằm mục tiêu đó, *Điều lệ Đảng Cộng sản Trung Quốc* (do Đại hội XVI thông qua ngày 14-11-2002) đã khẳng định: "Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo nhân dân phát triển nền chính trị dân chủ XHCN, xây dựng văn minh chính trị XHCN. Kiên trì mở rộng dân chủ XHCN, kiện toàn pháp chế XHCN, quản lý đất

1. Văn tuyển Đặng Tiểu Bình, tập 2, tr. 333.

nước theo pháp luật, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN... Cần phát huy đầy đủ dân chủ nội bộ Đảng, phát huy tính tích cực và tính sáng tạo của tổ chức đảng các cấp và đông đảo đảng viên..."⁽¹⁾ .

c. Đấu tranh chống hủ bại, phòng biến chất, mở rộng cơ sở quần chúng, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh

Lịch sử các đảng cầm quyền trên thế giới cho thấy một đảng càng lâu năm thì càng dày dặn kinh nghiệm nhưng đồng thời cũng càng dễ xuất hiện những nguy cơ thoái hoá biến chất, xa rời quần chúng. Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tồn tại hơn 80 năm, Đảng đã lớn mạnh hơn bao giờ hết và thành tựu thu được vô cùng to lớn, nhưng cũng đứng trước những thử thách nghiêm trọng do tình trạng hủ bại của một bộ phận cán bộ, đảng viên. "Hủ bại" là tham nhũng, lạm dụng quyền lực và những tệ nạn suy đồi khác làm biến chất người đảng viên; hiện tượng "hủ bại" trong Đảng sẽ dẫn đến nguy cơ xa rời quần chúng. Hiện tượng hủ bại trong Đảng có căn nguyên lịch sử sâu xa nhưng trong điều kiện nền kinh tế chuyển đổi sang cơ chế thị trường thì càng có cơ hội để phát sinh nghiêm trọng và phức tạp hơn. Trước đây, Đặng Tiểu Bình đã cảnh báo: "Không chống được hủ bại, nhất là hiện tượng hủ bại trong lãnh đạo cấp cao

1. Văn kiện Đại hội đại biểu Trung Quốc lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc. Sđd, tr. 107-113.

của Đảng" thì Đảng sẽ đứng trước "nguy cơ thất bại"⁽¹⁾. Trong những năm 90 của thế kỷ trước, tình trạng hủ bại vẫn tiếp tục nghiêm trọng, đặc biệt là thể hiện ở một số cán bộ cao cấp. Trong bài phát biểu ngày 1-7-2001 nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc, Tổng Bí thư Giang Trạch Dân đã kêu gọi "Các đồng chí trong toàn Đảng phải xuất phát từ tâm cao của sự sinh tử tồn vong của Đảng và đất nước, nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác chống hủ bại, xây liêm chính"⁽²⁾.

Đảng Cộng sản Trung Quốc không những đấu tranh chống hủ bại trong nội bộ Đảng mà còn phải lãnh đạo để xây dựng một hệ thống chính quyền trong sạch, liêm chính, đáp ứng yêu cầu của công cuộc "xây dựng toàn diện xã hội khá giả", "hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN" trong bối cảnh Trung Quốc đã hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Đảng Cộng sản Trung Quốc đã nhận thức được chống hủ bại là một nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, lâu dài, nhưng phải kiên trì tiến hành đến cùng, vì đó là vấn đề liên quan đến "sự tồn vong" cả Đảng và của đất nước.

Trong bối cảnh phân tầng xã hội diễn ra cùng với quá trình cải cách phát triển, quan hệ lợi ích giữa các

1. Giang Trạch Dân. *Bàn về xây dựng Đảng*. Nxb. Văn kiện Trung ương, Bắc Kinh, 2003, tr. 146 - 519.

2. Sđd.

tầng lớp xã hội có những thay đổi phức tạp, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã coi trọng vấn đề củng cố và mở rộng cơ sở quần chúng của mình. Đảng đã đặc biệt nhấn mạnh việc "đại diện cho lợi ích căn bản của quần chúng nhân dân đông đảo nhất", đồng thời đã thu hút vào Đảng những người ưu tú trong các tầng lớp xã hội mới xuất hiện, trong đó có những doanh nghiệp tư nhân. Điều lệ sửa đổi của Đảng Cộng sản Trung Quốc (thông qua tại Đại hội XVI) đã khẳng định: "Đảng Cộng sản Trung Quốc là đội tiên phong của giai cấp công nhân Trung Quốc, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân Trung Quốc và dân tộc Trung Hoa". Ban lãnh đạo mới của Đảng trong các phát biểu gần đây đã đặc biệt nhấn mạnh tôn chỉ "lập Đảng vì công", "chấp chính vì dân" ("lập Đảng vì công chúng", "cầm quyền vì dân chúng"), Đảng không có lợi ích riêng ngoài lợi ích chung của quần chúng nhân dân.

Nói tóm lại, trong giai đoạn mới của quá trình hiện đại hoá XHCN, Đảng Cộng sản Trung Quốc đang đứng trước những nhiệm vụ lịch sử nặng nề, những cơ hội to lớn và những thử thách không nhỏ. Để lãnh đạo thành công sự nghiệp xây dựng toàn diện xã hội khá giả, tiến lên hoàn thành công cuộc hiện đại hoá đất nước, Đảng Cộng sản Trung Quốc đang tăng cường và cải tiến công tác xây dựng Đảng; nâng cao trình độ lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng, cải tiến phương thức lãnh đạo của Đảng, đấu tranh chống hủ bại, phòng biến chất, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh.

TRUNG QUỐC VỚI VIỆC HOÀN THIỆN
THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. VI QUANG THỌ

Biên tập:

HÀ VINH

Sửa bản in:

HÀ VINH

Trình bày bìa:

HÔNG QUANG

Kỹ thuật in:

HÔNG QUANG